

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI LAM SƠN

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA CƠ SỞ KHÁCH SẠN DRAGON SEA

**ĐỊA ĐIỂM: 43 ĐƯỜNG HỒ XUÂN HƯƠNG, PHƯỜNG
TRƯỜNG SƠN, THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

Thanh Hoá, tháng 05 năm 2025

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ KHÁCH SẠN DRAGON SEA
ĐỊA ĐIỂM: 43 ĐƯỜNG HỒ XUÂN HƯƠNG, PHƯỜNG
TRƯỜNG SƠN, THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Hải

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....	vi
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	7
1. Tên chủ cơ sở	7
2. Tên cơ sở	7
2.1. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở	9
2.3. Quy mô cơ sở	9
2.4. Yếu tố nhạy cảm	11
2.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.....	12
2.6. Phân nhóm dự án:	12
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	12
3.1. Công suất của cơ sở.....	12
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	12
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	13
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	13
4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng của cơ.....	13
4.1.1 Danh mục máy móc, thiết bị	13
4.1.2. Nhu cầu nguyên liệu của cơ sở	14
4.2. Nhu cầu sử dụng điện.....	16
4.3. Nhu cầu sử dụng nước.....	16
4.4. Nhu cầu sử dụng lao động.....	19
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	20
5.1. Vốn đầu tư.....	20
5.2. Tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở	20
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	21
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	21
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	21
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	24
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	24
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	24
1.2. Thu gom, thoát nước thải	25
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	45

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	48
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	49
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	50
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành:	52
6.1. Biện pháp giảm thiểu sự cố, rủi ro do hư hỏng hệ thống xử lý nước thải:	52
6.2. Biện pháp giảm thiểu sự cố, rủi ro do các sự cố khác:.....	53
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	59
7.1. Các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở đã được điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt	59
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	60
A. Nội dung đề nghị quản lý đối với nước thải.....	60
1. Nguồn phát sinh nước thải:	60
2. Lưu lượng xả nước thải tối đa : $63 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$	60
3. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải.....	60
4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:.....	60
5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải	61
B. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	61
C. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	61
1. Nguồn phát sinh:	61
2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	61
3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung.....	62
D. Nội dung yêu cầu về quản lý chất thải	62
1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:	62
1.1. Khối lượng, chung loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:	62
1.2. Khối lượng, chung loại chất thải rắn khác phát sinh:.....	62
1.3. Khối lượng, chung loại chất thải sinh hoạt phát sinh:.....	62
2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại:.....	63
2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:.....	63
2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:.....	63
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	64
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường	64
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải	64
2.1. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ	64
2.2. Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp khả năng đáp ứng của công trình	

xử lý nước thải.....	65
3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải.....	65
4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải.....	67
5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở.....	68
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ	
CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	69
1. Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	69
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	69
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:.....	69
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	70
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	70
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:	70
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.....	70
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	71
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	72

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	: Bộ Tài nguyên Môi trường
BYT	: Bộ Y tế
BVMT	: Bảo vệ môi trường
CHXHCN	: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
CTNH	: Chất thải nguy hại
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
KTHT	: Kinh tế hạ tầng
HTXL	: Hệ thống xử lý
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải
QĐ	: Quyết định
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QCCP	: Quy chuẩn cho phép
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
XLNT	: Xử lý nước thải
STNMT	: Sở Tài nguyên Môi trường
UBND	: Ủy ban nhân dân
CHC	: Chlorinated Hydrocarbon

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Hạng mục công trình tại cơ sở.....	10
Bảng 1. 2 Danh mục máy móc cơ sở	13
Bảng 1. 3 Nhu cầu sử dụng hóa chất.....	15
Bảng 1. 4: Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở.....	16
Bảng 1. 5: Bảng nhu cầu nước tại cơ sở.....	17
Bảng 1. 6: Bảng cân bằng nhu cầu nước tại cơ sở	18
Bảng 1. 7: Bảng sử dụng vốn	20
Bảng 3. 1: Bảng cân bằng nhu cầu nước.....	25
Bảng 3. 2. Nguồn phát sinh nước thải cần dẫn về HTXLNT TT xử lý	26
Bảng 3. 4 Bảng tổng hợp thông số kỹ thuật các công trình xử lý nước thải	35
Bảng 3. 5 Tổng hợp kích thước các bể của Hệ thống XLNT tập trung	42
Bảng 3. 6 Danh mục máy công trình trạm XLNT tập trung của cơ sở.....	42
Bảng 3. 7 Hóa chất phục vụ hệ thống XLNT tập trung	44
Bảng 3. 8. Hiệu suất xử lý nước thải của HTXLNT tập trung công suất.....	44
Bảng 3. 9 Khối lượng CTNH phát sinh tại cơ sở.....	50
Bảng 3. 10 Tóm tắt các sự cố xảy ra trong quá trình XLNT và cách khắc phục	52
Bảng 4. 1 . Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt sau khi xử lý theo QCVN 14:2008/BTNMT	60
Bảng 4. 2 Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn tiếp nhận theo.....	61
Bảng 4. 2. Giá trị giới hạn về tiếng ồn	62
Bảng 4. 3 Giá trị giới hạn về độ rung.....	62
Bảng 4. 4 Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh	62
Bảng 4. 5 Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường	62
Bảng 4. 6: Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt.....	63
Bảng 5. 1 Kết quả quan trắc nước thải 2023	64
Bảng 5. 2 Kết quả quan trắc nước thải năm 2024	65
Bảng 5. 3 Kết quả quan trắc không khí làm việc năm 2023	65
Bảng 5. 4 Kết quả quan trắc không khí xung quanh 2024	66
Bảng 5. 5 Tổng hợp khối lượng chất thải sinh hoạt năm 2022, 2023, 2024	67
Bảng 5. 6 Tổng hợp khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường năm 2023, 2024	67
Bảng 5. 7 Tổng hợp khối lượng chất thải nguy hại năm 2022, 2023, 2024.....	68
Bảng 6. 1 Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.....	69
Bảng 6. 2 Thời gian dự kiến lấy mẫu quan trắc (mẫu đơn)	69

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1: Vị trí cơ sở.....	8
Hình 2: Khuôn viên cơ sở	11
Hình 3: Quy trình kinh doanh lưu trú kèm dòng thải tại cơ sở	12
Hình 4: Sơ đồ vận hành cơ sở	20
Hình 5: Điểm đầu nổi nước mưa của cơ sở.....	24
Hình 6: Hồ ga thu gom nước mưa của cơ sở.....	25
Hình 7: Sơ đồ thu gom nước thải của khách sạn.....	27
Hình 8: Mạng lưới thoát nước thải sau HTXLNTTT của khách sạn	28
Hình 9: Sông Đơ, nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở	29
Hình 10: Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại.....	31
Hình 11: Cấu tạo bể tách dầu mỡ.....	32
Hình 12: Quy trình công nghệ trạm XLNT tập trung	36
Hình 13: Một số hình ảnh tại hệ thống XLNTTT công suất 70 m ³ /ngày đêm.....	45
Hình 14: Máy phát điện tại cơ sở.....	46
Hình 15: Sơ đồ quy trình lưu mẫu thực phẩm.....	57

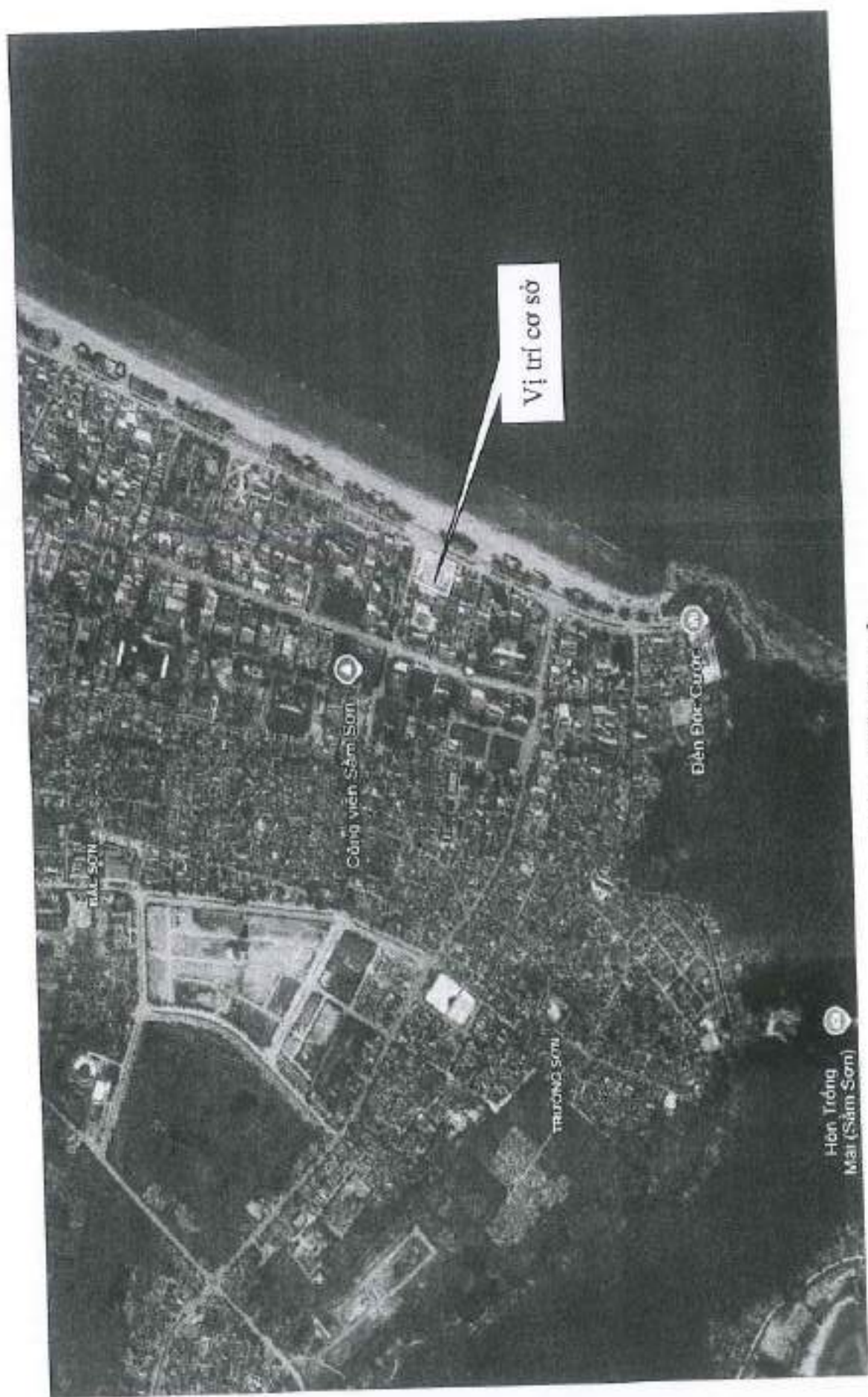
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty cổ phần du lịch và thương mại Lam Sơn.
- Địa chỉ văn phòng: 43 đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:
Ông Nguyễn Đức Hải Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 0237.898.6888; E-mail:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 2801954185. Đăng ký lần đầu ngày 07/05/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 09/11/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Khách sạn Dragon Sea *(căn cứ theo quyết định số 26/QĐBN-LS ngày 12/03/2015 của Công ty cổ phần du lịch và thương mại Lam Sơn về việc đổi tên Khách sạn)*.
- Địa điểm thực hiện cơ sở: Số 43 đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Cơ sở hoạt động trên địa bàn Số 43 đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, gồm khu đất đã được Sở tài nguyên môi trường Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất M 759371 ngày 12 tháng 02 năm 1999 với diện tích là 3.838 m².
Có ranh giới khu đất tiếp giáp với các hướng như sau:
 - + Phía Bắc giáp đường Tây Sơn;
 - + Phía Nam giáp Khách sạn Hồng Nhung;
 - + Phía Đông giáp đường Hồ Xuân Hương;
 - + Phía Tây giáp Khách sạn Royal Sầm Sơn



Hình 1 Vị trí cơ sở

2.1. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở

- Giấy phép xây dựng số 1493/GPXD ngày 09/07/2010 của UBND tỉnh Thanh Hoá.
- Giấy phép cải tạo công trình số 5219/GPCT – SXD ngày 30/09/2014 của UBND tỉnh Thanh Hoá.

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 132/GP-UBND ngày 06/08/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 759371 ngày 12 tháng 02 năm 1999 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Quyết định số 26/QĐBN-LS ngày 12/03/2015 của Công ty cổ phần du lịch và thương mại Lam Sơn.

- Hợp đồng số 52/2024/HĐVSMT ngày 19/02/2024 về dịch vụ vệ sinh môi trường vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt giữa Công ty CP du lịch và thương mại Lam Sơn và Công ty CP môi trường đô thị và dịch vụ du lịch Sầm Sơn

- Hợp đồng số 298/23/HĐPCO ngày 01/08/2023 về việc kiểm soát dịch hại giữa Công ty Cổ phần du lịch và thương mại Lam Sơn và Chi nhánh công ty cổ phần khử trùng Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng.

- Hợp đồng CTNH số 28.4/2020HĐXL/VT ngày 28/04/2020 về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại giữa Công ty CP du lịch và thương mại Lam Sơn và Công ty Cổ phần Môi trường Việt Thảo.

- Quyết định số 319/QĐ- CDLQGVN ngày 26/04/2024 của Cục du lịch quốc gia Việt Nam về việc công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch

2.2. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Quyết định số 4442/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án đầu tư Khách sạn Lam Sơn phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

2.3. Quy mô cơ sở

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở nhóm B (Cơ sở thuộc lĩnh vực công nghiệp khác, tổng vốn đầu tư 90.476.000.000 VND). Theo tiêu chí quy định tại khoản 5, Điều 9 và khoản 4, Điều 10 của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024.

- Căn cứ Phụ lục V, ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở thuộc loại nhóm III trên tiêu chí về môi trường để phân loại cơ sở theo quy định tại điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Căn cứ khoản 2, Điều 39 của Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 quy định đối tượng phải có giấy phép môi trường: “Nhà máy đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật

này có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này".

Cơ sở đã được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 4442/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 do đó căn cứ điểm c, khoản 1 điều 41 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 do đó giấy phép môi trường UBND tỉnh Thanh Hoá cấp.

Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, cơ sở thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường theo mẫu tại Phụ lục X ban hành theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Thanh Hóa.

❖ **Quy mô hạng mục xây dựng**

- Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở

Bảng 1. 1. Hạng mục công trình tại cơ sở

STT	Tên công trình	Kết cấu	
		Diện tích sàn (m ²)	Công năng
1	Tòa nhà cao tầng số 1	1.080	
1.1	Tầng 1	1.080	+ Khu vực sảnh, lễ tân, bếp nhân viên, khối hành chính quản lý, các kho
1.2	Tầng 2	1.080	+ Khu vực sảnh, phòng kỹ thuật, nhà vệ sinh, phòng hội thảo, bếp nấu. + Bể bơi ngoài trời.
1.3	Tầng 3	1.080	+ Khu vực ăn uống
1.4	Tầng 4	1.080	+ Gồm 22 phòng nghỉ
1.5	Tầng 5	1.080	+ Gồm 20 phòng nghỉ
1.6	Tầng 6	1.080	+ Gồm 20 phòng nghỉ
1.7	Tầng 7	1.080	+ Sảnh, các phòng kho và bể nước cấp
1.8	Kho chứa rác	10	+ Lưu trữ, tập kết rác trước khi đơn vị chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý
2	Toà nhà cao tầng số 2	706	
2.1	Tầng 1	706	+ Khu vực sảnh, beer bar
2.2	Tầng 2	633	+ Gồm 10 phòng nghỉ, 1 phòng kho
2.3	Tầng 3	579	+ Gồm 10 phòng nghỉ
2.4	Tầng 4	486	+ Gồm 8 phòng nghỉ
2.5	Tầng 5	394	+ Gồm 6 phòng nghỉ
2.6	Tầng 6	302	+ Gồm 4 phòng nghỉ
2.7	Tầng mái	109	Khu đặt bể nước cấp
3	Hệ thống xử lý nước thải	156	Công suất thiết kế 70 m ³ /ngày đêm, xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B trước khi đầu

STT	Tên công trình	Kết cấu	
		Diện tích sàn (m ²)	Công năng
			nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của TP Sầm Sơn
4	Sân đường nội bộ	1983	Đảm bảo giao thông ra vào khách sạn
5	Hệ thống cây xanh	38	Đảm bảo điều hoà vi khí hậu cho khách sạn
Tổng		3.838	

Ghi chú: Công trình được xây dựng theo giấy phép xây dựng số 1493/GPXD ngày 09/07/2010 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp và cải tạo công trình theo giấy phép cải tạo công trình số 5219/GPCR-SXD ngày 30/09/2014 của UBND tỉnh cấp.

- Hiện trạng các hạng mục công trình cơ sở



Hình 2: Khuôn viên cơ sở

2.4. Yếu tố nhạy cảm

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường (được quy định chi tiết tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số

điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

2.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Kinh doanh khách sạn với 100 phòng nghỉ.

2.6. Phân nhóm dự án:

Căn cứ Phụ lục V, ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở thuộc loại nhóm III trên tiêu chí về môi trường để phân loại cơ sở theo quy định tại điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

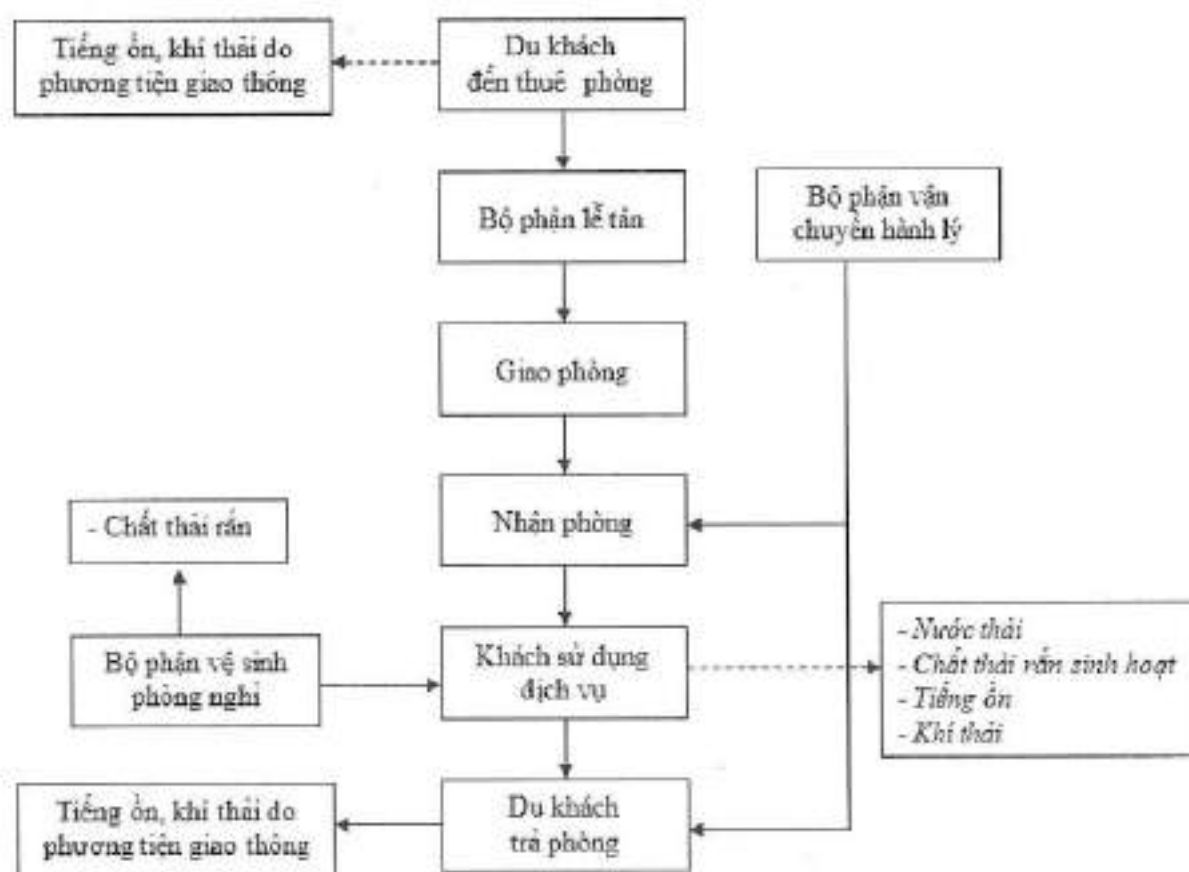
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất của cơ sở

- Công suất của cơ sở: 100 phòng nghỉ (số người tối đa là 200 người)

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

a. Quy trình kinh doanh dịch vụ lưu trú



Ghi chú: —————> Dòng kinh doanh dịch vụ - - - - -> Dòng chất thải phát sinh

Hình 3 Quy trình kinh doanh lưu trú kèm dòng thải tại cơ sở
Thuyết minh sơ đồ như sau.

Du khách có nhu cầu sử dụng dịch vụ lưu trú đến khách sạn theo hình thức: Đặt

trước với bộ phận lễ tân. Bộ phận lễ tân sẽ thông báo về chất lượng và đơn giá phòng nghỉ cho du khách. Sau khi đạt được thỏa thuận, bộ phận quản lý sẽ thực hiện thủ tục giao phòng và dẫn du khách lên nhận phòng; song song với đó bộ phận vận chuyển hành lý sẽ vận chuyển hành lý của du khách lên phòng.

Tại phòng nghỉ du khách sẽ trực tiếp sử dụng các dịch vụ bên trong như: Nghỉ ngơi, tham gia bơi lội tại...., ngoài ra phía Đông của khách sạn, đối diện khách sạn qua tuyến đường Hồ Xuân Hương là bãi tắm B của khu du lịch Biển Sầm Sơn, khách tới nghỉ dưỡng tại khách sạn có thể tắm biển tại khu du lịch (tuy nhiên khách phải rửa tay chân, rũ cát tại khu rửa chân tay tại tầng 1 khách sạn trước khi trở lại phòng nghỉ dưỡng để tắm sạch và nghỉ ngơi).

Khách sạn có 2 phòng ăn tập thể tại tầng 3 của toà 1 và tầng 1 của toà 2 để phục vụ nhu cầu ăn uống cho khách tới nghỉ dưỡng tại khách sạn.

Sau khi kết thúc thời gian sử dụng dịch vụ tại khách sạn, du khách sẽ thực hiện thủ tục trả phòng, chỉ trả kinh phí ngủ nghỉ tại bộ phận lễ tân. Bộ phận vận chuyển hành lý sẽ vận chuyển hành lý và bàn giao cho du khách.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm đầu ra của Cơ sở “Khách sạn Dragon Sea” là dịch vụ khách sạn cao cấp tiêu chuẩn 4 sao đáp ứng nhu cầu lưu trú, nghỉ dưỡng của khách du lịch (trong nước và ngoài nước) với 100 phòng lưu trú.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng của cơ

4.1.1 Danh mục máy móc, thiết bị

Hoạt động vận hành hiện trạng của cơ sở với các loại máy móc, thiết bị chủ yếu sau:

Bảng 1. 2 Danh mục máy móc cơ sở

Stt	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng (%)
1	Máy phát điện dự phòng 500 KVA	cái	1	Trung Quốc	90
2	Thang máy	cái	4	Hàn Quốc	90
3	Máy bơm nước	cái	5	Nhật Bản	90
4	Trạm biến áp hạ thế 1560 KVA	cái	1	Việt Nam	90
5	Máy điều hòa nhiệt độ	cái	105	Nhật Bản	90
6	Quạt	cái	105	Việt Nam	90
7	Bàn ghế	Bộ	105	Việt Nam	90
8	Tủ cá nhân	cái	100	Việt Nam	90
9	Hệ thống thiết bị vệ sinh	Hệ thống	100	Việt Nam	90

Stt	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng (%)
10	Giường, chăn, ga, gối, đệm	Bộ	100	Việt Nam	90
11	Hệ thống thông tin liên lạc				90
-	Hệ thống mạng điện thoại	Hệ thống	1	Việt Nam	90
-	Hệ thống mạng máy tính	Hệ thống	1	Việt Nam	90
-	Hệ thống mạng Camera quan sát	Hệ thống	1	Nhật Bản	90
12	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	Hệ thống	1	Việt Nam	90
13	Bộ thiết bị nhà bếp				
-	Bếp nấu	Cái	8	Hàn Quốc	90
-	Hệ thống quạt hút mùi	Hệ thống	2	Việt Nam	90
-	Tủ nấu cơm công nghiệp	Tủ	2	Hàn Quốc	90
-	Lò nướng	Lò	2	Hàn Quốc	90
-	Tủ đông, tủ mát, tủ lưu mẫu thức ăn	Tủ	2	Nhật Bản	90
-	Giá đựng thức ăn 4 tầng	Giá	4	Việt Nam	90
-	Quầy Inox giữ nóng thức ăn	Quầy	2	Việt Nam	90
-	Xe đẩy	Xe	2	Việt Nam	90
-	Chậu rửa	Chậu	-	Việt Nam	90
-	Các dụng cụ khác: Nồi, chảo, khay inox, bát đĩa, thìa, đũa, dao, kéo,...	Bộ	-	Việt Nam	90
14	Bộ thiết bị phòng ăn				
-	Bộ thìa, đĩa, dao, đũa,...	Bộ	-	Việt Nam	90
-	Bộ bát, đĩa,...	Bộ	-	Việt Nam	90

(Nguồn: Số liệu thống kê thực tế tại cơ sở)

Ghi chú: Cơ sở Khách sạn Dragon Sea thuê đơn vị giặt, là, sấy, không tiến hành giặt, là, sấy tại cơ sở.

4.1.2. Nhu cầu nguyên liệu của cơ sở

- Nhu cầu: Nguyên liệu sử dụng cho hoạt động dịch vụ ăn uống tại khách sạn bao gồm: Đồ hải sản các loại như: Tôm, cá, cua, ghẹ, ốc...; Thịt gia súc, gia cầm như: Thịt heo, thịt gà, thịt vịt...; Rau, quả trái cây các loại như: Rau muống, mồng tơi, cải, cà chua... Ngoài ra, còn có các mặt hàng nước giải khát, coffee,....

Mùa du lịch từ ngày 01/4-30/9 hàng năm khách sạn có khả năng phục vụ khách cao nhất khoảng 600 suất/ngày (3 bữa) và số lượng nhân viên là 90 người (3 ca làm việc/ngày) với khối lượng nguyên liệu sử dụng trung bình 1,0 kg/người/ngày. Nhu cầu nguyên liệu, thực phẩm cung cấp cho dự án vào lúc cao điểm là:

$$690 \text{ người} \times 1,0 \text{ kg/người} = 690 \text{ kg/ngày.}$$

- Nguồn cung cấp: Từ các cơ sở đánh bắt thủy, hải sản trên địa bàn và từ các chợ trên

địa bàn của thành phố Sầm Sơn. Các mặt hàng giải khát, coffee được nhập từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa tỉnh Thanh Hóa.

4.1.3. Nhu cầu sử dụng hóa chất:

Do tính chất của dự án là cung ứng dịch vụ nghỉ dưỡng cho khách tới khu du lịch biển Sầm Sơn do đó hoá chất sử dụng tại khách sạn chủ yếu là dung dịch làm vệ sinh sàn nhà, bếp nấu, bát đĩa; Dung dịch tẩy rửa đối với các công trình nhà vệ sinh (Vim chai 900 ml, nước lau sàn Sunlight); Hoá chất sử dụng cho hệ thống XLNT TT công suất 70 m³/ngày đêm của cơ sở (Clo), chế phẩm sinh học cho bể tự hoại (BIO-S, BIO-Phốt...), hoá chất sử dụng cho bể bơi (clo)... Cơ sở không sử dụng hoá chất thuộc danh mục hóa chất cấm theo quy định của Pháp luật hiện hành

- Các loại hóa chất sử dụng tại khách sạn trong quá trình hoạt động như sau

Bảng 1. 3 Nhu cầu sử dụng hóa chất

TT	Hóa chất	Mục đích	ĐVT	Khối lượng
1	Clo khử trùng	Hệ thống xử lý nước thải tập trung (70m ³ /ngày), bể bơi	g/ngày	400
4	Chế phẩm sinh học (BIO-S, BIO- Phốt) dạng bột	Bể tự hoại	Kg/lần	10
5	Sunlight lau sàn	Hoạt động vệ sinh	Lít/tháng	50
	Vim tẩy nhà vệ sinh		Lít/tháng	10
	Nước rửa chén, bát tại bếp		Lít/tháng	40

- Nguồn cung cấp hóa chất: Hóa chất, chế phẩm được mua tại các cơ sở phân phối trên địa bàn thành phố Sầm Sơn và các địa phương lân cận.

4.1.4. Nhu cầu nhiên liệu:

Nhiên liệu sử dụng tại khách sạn gồm gas phục vụ cho hoạt động nhà ăn, dầu DO phục vụ cho hoạt động của máy phát điện dự phòng công suất 500 KVA đặt tại tầng 1 của toà khách sạn số 01 của cơ sở. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu được thống kê cụ thể như sau:

- Nhu cầu gas phục vụ cho quá trình nấu nướng: Khách sạn tổ chức nấu cho 690 suất ăn/ngày với định mức 0,05 kg gas/1 suất. Vậy 1 ngày lượng gas tiêu thụ tại cơ sở là:

$$690 \text{ suất} \times 0,05 \text{ kg gas} = 34,5 \text{ kg/ngày.}$$

- Nhu cầu sử dụng Dầu diesel (DO) sử dụng vào quá trình chạy máy phát điện dự phòng công suất 500 KVA: theo sổ hướng dẫn vận hành máy phát điện của nhà sản xuất cung cấp, nhu cầu sử dụng nhiên liệu của máy phát điện tại cơ sở là 69,2 lít/h/1 máy. Cơ sở được đầu tư tại khu du lịch biển trọng điểm của tỉnh Thanh Hoá do đó vào mùa du lịch cơ sở cũng như các khách sạn trên trục đường Hồ Xuân Hương được ưu tiên cấp điện

24/7 trong suốt mùa du lịch (từ 01/4-30/9 hàng năm). Do đó máy phát điện chỉ sử dụng khi có sự cố cắt điện trong thời gian từ 01/10 -30/3 hàng năm. Tuy nhiên số lượng ngày mất điện rất ít và thời gian cắt điện ngắn chỉ khoảng 8 giờ/1 lần. Vậy lượng nhiên liệu dầu DO sử dụng cho máy phát điện là:

$$Q_{DO1} = 69,2 \text{ lít/h} \times 8\text{h/ngày} \times 1\text{máy} = 553,6 \text{ lít/ngày}.$$

Lượng dầu DO sử dụng trong 01 năm:

$$Q_{DO2} = 553,6 \text{ lít/ngày} \times 1 \text{ ngày/tháng} \times 12 \text{ tháng/năm} = 6,643,2 \text{ lít/năm} \\ = 5.779 \text{ kg/năm} = 5,78 \text{ tấn dầu/năm}.$$

Nguồn cung cấp nhiên liệu: Nhiên liệu được mua tại các cơ sở phân phối trên địa bàn thành phố Sầm Sơn và các địa phương lân cận.

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

Điện cung cấp trong một ngày tại cơ sở để phục vụ vận hành các thiết bị điện bao gồm: thắp sáng, quạt, điều hoà, thang máy, ti vi, bình nóng lạnh, quạt thông gió... nhu cầu sử dụng điện các cơ sở được thống kê theo hoá đơn điện như sau:

Bảng 1. 4: Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở

STT	Tháng sử dụng	Số lượng (kWh/tháng)
1	Tháng 4/2024	38.651
2	Tháng 5/2024	67.049
3	Tháng 6/2024	124.240
4	Tháng 7/2024	69.109
5	Tháng 8/2024	44.389
6	Tháng 9/2024	27.496
7	Tháng 10/2024	18.428
8	Tháng 11/2024	10.074
9	Tháng 12/2024	5.410

(Theo hoá đơn giá trị gia tăng do công ty điện lực Thanh Hoá – Chi nhánh Tổng công ty điện lực Miền Bắc cấp cho Công ty Cổ phần du lịch và thương mại Lam Sơn)

Từ số liệu trên vào mùa du lịch lượng điện sử dụng lớn nhất trong năm (tháng 6) là 124.240 kWh/tháng.

Nguồn điện sử dụng được lấy nguồn từ hệ thống lưới điện trên trục đường Hồ Xuân Hương dẫn vào 01 máy biến áp có tổng công suất 1.650 kVA đặt tại tầng 1 của khách sạn để cấp điện cho các thiết bị sử dụng điện của khách sạn. Khi có sự cố mất điện xảy ra, điện cấp cho hoạt động của khách sạn được lấy từ máy phát điện công suất 500 KVA đặt tại tầng 1 của toà 1 của cơ sở.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

4.3.1. Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động sinh hoạt

Theo hoá đơn nước sinh hoạt do công ty cổ phần cấp nước Thanh Hoá cấp lượng nước tiêu thụ tại cơ sở cụ thể như sau:

Bảng 1. 5: Bảng nhu cầu nước tại cơ sở

STT	Tháng sử dụng nước	Lượng nước sử dụng (m ³ /tháng)
1	Tháng 4/2024	808
2	Tháng 5/2024	1185
3	Tháng 6/2024	1650
4	Tháng 7/2024	1617
5	Tháng 8/2024	1179
6	Tháng 9/2024	647
7	Tháng 10/2024	679
8	Tháng 11/2024	624
9	Tháng 12/2024	481

(Theo hoá đơn giá trị gia tăng do công ty cổ phần cấp nước Thanh Hoá cấp cho Công ty Cổ phần du lịch và thương mại Lam Sơn)

Từ số liệu trên vào mùa du lịch (tháng 4- tháng 9) lượng nước sử dụng lớn nhất trong năm (tháng 6) là 1650 m³/tháng. Theo số liệu thống kê thực tế, lượng nước tiêu thụ lớn nhất 1 ngày tại cơ sở là 69 m³/ngày.

Bảng 1.6: Bảng cân bằng nhu cầu nước tại cơ sở

TT	Đối tượng sử dụng nước		ĐVT	Số lượng	Lưu lượng nước cấp (m ³ /ngày.đêm)	Mục đích sử dụng nước (m ³ /ngày.đêm)					Bùn nước xả đáy cặn bể bơi
						Rửa tay chân, tắm, xả đáy cặn bể bơi	Nhà ăn	Rội nhà WC	Tưới cây, rửa đường	Bùn nước bốc hơi bể bơi	
1	Sinh hoạt	Cán bộ nhân viên	người	90	9	4	2,5	2,5			
		Khách lưu trú	người	200	53	24	14,5	14,5			
2	Bể bơi	Bùn bốc hơi	m ³	165	4,8	-	-	-		4,8	
		Bùn xả cặn bồn lọc bể bơi	m ³		1	1	-	-			1
3	Tưới cây		m ²	38	0,2	-	-	-	0,2		
4	Rửa đường		m ²	1983	1	-	-	-	1		
	Tổng				69	29	17	17	1,2	4,8	1

Lượng nước sử dụng lớn nhất 1 ngày tại cơ sở là 69 m³/ngày đêm, phục vụ cho các mục đích:

- Nước cấp rửa tay, tắm là 28 m³/ngày. đêm
- Nước cấp rội nhà vệ sinh là 17 m³/ngày. đêm
- Nước cấp nhà ăn là 17 m³/ngày.đêm.

- Nước cấp bể bơi: Bể bơi khu vực dự án với diện tích xây dựng là 100 m² sản ở độ sâu 1,5m và 25m² sản độ sâu 0,6m. Do vậy nước cấp ban đầu cho bể bơi là $100 \times 1,5 + 25 \times 0,6 = 165 \text{ m}^3$.

+ Bể bơi sử dụng hệ thống lọc bể bơi và bổ sung hóa chất định kỳ do vậy hằng ngày chỉ cần bổ sung lượng nước thất thoát, bốc hơi, hao hụt hoặc xả đáy cặn bể bơi khoảng 4,8 m³/ngày.

+ Để đảm bảo an toàn sức khỏe cho du khách đến sử dụng dịch vụ bể bơi của khách sạn mỗi ngày chủ đầu tư sẽ sử dụng hệ thống bồn lọc bằng cát thạch anh hoặc cát thủy tinh lọc, với kích thước hạt nhỏ từ 0.4 - 0.8mm để làm sạch nước. Tuy nhiên sau thời gian sử dụng, bụi bẩn tích tụ sẽ gây cản trở dòng chảy của nước và làm suy yếu nó. Lúc này bình lọc cát nên được làm sạch tại thời điểm này, bằng cách chuyển tay van vào vị trí BACKWASH (rửa ngược), dòng nước sẽ chảy hướng ngược lại, dòng nước chảy trực tiếp vào đáy bồn lọc, rồi chảy ngược qua lớp cát để xả sạch bụi bẩn và mảnh vụn đã thu thập trước đó. Lượng nước rửa cặn bình lọc khoảng 1 m³/lần.

- Nước dùng rửa đường:

Nhu cầu nước sử dụng cho rửa đường được tính theo công thức sau:

$$Q_{rd} = (q_r \times F_r) / 1000 \text{ (m}^3\text{)}$$

Trong đó: Q_{rd} là lưu lượng nước cấp cho 1 lần rửa đường;

q_r là tiêu chuẩn nước rửa đường, $l/m^2/lần$ tưới. Theo TCXDVN 33:2006 với phương pháp tưới bằng thủ công (bằng ống mềm) vỉa hè và mặt đường hoàn thiện thì $q_r = 0,4 \div 0,5$, chọn $0,5 l/m^2/lần$ tưới.

+ F_r là diện tích cần rửa (m^2). $F_r = 1983 m^2$.

$$\Rightarrow Q_{rd} = (0,5 \times 1983) / 1000 = 1 \text{ (m}^3\text{/lần rửa)}$$

- Nước dùng tưới cây:

Nhu cầu nước sử dụng cho 01 lần tưới cây được tính theo công thức sau:

$$Q_{tc} = (q_t \times F_t) / 1000 \text{ (m}^3\text{/lần tưới)}$$

Trong đó:

Q_{tc} là lưu lượng nước cấp cho 1 lần tưới cây;

q_t là tiêu chuẩn nước tưới cây, $l/m^2/lần$ tưới. Theo TCXDVN 33:2006 với phương pháp tưới bằng thủ công (bằng ống mềm) vỉa hè và mặt đường hoàn thiện thì $q_t = 4 \div 6$, chọn $5 l/m^2/lần$ tưới.

+ F_t là diện tích cần tưới (m^2). $F_t = 38 m^2$.

$$\Rightarrow Q_{tc} = (5 \times 38) / 1000 = 0,2 \text{ (m}^3\text{/lần tưới)}.$$

Với tần suất tưới là 1 lần/ngày, khi đó lưu lượng nước tưới cây trong ngày sẽ là $0,19 m^3/ngày$ đêm.

- Nguồn cung cấp:

Nước cấp cho quá trình vận hành khách sạn cho các hoạt động được lấy từ bể chứa nước ngầm được đầu nối từ mạng lưới đường ống cấp nước đã được bố trí dọc theo tuyến đường Hồ Xuân Hương của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa, sau đó bơm cao áp lên các téc chứa nước trên tầng mái của các toà nhà.

- Lượng nước dùng cho PCCC:

Nhu cầu nước cấp cho PCCC được tính như sau:

$$Q_{cc} = q_{cc} \times k \times h \times n.$$

Trong đó:

+ Q_{cc} là nhu cầu nước cứu hỏa (m^3)

+ q_{cc} là Tiêu chuẩn cấp nước chữa cháy (l/s), với $q_{cc} = 2,5 \text{ (l/s)} = 9 \text{ (m}^3\text{/h)}$.

+ n là số đám cháy đồng thời, chọn $n = 2$;

+ h là số giờ chữa cháy, chọn: $h = 2 \text{ (h)}$

+ k là số hạng cứu hỏa theo tiêu chuẩn ($k = 2$).

$$Q_{cc} = 9 m^3/h \times 2 \times 2 h \times 2 = 72 m^3.$$

4.4. Nhu cầu sử dụng lao động

Trong mùa du lịch biển Sầm Sơn (từ tháng 01/4-30/9 hàng năm) để đảm bảo phục vụ dịch vụ lưu trú khách hàng chủ đầu tư đã sử dụng 90 cán bộ công nhân viên (đối với

thời gian từ 01/10-30/3 (không phải mùa du lịch chủ cơ sở chỉ sử dụng 30 cán bộ công nhân viên để duy trì các dịch vụ của khách sạn), cụ thể như sau:

- Ban giám đốc: 3 người
- Nhân viên các bộ phận: 84 người (mùa du lịch); 24 người (các tháng còn lại)
- Bảo vệ: 3 người
- Chế độ làm việc:
 - + Số ngày làm việc trong mùa lịch (từ 01/4-30/9): 150 ngày/năm;
 - + Số ngày làm việc khi không phải mùa du lịch (từ 01/10 - 30/3): 210 ngày/năm;
 - + Số giờ làm việc trong ngày: 8 tiếng/ca; 3 ca/ngày.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Vốn đầu tư

- Tổng vốn đầu tư 90.476.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Chín mươi tỷ, bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng chẵn./)

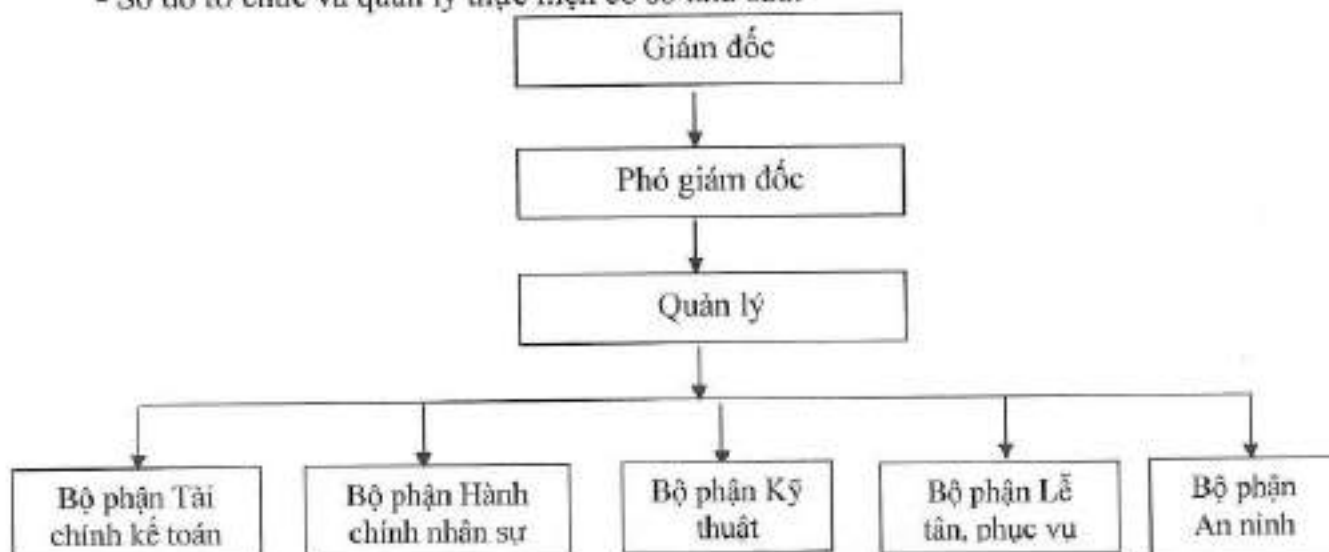
Bảng 1. 7: Bảng sử dụng vốn

TT	Hạng mục chi phí	Chi phí (đồng)
1	Chi phí xây lắp	58.412.365.000
2	Chi phí mua sắm thiết bị	16.665.582.000
5	Chi phí dự phòng	8.060.293.000
6	Chi phí khác	7.377.760.000
Tổng mức đầu tư		90.476.000.000

5.2. Tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở

Công ty cổ phần du lịch và thương mại Lam Sơn trực tiếp quản lý và thực hiện cơ sở:

- Sơ đồ tổ chức và quản lý thực hiện cơ sở như sau:



Hình 4: Sơ đồ vận hành cơ sở

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Phù hợp Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:

+ Dự án phù hợp Quyết định số 153/QĐ - TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do cơ sở đầu tư và hoạt động góp phần giúp tỉnh phát triển ngành, lĩnh vực theo đúng định hướng “Đến năm 2030, Thanh Hóa trở thành một trong các trung tâm lớn về du lịch của cả nước với các sản phẩm du lịch có chất lượng cao, khẳng định thương hiệu và khả năng cạnh tranh. Tập trung phát triển du lịch biển: Tập trung tại các huyện ven biển, trọng tâm là đô thị du lịch biển Sầm Sơn, khu du lịch Hải Tiến, Hoằng Trường (Hoằng Hóa), khu du lịch Hải Hòa (thị xã Nghi Sơn) và khu vực ven biển huyện Quảng Xương. Phát triển các sản phẩm du lịch khám phá biển đảo tại khu vực đảo Hòn Nẹ và Hòn Mê; du lịch khám phá đáy biển và các loại hình dịch vụ du lịch kết hợp khác như nghỉ dưỡng, hội nghị, hội thảo...” khu du lịch Sầm Sơn ngày càng thu hút lượng lớn khách du lịch từ các tỉnh phía Bắc và Trung Bộ về nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí..... vào các dịp lễ và nhất là các tháng du lịch. Trên cơ sở đó, nhu cầu về các khách sạn cao cấp có đầy đủ các dịch vụ tiện ích ngày càng nhiều hơn. Do vậy, cơ sở Khách sạn Dragon Sea được xây dựng đáp ứng được những nhu cầu của khách du lịch và góp phần thu hút khách du lịch về với Sầm Sơn và đẩy mạnh sự phát triển du lịch tại Sầm Sơn.

+ Dự án phù hợp với Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 450/QĐ-TTg ngày 13/04/2022 do trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án, chủ đầu tư luôn tuân thủ, áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường đáp ứng đúng với mục tiêu chiếm lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030.

- Dự án phù hợp Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040; điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 do theo quy hoạch khu vực dự án là đất ở đô thị, do đó việc quy hoạch sử dụng đất của dự án phù hợp với quy hoạch chung của thành phố Sầm Sơn.

- Khu đất thực hiện cơ sở tại thành phố Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa gồm 1 khu đất đã được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 759371 ngày 12/02/1999 diện tích 3838 m² để thực hiện Khách sạn Dragon Sea. Do vậy cơ sở hoạt động trên khu đất đã được UBND tỉnh cho phép là phù hợp.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Theo quy định tại khoản 3, điều 8 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản

3, điều 4 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP thì thẩm quyền thực hiện đánh giá tác động môi trường nước mặt, trầm tích, đánh giá khả năng chịu tải, hạn ngạch xả nước thải đối với nguồn nước mặt nội tỉnh thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa có quy định của UBND tỉnh về ban hành khả năng chịu tải của nguồn nước mặt nội tỉnh nên chưa có cơ sở để xác định khả năng chịu tải của môi trường đối với nước thải của dự án.

(1) Đối với môi trường nước thải:

Cơ sở được đầu tư xây dựng từ năm 2011. Trong quá trình hoạt động chủ cơ sở đã được UBND tỉnh cấp giấy phép xả thải số 132/GP-UBND cấp ngày 06/08/2020. Cơ sở đã đầu tư hệ thống XLNT TT công suất 70 m³/ngày đêm để xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của thành phố Sầm Sơn.

Hiện nay hệ thống thu gom nước thải, nước mưa của khu vực đã hoàn thiện và tách biệt. Theo quy hoạch, nước thải phát sinh từ toàn bộ hoạt động sinh hoạt, sản xuất của thành phố Sầm Sơn sau khi được thu gom vào hệ thống cống thu gom nước thải D300 đặt ngầm dưới vỉa hè, lòng đường giao thông sẽ được bơm về trạm xử lý nước thải của thành phố Sầm Sơn theo quy hoạch. Tuy nhiên, hiện tại hệ thống xử lý nước thải của thành phố Sầm Sơn hiện chưa hoàn thiện nên chủ cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở để xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT trước khi thải hệ thống thu gom nước thải tập trung của TP Sầm Sơn.

Hệ thống XLNT TT của Thành Phố Sầm Sơn có tiến độ quy hoạch như sau:

+ Ngày 10/11/2021 Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn đã ban hành nghị quyết số 121/NQ-HĐND về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Nhà máy xử lý nước thải tập trung thành phố Sầm Sơn (giai đoạn 1)

+ Ngày 19/9/2023 UBND Tỉnh Thanh Hoá đã ban hành quyết định số 3346/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án nhà máy xử lý nước thải tập trung thành phố Sầm Sơn (giai đoạn 1) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Sầm Sơn

+Ngày 02/4/2024 UBND tỉnh Thanh Hoa đã ban hành quyết định số 900/QĐ-UBND về việc quy hoạch chi tiết rút gọn (Tổng mặt bằng quy hoạch) tỷ lệ 1/500 nhà máy xử lý nước thải tập trung TP Sầm Sơn, công suất xử lý nước thải 41.500 m³/ngày đêm.

Dự án dự kiến hoàn thiện việc thi công xây dựng trước tháng 01/2025 và đi vào vận hành thử nghiệm từ tháng 04/2025. Đến tháng 11/2025 dự án sẽ đi vào vận hành thương mại ổn định. Tuy nhiên hiện nay hệ thống XLNT TT của Thành Phố Sầm Sơn vẫn chưa đi vào vận hành thử nghiệm do đó nước thải của cơ sở vẫn đang phải tự xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của TP Sầm Sơn và dẫn xả ra sông Đơ nằm phía Tây cơ sở, cách cơ sở 3 km.

Khi nhà máy xử lý nước thải tập trung TP Sầm Sơn hoàn thiện đảm bảo thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ cơ sở, chủ cơ sở cam kết sẽ đầu nối nước thải phát sinh từ dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của TP Sầm Sơn theo đúng quy hoạch.

(2) Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, CTNH: Chủ cơ sở cam kết ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Vậy các loại chất thải phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án đều sẽ được xử lý và quản lý phù hợp để không gây ảnh hưởng, tác động xấu đến môi trường xung quanh khu vực thực hiện dự án.

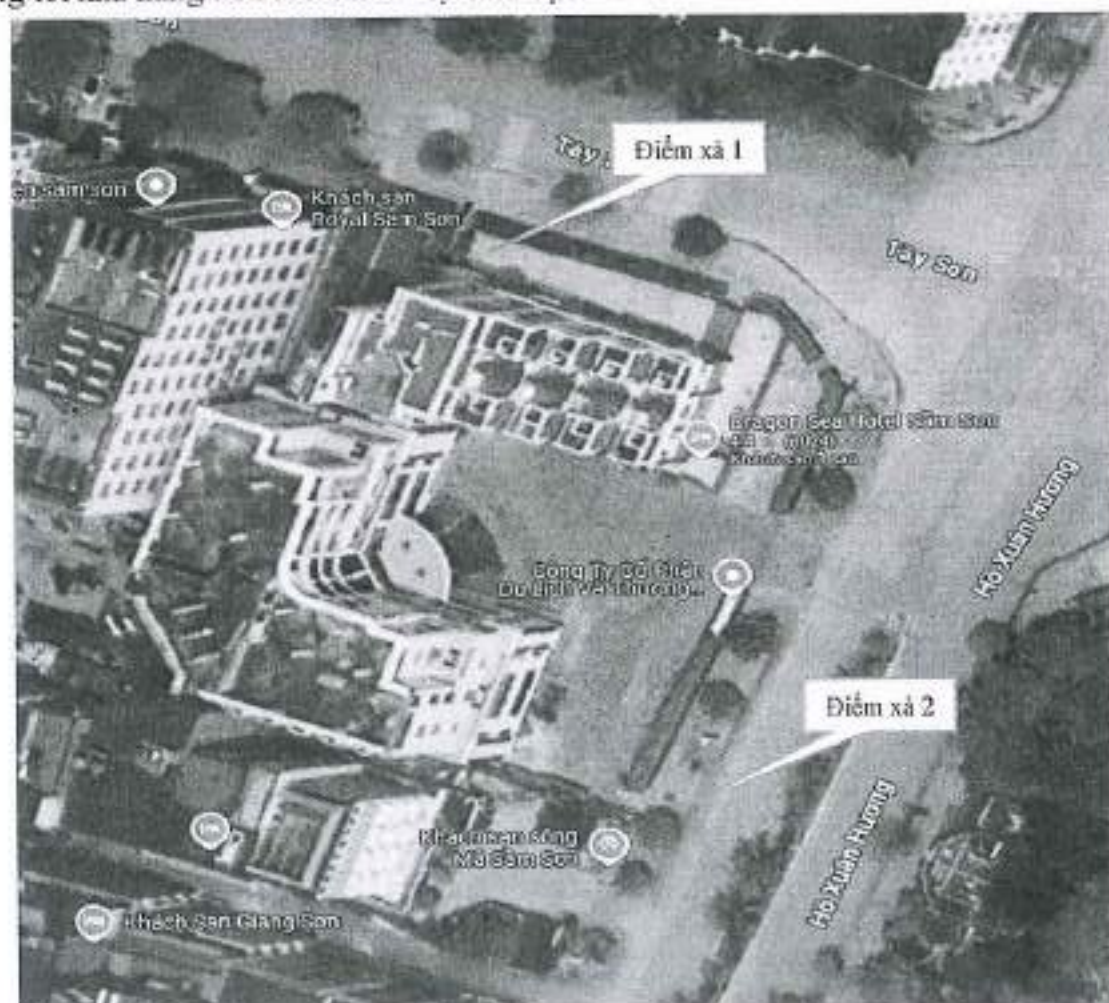
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Nước mưa trên mái ông trình được thu gom bằng xi nô, phễu thu sau đó dẫn theo các đường ống đứng PPR có đường kính từ D76 đến D140 thu nước mái khách sạn đầu nối vào hệ thống rãnh thu nước mặt sân B400, đối với đoạn qua đường sử dụng cống hộp BTCT. Trung bình cách khoảng 1-1,2 m trong hệ thống rãnh thoát nước mưa có bố trí các hố ga kích thước $L \times B \times H = 0,8 \times 0,8 \times 1,0$ m để lắng cặn). Độ dốc của tuyến rãnh thoát nước là 0,1% đảm bảo thoát nước và xả ra đường ống thu gom nước mưa dọc đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn bằng 02 điểm thoát nước mưa có tọa độ điểm xả số 1 $X=2183146$, $Y=594240$, điểm xả số 2 $X=2183222$, $Y=594225$ theo chế độ tự chảy.

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở được thiết kế xây dựng đảm bảo thu gom và dẫn thoát nước mưa vào hệ thống thu gom, thoát nước chung của khu vực. Công trình thu gom, thoát nước mưa vào nguồn tiếp nhận của cơ sở được xây dựng bê tông hóa kiên cố, không có tình trạng tràn vỡ, không gây tắc nghẽn, ứ đọng và không làm ảnh hưởng tới khả năng tiêu thoát nước tại khu vực.



Hình 5 Điểm đầu nối nước mưa của cơ sở



Hình 6 Hồ ga thu gom nước mưa của cơ sở

- Sơ đồ quy trình thu gom thoát nước mưa:



Hình 1. Sơ đồ mạng lưới thu gom thoát nước mưa

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Bảng 3. 1: Bảng cân bằng nhu cầu nước

TT	Đối tượng sử dụng nước		Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /ngày.đêm)	Lưu lượng nước thất thoát (m ³ /ngày.đêm)	Lưu lượng nước thải dẫn về HTXLNT TT 70m ³ /ngày đêm (m ³ /ngày.đêm)
1	Sinh hoạt	Cán bộ nhân viên	9	-	9
		Khách lưu trú	53	-	53
3	Nước bể bơi	Nước bốc hơi	4,8	4,8	-
		Nước xả cặn bồn lọc bể bơi	1	-	1
4	Tưới gốc cây		0,2	0,2	-
5	Rửa đường		1	1	-
Tổng cộng			69	6,0	63

Tổng lưu lượng nước cấp phục vụ hoạt động khách sạn là $63 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$. Nước sử dụng cho 2 mục đích chính là sinh hoạt ($63 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$) và điều hoà khí hậu, môi trường ($6 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$). Tuy nhiên:

- Nước tưới cây. Khách sạn sử dụng $0,2 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ để tưới cây 83 m^2 cỏ nhật, cây hoa nguyệt quế... được trồng tại sân trước của khách sạn, nước tưới cây sẽ ngấm vào đất, rễ cây hút đi nuôi cơ thể nên không phát sinh nước thải.

- Nước rửa đường sẽ đủ tưới để làm giảm nhiệt độ sân đường nội bộ, không tưới chảy thành dòng, không phát sinh nước thải ra môi trường.

- Nước từ khu vực bể bơi (Nước bù bốc hơi): Bể bơi thường chỉ sử dụng vào mùa hè từ ngày 01/5 đến 30/9 hàng năm (mùa đông bể bơi không sử dụng nhưng chủ đầu tư vẫn lưu nước trong bể để bảo dưỡng thành bể). Mùa hè nhiệt độ của khu du lịch biển Sầm Sơn giao động 30°C - 40°C . Bể bơi của cơ sở là bể bơi ngoài trời do đó lượng nước bốc hơi sẽ diễn ra. Để đảm bảo thể tích nước trong bể bơi phục vụ nhu cầu bơi lội của du khách nghỉ tại khách sạn chủ đầu tư sẽ tiến hành bổ sung lượng nước thất thoát, bốc hơi, hao hụt $4,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (lượng nước thất thoát hàng ngày khoảng 3% tổng lượng nước cấp cho bể), không phát sinh nước thải.

Vậy tổng lượng nước thải cần dẫn về hệ thống XLNT tập trung công suất $70 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ của khách sạn để xử lý trước khi thải ra môi trường là nước thải sinh hoạt sinh hoạt ($63 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$) từ các nguồn như sau:

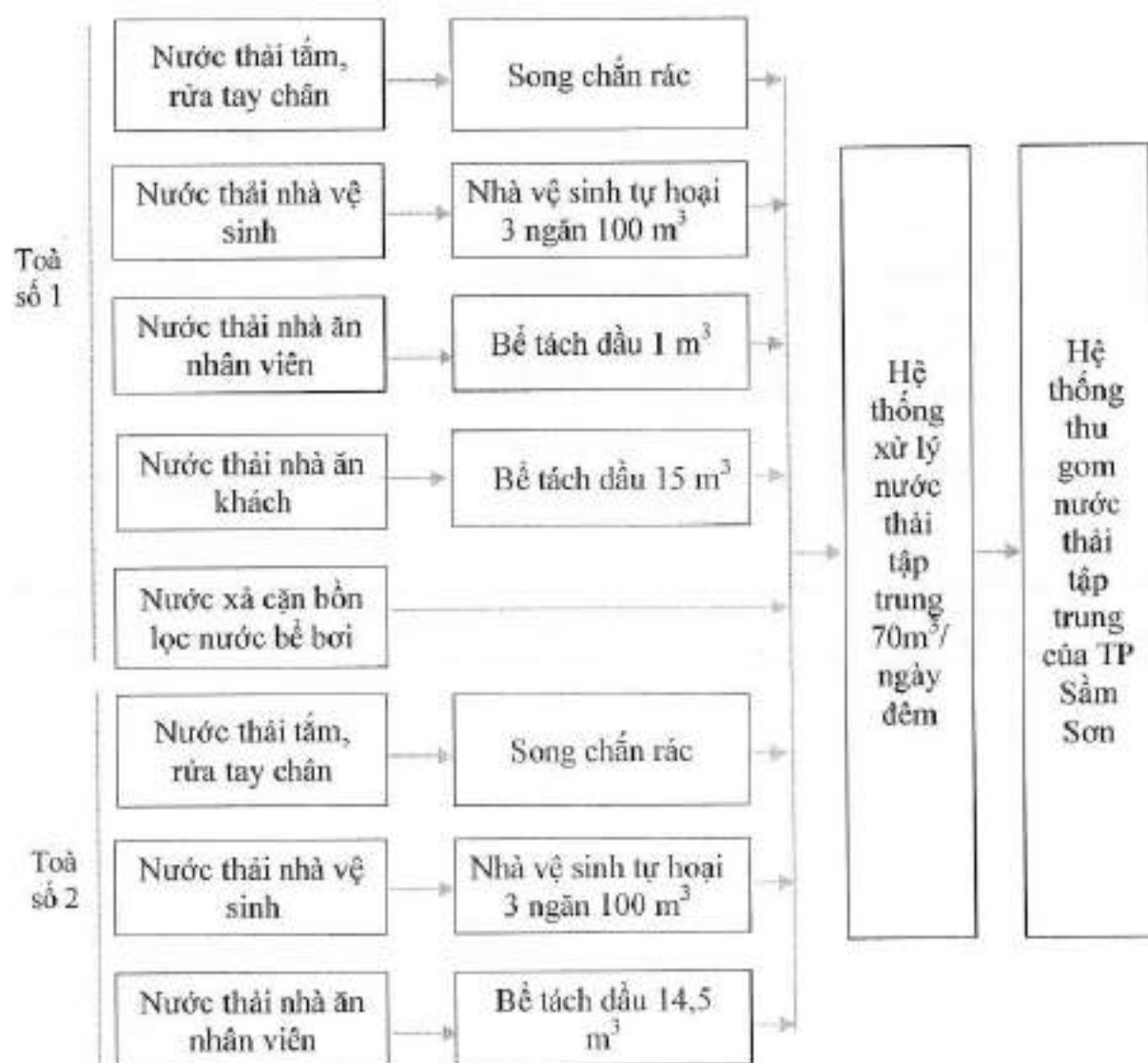
Bảng 3. 2. Nguồn phát sinh nước thải cần dẫn về HTXLNT TT xử lý

STT	Nguồn phát sinh	Mục đích phát sinh nước thải ($\text{m}^3/\text{ngày}$)				Tổng lưu lượng ($\text{m}^3/\text{ngày}$)
		Rội nhà vệ sinh	Tắm, rửa	Nhà ăn	Xả đáy căn bể bơi	
1	Toà khách sạn số 01	11	19	10	1	41
2	Toà khách sạn số 02	6	9	7		22
Tổng lưu lượng($\text{m}^3/\text{ngày}$)		17	28	17	1	

- Nguồn phát sinh số 1: Nước thải phát sinh từ toà khách sạn số 1 là $41 \text{ m}^3/\text{ngày}$ gồm: nước thải từ đại tiện, tiểu tiện và rửa bồn cầu được xử lý qua bể hoại là $11 \text{ m}^3/\text{ngày}$, nước thải từ rửa tay chân, nước hút đáy bể bơi không đi qua bể tự hoại là $19 \text{ m}^3/\text{ngày}$, nước thải từ nhà ăn được xử lý qua bể tách dầu mỡ là $10 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nguồn phát sinh số 2: Nước thải phát sinh từ toà khách sạn số 2 là $22 \text{ m}^3/\text{ngày}$ gồm: nước thải từ đại tiện, tiểu tiện và rửa bồn cầu được xử lý qua bể hoại là $6 \text{ m}^3/\text{ngày}$, nước thải từ rửa tay chân không đi qua bể tự hoại là $9 \text{ m}^3/\text{ngày}$, nước thải từ nhà ăn được xử lý qua bể tách dầu mỡ là $7 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Để đảm bảo nước thải phát sinh ra môi trường được xử lý đạt quy chuẩn chủ đầu tư sử dụng phương án thu gom cụ thể như sau:



Hình 7 Sơ đồ thu gom nước thải của khách sạn

a. Công trình thu gom nước thải

Nước thải sinh hoạt của khách sạn được thu gom xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào trạm XLNT tập trung của nhà máy để xử lý. Trong đó:

- Nước thải phát sinh từ toà khách sạn số 01 :

+ Nước thải từ khu nhà ăn: Nước thải phát sinh từ khu nhà ăn tại toà khách sạn số 01 có lưu lượng $10 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Hiện trạng chủ đầu tư đã trang bị 2 hệ thống bể tách dầu mỡ kết cấu bê tông (bể số 01 có thể tích $1 \text{ m}^3/\text{bể}$, bể số 02 có thể tích $14,5 \text{ m}^3/\text{bể}$) để xử lý sơ bộ lượng nước thải này trước khi dẫn về trạm XLNT tập trung công suất xử lý thiết kế $70 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý đạt QCVN 14 :2008/BTNMT cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của TP Sầm Sơn.

+ Nước thải dội nhà vệ sinh: Đặt ngầm khu nhà vệ sinh toà khách sạn số 01 chủ đầu tư đã bố trí 1 bể tự hoại 3 ngăn thể tích $100 \text{ m}^3/\text{bể}$. Nước thải sau bể tự hoại 3 ngăn được dẫn về trạm XLNT tập trung công suất $70 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý đạt QCVN

Lưu lượng nước thải phát sinh là: $Q_{\text{max}} = Q_{\text{Nước thải}} = 63 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$

- Phương thức xả thải: Nước thải sau xử lý được dẫn bằng hệ thống ống D180 dài 5m dẫn ra cống D300 đặt ngầm dưới vỉa hè của đường Hồ Xuân Hương thu gom nước thải tập trung của TP Sầm Sơn theo phương thức xả cưỡng bức và chảy ra sông Đơ.

- Chế độ xả thải: gián đoạn.

- *Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chế độ thủy văn của nguồn nước tiếp nhận:*

- Sông Đơ khởi nguồn từ sông Thống Nhất đọa qua địa phận phường Quảng Tiến, TP Sầm Sơn, hướng dòng chảy từ Bắc xuống Nam chảy ra biển tại cửa sông Đơ trên địa bàn phường Vinh Sơn, TP Sầm Sơn. Sông có chiều dài 6,3 km, chiều rộng 69 m, 2 bên bờ sông được gia cố bằng đất lu lèn, đầm chặt. Sông là ranh giới tự nhiên ngăn giữa TP Sầm Sơn và TP Thanh Hoá, huyện Quảng Xương. Sông chỉ có chức năng tiêu thoát lũ, không có chức năng cấp nước, không có chức năng tắm, du lịch. Cửa sông Đơ điểm xả của sông Đơ ra biển nằm ở phía Nam của khu du lịch biển thành phố Sầm Sơn, tại địa điểm này không có hoạt động tắm biển cũng như không có hoạt động vui chơi giải trí của du khách đến với khu du lịch biển Sầm Sơn.



Hình 9 Sông Đơ, nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở

- *Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến hệ sinh thái thủy sinh:*

+ Sự ô nhiễm do chất hữu cơ và vô cơ sẽ dẫn đến suy giảm nồng độ oxy hòa tan trong nước do vi sinh vật sử dụng Oxy hòa tan để phân hủy các chất hữu cơ. Oxy hòa tan giảm sẽ gây tác hại đến hệ sinh thái thủy sinh.

+ Các tác động đến hệ sinh thái dưới nước bắt nguồn từ ô nhiễm nguồn nước do nước thải từ hoạt động sinh hoạt, vệ sinh của cán bộ, nhân viên và nước thải từ hoạt động sản xuất.

+ Các chất hữu cơ, chất lơ lửng làm ngăn cản sự xuyên ánh sáng xuống nước, giảm quang hợp và trao đổi chất, gây tác hại cho đời sống thủy sinh.

+ Sự ô nhiễm các chất hữu cơ sẽ dẫn đến suy giảm nồng độ oxy hòa tan trong nước (do các vi sinh vật sử dụng oxy hòa tan để phân hủy các chất hữu cơ), gây tác hại đến hệ sinh vật thủy sinh.

+ Nước thải sau khi đã được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B (với hệ số $K=1,0$). Do đó, sự tác động đến các loài thủy sinh và hệ sinh thái là không đáng kể và nằm trong giới hạn cho phép.

- *Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến các hoạt động kinh tế, xã hội:*

+ Các hoạt động xả nước thải của nhà máy nếu không được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường sẽ làm ảnh hưởng đời sống và các hoạt động về kinh tế - xã hội sau:

- Ảnh hưởng đến nguồn nước mặt, nước ngầm khu vực.
- Ô nhiễm, ảnh hưởng đến chất lượng nước dùng cho tưới tiêu của khu vực.
- Gây tâm lý hoang mang cho đời sống của người dân trong khu vực nguồn nước chảy qua.
- Gây thiệt hại cho cây trồng ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng nông sản.

+ Tuy nhiên, các thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đều nằm trong giới hạn cho phép so với Quy chuẩn. Do đó, có thể nói các hoạt động xả nước thải của cơ sở không gây tác động hoặc có tác động không đáng kể đến chất lượng nguồn nước cũng như môi trường, hệ sinh thái trong khu vực và chế độ thủy văn của nguồn tiếp nhận và các hoạt động kinh tế, xã hội khác trong khu vực.

1.3. Xử lý nước thải

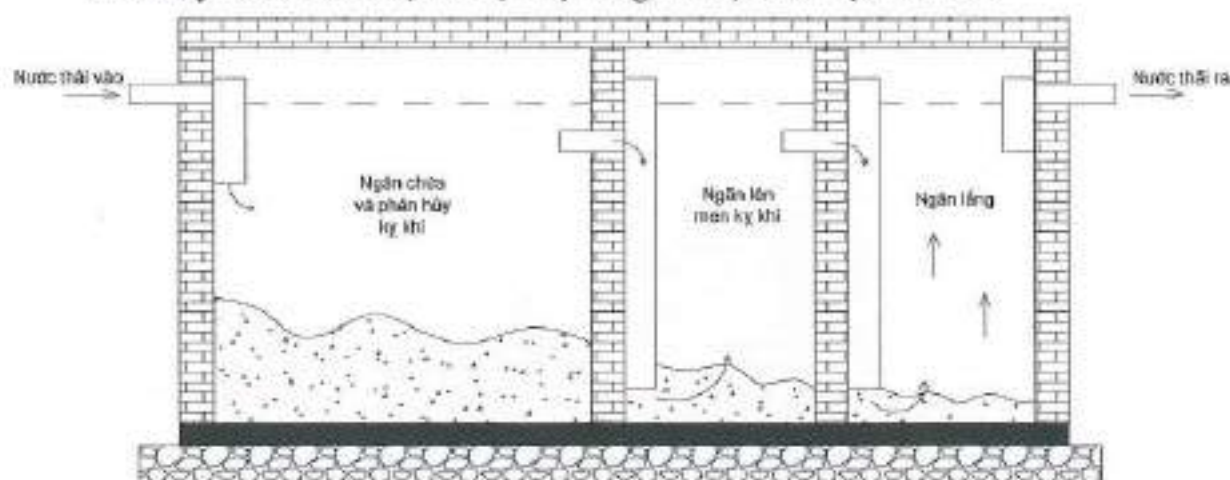
1.3.1. Xử lý nước thải sinh hoạt

a. Xử lý nước thải từ các nhà vệ sinh:

Nước thải từ các nhà vệ sinh phát sinh từ 2 nguồn: Nhà nhà vệ sinh tại toà số 1 và toà số 2.

Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh được thu gom tách biệt với nước rửa tay chân, nước tắm đi theo đường ống PVC D140 dẫn về 2 bể tự hoại (thể tích 100 m³/bể) để xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngày đêm.

Dưới đây là sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn được thể hiện như sau:



Hình 10: Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại.

+ *Kích thước*: thể tích 100 m³/bể (kích thước LxBxH= 8m x 1,16m x 3m /bể).

+ *Kết cấu của bể tự hoại*: Đáy bể bằng BTCT Mác 250 dày 25cm; tường xây bằng gạch Tuynel dày 22cm, VXM Mác 100; trát tường vữa Mác 150; nắp bằng BTCT dày 20cm, VXMMác 250.

+ *Nguyên lý hoạt động*: Có thể chia sự phân hủy chất thải trong bể tự hoại chia ra ba giai đoạn:

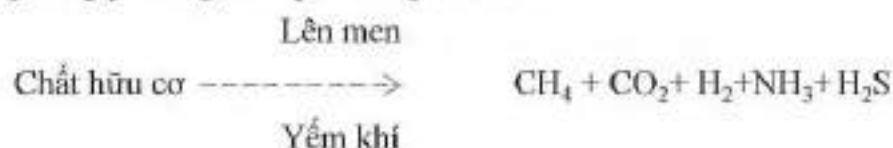
Giai đoạn 1: Nước thải từ bồn cầu, bồn tiểu được dẫn vào hầm tự hoại trong ngăn thứ nhất gọi là ngăn chứa mà không làm khuấy động bề mặt của ngăn chứa. Phân sẽ nổi lên và tiếp xúc với không khí tạo điều kiện tối đa cho vi khuẩn hiếu khí hoạt động phân giải các chất hữu cơ (phân) biến thành bùn lắng xuống dưới và chuyển qua ngăn thứ hai.

Giai đoạn 2: Quá trình phân hủy tiếp tục bởi vi sinh vật yếm khí (trong môi trường không có oxi) trong ngăn thứ hai gọi là ngăn lắng. Tiếp theo chất thải được chuyển sang ngăn thứ ba.

Giai đoạn 3: Kết thúc quá trình phân hủy bằng vi khuẩn yếm khí, chất thải được chuyển sang ngăn thứ ba chậm và tạo điều kiện cho nước thải có diện tích tiếp xúc với không khí tối đa để quá trình phân hủy của vi khuẩn hiếu khí (môi trường giàu oxi) tiếp tục phân giải hết các chất hữu cơ có mùi hôi thối thải ra và được đưa ra hố ga dẫn ra cống chung.

Mô tả quá trình yếm khí xảy ra tại bể tự hoại 3 ngăn:

Các hệ thống yếm khí ứng dụng khả năng phân hủy chất hữu cơ của vi sinh vật trong điều kiện không có oxi. Quá trình phân hủy yếm khí chất hữu cơ phức tạp liên hệ đến hàng trăm phản ứng và sản phẩm trung gian. Tuy nhiên có thể biểu diễn đơn giản chúng bằng phương trình phản ứng như sau:



Hỗn hợp khí sinh ra thường được gọi là khí sinh học hay biogas, thành phần của

biogas như sau:

Methane (CH_4)	55% - 65%	Hydrogen (H_2)	0 - 1%
Carbon dioxide (CO_2)	35% - 45%	Hydrogen sulphide (H_2S)	0 - 1%
Nitrogen (N_2)	0 - 3%		

Quá trình phân hủy yếm khí chia thành 03 giai đoạn chính như sau:

- 1- Phân hủy các chất hữu cơ cao phân tử (thủy phân và lên men).
- 2- Tạo nên các axit (axit acetic, H_2).
- 3- Tạo CH_4

Định kỳ 6 tháng 1 lần chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị chức năng tới thu gom, đưa đi xử lý theo quy định của pháp luật. Chủ đầu tư sẽ bổ sung chế phẩm Biophot để tăng hiệu quả xử lý nước thải của công trình.

b. Xử lý nước thải từ các khu bếp

Nước thải phát sinh từ các nhà ăn, từ rãnh thoát sàn, khu rửa, hệ thống chậu rửa theo hệ thống ống nhựa PVC D140 đưa qua bể tách dầu mỡ bằng BTCT có nắp đậy để xử lý sơ bộ trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 70 m³/ngày đêm.



Hình 11 Cấu tạo bể tách dầu mỡ

- Nguyên lý hoạt động của bể tách dầu.

+ Giai đoạn 1: Lọc rác và phần mỡ thừa kích thước lớn

Trong quá trình nấu ăn, dọn rửa phần chất thải thực phẩm, lượng lớn dầu mỡ thừa cùng rác bẩn, nước thải được xả xuống đường ống và đi trực tiếp vào ngăn đầu tiên của bể tách mỡ. Tại đây, các chất thải cùng một phần mỡ thừa có kích thước lớn sẽ được giữ lại bởi lớp lưới lọc để tránh tắc nghẽn đường ống dẫn nước thải. Đồng thời rác thải tại ngăn chứa này cũng có tác dụng điều hòa tốc độ dòng nước vào bể để quá trình lọc tách mỡ diễn ra hiệu quả hơn.

+ Giai đoạn 2: Tách mỡ ra khỏi nước

Nước thải có chứa lớp mỡ sẽ tiếp tục đi qua ngăn thứ 2. Ngăn này được thiết kế vách ngăn có tác dụng hướng dòng chảy để tách mỡ và nước thành 2 phần riêng biệt. Là bởi mỡ thừa có trọng lượng riêng nhẹ hơn nước, do đó sẽ nổi lên trên, phần nước bên dưới sẽ di chuyển theo vách hướng dòng để thoát qua ngăn số 3.

+ Giai đoạn 3: Thu gom mỡ thừa

Đến cuối cùng, phần dầu mỡ dư thừa đã được tách ra khỏi nước thải và giữ lại trong bể chứa, có thể dễ dàng được thu gom thông qua ống thoát dầu mỡ và tiến hành xử lý đúng tiêu chuẩn. Quá trình thu gom mỡ thừa nên được thực hiện định kỳ để mang lại hiệu quả tốt nhất và đảm bảo vệ sinh. Phần nước thải được tách mỡ sẽ theo đường ống thải chảy ra ngoài.

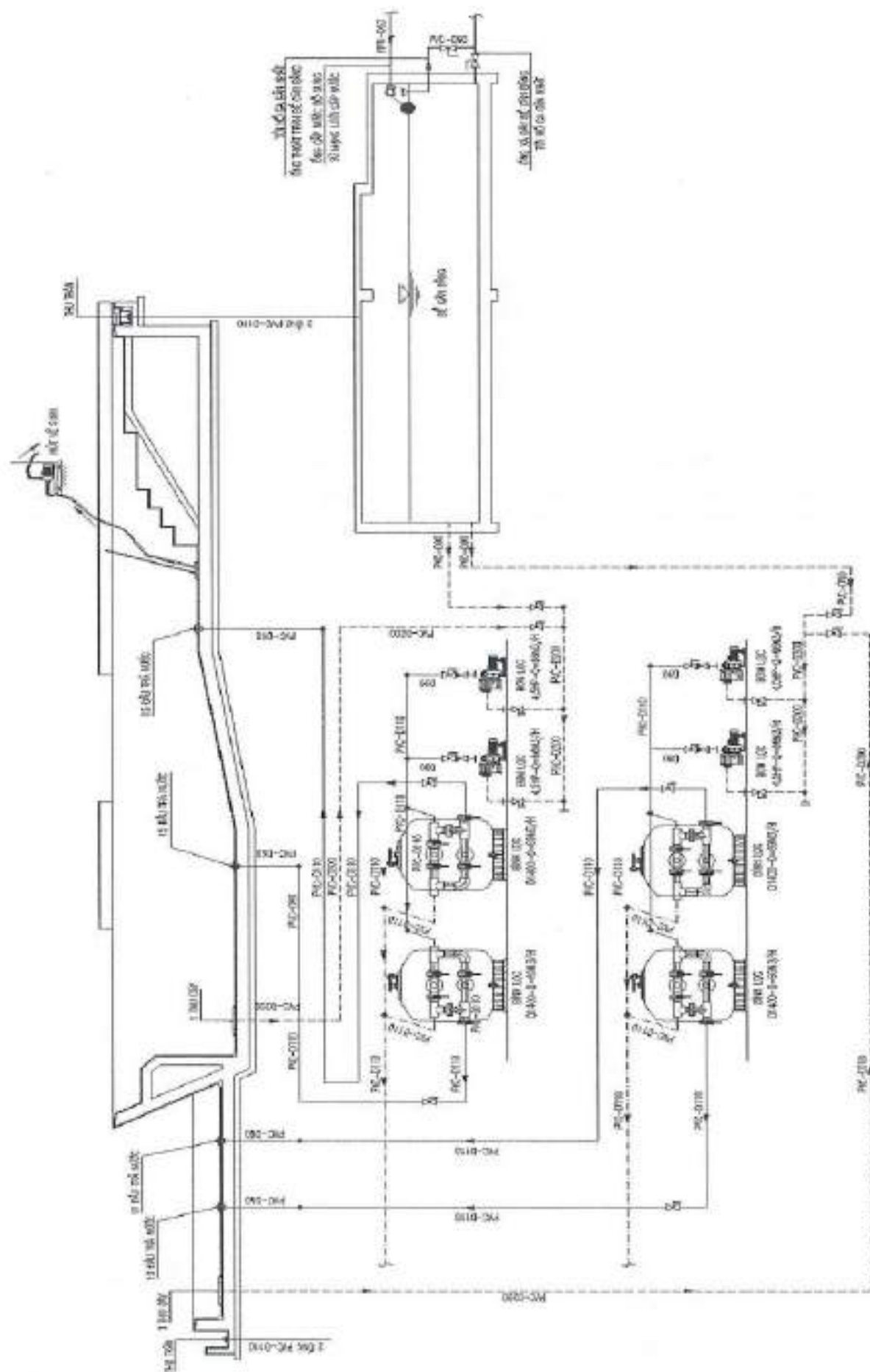
Nước thải từ nhà ăn của toà khách sạn số 01 (Nước thải từ khu bếp nấu cho nhân viên được xử lý tại bể tách dầu mỡ thể tích 1 m^3 ($D \times R \times H = 1 \times 1 \times 1 \text{ m}$), nước thải từ khu bếp nấu cho khách được xử lý tại bể tách dầu mỡ thể tích 15 m^3 ($D \times R \times H = 2 \times 3 \times 2,5 \text{ m}$)); nước thải từ nhà ăn của toà khách sạn số 02 (nước thải từ khu bếp nấu cho khách được xử lý tại bể tách dầu mỡ thể tích $14,5 \text{ m}^3$ ($D \times R \times H = 1,7 \times 5,3 \times 2,5 \text{ m}$)). Nước thải bể tách dầu mỡ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở để xử lý.

C. Xử lý nước thải bể bơi

Nước hồ bơi thuộc nhóm nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt là tắm, rửa (không dùng uống trực tiếp). Chất lượng nước hồ bơi phải đảm bảo chất lượng theo QCVN 01-1:2018/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Tuy nhiên vào mùa du lịch do số lượng người sử dụng dịch vụ bể bơi tương đối lớn do đó nước bể bơi đã qua sử dụng thường có độ pH cao, xuất hiện các cặn lớn lắng xuống đáy bể, các cặn lơ lửng do sự kết hợp từ các chất hữu cơ từ sự bài tiết của người bơi như mồ hôi... và các chất rắn lơ lửng tạo thành mảng nhầy lơ lửng trong nước có kích thước không đủ lớn để lắng xuống đáy bể. Vì vậy trong quá trình hoạt động chủ đầu tư luôn phải áp dụng các biện pháp để đảm bảo tính an toàn về sức khỏe cho nhân viên khi tham gia bơi lội như sau:

- **Biện pháp kỹ thuật:** Chủ đầu tư sẽ bố trí hệ thống lọc cát (cát thạch anh hoặc cát thủy tinh lọc, với kích thước hạt nhỏ từ $0.4 - 0.8 \text{ mm}$) tuần hoàn nước bể bơi đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT.

Quy trình lọc nước tuần hoàn hồ bơi theo tiêu chuẩn: Hồ bơi và hầm cân bằng được cấp đầy nước. Hệ thống bơm lọc hút nước từ ống thoát đáy hồ bơi & bể cân bằng rồi đưa đến bình lọc, nước sạch từ bình lọc được đưa về hồ qua các ống trả nước về xung quanh hồ bơi (kỹ thuật này giúp cho lưu lượng nước hồ bơi được lọc sạch và phân bố đều trên toàn diện tích hồ bơi). Trong quá trình nước từ bình lọc về hồ nước được bổ xung hóa chất thông qua thiết bị pha hóa chất tự động. Nước và bụi từ bề mặt hồ bơi được thu vào mương tràn, sau đó được đưa về hầm cân bằng, kết thúc một chu trình lọc tuần hoàn.



- Biện pháp cơ học

Bước 1: Kiểm tra nguồn nước thường xuyên.

1 ngày 1 lần cán bộ kỹ thuật của hồ bơi sẽ kiểm tra nguồn nước với bộ công cụ chuyên dụng (bộ test nước hồ bơi 2 trong 1) để biết tình trạng của nước trong hồ, qua đó xác định nên thêm Clo để diệt khuẩn, điều chỉnh độ PH của nước một cách hợp lý.

Bước 2: Vệ sinh sạch sẽ khu vực xung quanh Bể bơi và mặt nước

Sử dụng thiết bị vớt rác để loại bỏ rác, lá cây, tóc người,... ra khỏi bể bơi và xung quanh bể bơi, không để cho Rêu, tảo và muối phát triển do môi trường thường xuyên ẩm ướt.

Bước 3: Cọ rửa hồ bơi 2 lần/1 tuần .

Mặc dù, với Hệ thống lọc nước tốt giúp lọc sạch những chất bẩn gây ô nhiễm với luồng nước di chuyển. Tuy nhiên những chất cặn bẩn bám chắc ở đáy hồ và các góc cạnh của hồ bơi nơi mà rêu và tảo phát triển rất nhanh thì 2 lần/1 tuần cán bộ kỹ thuật hồ bơi sẽ sử dụng bàn chải có lông mềm để cọ rửa vào buổi sáng, bật máy lọc nước để cho chúng chạy cả ngày và như vậy nó sẽ cuốn theo những chất thải.

Bước 4: Làm sạch máy lọc nước Bể bơi 1 tuần 1 lần

Bình lọc cát hồ bơi là thiết bị cực kỳ quan trọng và cần thiết cho các công trình bể bơi của cơ sở, bình có thể loại bỏ được các hạt cát, hạt sạn cực kỳ nhỏ từ 20 đến 100 micron.

Để nâng cao hiệu quả sử dụng của thiết bị 1 tuần 1 lần sau thời gian sử dụng, bụi bẩn tích tụ sẽ gây cản trở dòng chảy của nước và làm suy yếu nó. Lúc này bình lọc cát phải bằng cách chuyển tay van vào vị trí BACKWASH (rửa ngược), dòng nước sẽ chảy hướng ngược lại, dòng nước chảy trực tiếp vào đáy buồng lọc, rồi chảy ngược qua lớp cát để xả sạch bụi bẩn và mảnh vụn đã thu thập trước đó, nước rửa bồn lọc sẽ được dẫn về hệ thống XLNT TT của cơ sở để xử lý. Sau khi bồn được rửa ngược làm sạch, tay van sẽ chuyển về vị trí FILTER để tiếp tục lọc bình thường.

Bảng 3. 3 Bảng tổng hợp thông số kỹ thuật các công trình xử lý nước thải

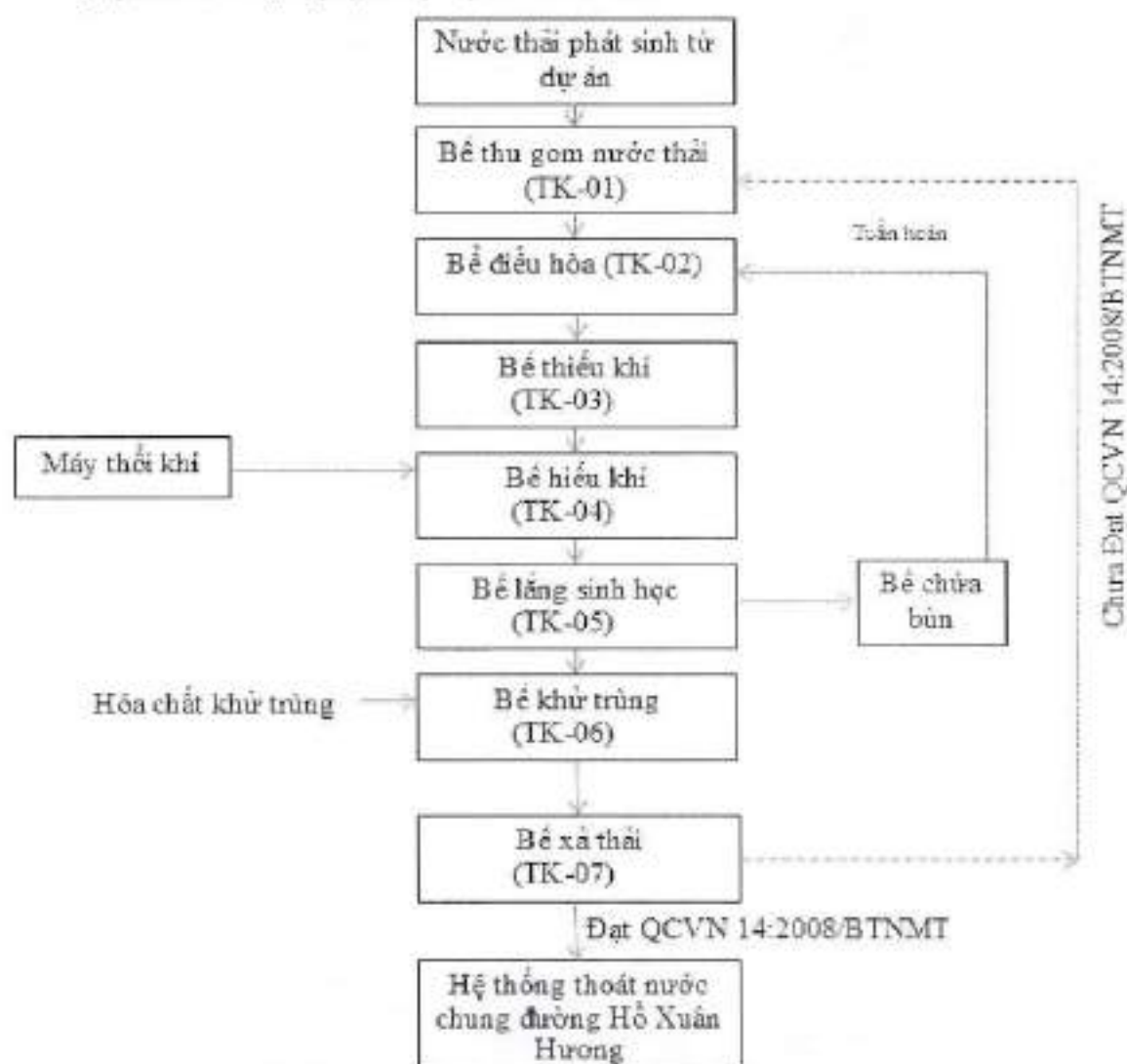
STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
Nước thải sinh hoạt		
1	Bể tự hoại	- Gồm 2 bể; bể có dung tích 100m ³ /bể, kích thước BxLxH = 8m x 4,16m x 3m - Vật liệu: Bể bê tông
2	Bể tách dầu mỡ	- Gồm 3 bể: + Toà khách sạn số 01: ++ 01 bể thể tích 1 m ³ (DxRxH = 1x1x1 m), ++ 01 bể thể tích 15 m ³ (DxRxH = 2x3x2,5 m) + Toà khách sạn số 02: 01 bể thể tích 14,5 m ³ (DxRxH = 1,7x5,3x2,5 m)
Nước bể bơi		

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
	Hệ thống lọc nước bể bơi	- 4 Bồn lọc. - Thông số kỹ thuật tính cho 1 bồn lọc - Tên gọi: Bồn lọc cát Composite - Đường kính: D1400 - Chiều cao: 1.000mm - Lưu lượng: 69 m³/h - Ống kết nối với máy bơm D90 - Khối lượng cát sử dụng: 325kg - Van sử dụng: 6 cửa và áp kế;

1.3.2. Trạm XLNT tập trung công suất 70 m³/ngày.đêm

Toàn bộ nước thải vệ sinh sau bể tự hoại, nước thải rửa tay chân, tắm giặt, nước thải nhà ăn qua bể tách dầu mỡ, nước xả cặn bồn lọc bể bơi tại cơ sở sẽ được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngày đêm để xử lý nước thải của cơ sở đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B (K=1) trước khi thoát ra hệ thống thu gom nước thải tập trung của TP Sầm Sơn.

Quy trình công nghệ xử lý cụ thể như sau:



Hình 12 Quy trình công nghệ trạm XLNT tập trung

Thuyết minh hệ thống XLNT của cơ sở:

Thuyết minh quy trình công nghệ: Để đảm bảo nước thải trước khi thải ra môi trường đạt quy chuẩn cho phép, Chủ cơ sở đã xây dựng Hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý trước khi thải ra hệ thống thoát nước khu vực chung tại tuyến đường Hồ Xuân Hương dẫn ra sông Đơ.

Lưu lượng nước thải: căn cứ vào tính chất của nước thải thì các dòng nước thải đi vào hệ thống XLNT sinh hoạt gồm: nước thải dội vệ sinh, nước thải rửa tay chân, nước thải nhà ăn

*** Bể gom nước thải**

Nước thải từ bể tự hoại, tách dầu mỡ và nước rửa chân tay, tắm giặt sẽ được bơm về bể gom. Tại bể gom đặt rọ chắn rác tinh để loại bỏ các loại vật chất có kích thước bé. Nước thải sau bể gom được bơm về bể điều hòa để xử lý.

*** Bể điều hòa:**

Điều hòa lưu lượng là phương pháp được áp dụng để khắc phục các vấn đề sinh ra do sự dao động của lưu lượng, để cải thiện hiệu quả hoạt động của các quá trình tiếp theo.

- Các lợi ích cơ bản của việc điều hòa lưu lượng là:

Quá trình xử lý sinh học được nâng cao do không bị hoặc giảm đến mức thấp nhất “shock” tải trọng, các chất ảnh hưởng đến quá trình xử lý có thể được pha loãng.

Chất lượng nước thải sau xử lý được cải thiện do tải trọng chất thải lên các công trình ổn định.

Trong Bể điều hòa bố trí hệ thống sục khí đáy Ngăn nhằm đảm bảo nồng độ nước thải luôn đều và tránh phân hủy kỵ khí và ổn định pH.

Trong bể điều hòa bố trí các bơm chìm hoạt động luân phiên nhằm chuyển nước thải vào hệ thống xử lý đồng thời duy trì lưu lượng ổn định để tránh hệ thống bị quá tải/giảm tải đột ngột làm ảnh hưởng đến hệ thống vi sinh.

Để kiểm soát lưu lượng nước thải xử lý, hệ thống được lắp đặt thiết bị cảm biến lưu lượng giúp kiểm soát lưu lượng và vận hành ổn định.

Trong nước thải, có chứa hợp chất Nitơ và photpho, những hợp chất này cần phải được loại bỏ ra khỏi nước thải. Tại bể AEROTANK, trong điều kiện thiếu khí hệ vi sinh vật thiếu khí phát triển xử lý N và P thông qua quá trình Nitrat hóa và Photphoril.

Mô tả quá trình khử Nitrate (denitrification):

Khử Nitrate, bước thứ hai theo sau quá trình nitrate hóa, là quá trình khử nitrate-nitrogen thành khí nitơ, nitrous oxide(N_2O) hoặc nitrite oxide (NO) được thực hiện trong môi trường thiếu khí (AnAEROTANK) và đòi hỏi một chất cho electron là chất hữu cơ hoặc vô cơ. Hai con đường khử nitrate có thể xảy ra trong hệ thống sinh học đó là:

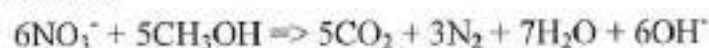
Đồng hóa: Con đường đồng hóa liên quan đến khử nitrate thành ammonium sử dụng cho tổng hợp tế bào. Nó xảy ra khi ammonium không có sẵn, độc lập với sự ức chế của oxy.

Đị hóa (hay khử nitrate): Khử nitrate bằng con đường đị hóa liên quan đến sự khử nitrate thành oxide nitrite, oxide nitrous và nitrogen:

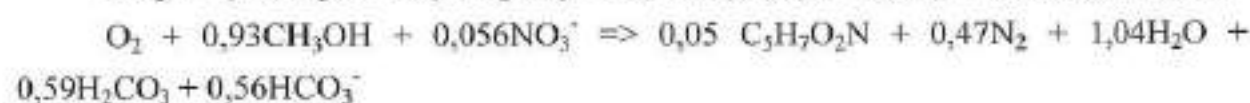
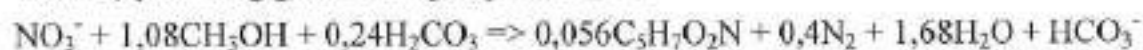


Một số loài vi khuẩn khử nitrate được biết như: Bacillus, Pseudomonas, Methanomonas, Paracoccus, Spirillum, và Thiobacillus, Achromobacterium, Denitrobacillus, Micrococcus, Xanthomonas (Painter 1970). Hầu hết vi khuẩn khử nitrate là dị dưỡng, nghĩa là chúng lấy cacbon cho quá trình tổng hợp tế bào từ các hợp chất hữu cơ. Bên cạnh đó, vẫn có một số loài tự dưỡng, chúng nhận cacbon cho tổng hợp tế bào từ các hợp chất vô cơ.

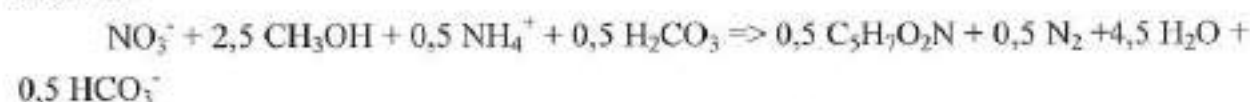
Phương trình sinh hóa của quá trình khử nitrate sinh học: Tùy thuộc vào nước thải chứa cacbon và nguồn nitơ sử dụng. Phương trình năng lượng sử dụng methanol làm chất nhận electron:



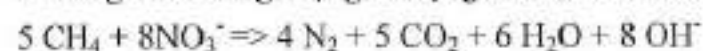
Toàn bộ phản ứng gồm cả tổng hợp sinh khối:



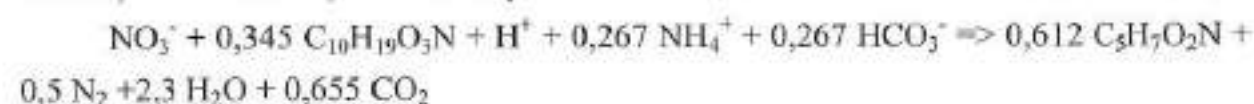
Phương trình năng lượng sử dụng methanol, ammonium-N làm chất nhận electron:



Phương trình năng lượng sử dụng methane làm chất nhận electron:



Toàn bộ phản ứng gồm cả tổng hợp sinh khối sử dụng nước thải làm nguồn cacbon, ammonium-N, làm chất nhận electron:

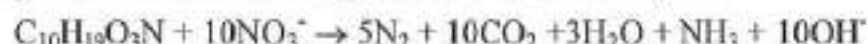


Phương trình sinh hóa sử dụng methanol làm nguồn cacbon chuyển nitrate thành khí nitơ có ý nghĩa trong thiết kế: Nhu cầu oxy bị khử 2,86 g/g nitrate bị khử. Độ kiềm sinh ra là 3,57g CaCO₃/g nitrate bị khử nếu nitrate là nguồn nitơ cho tổng hợp tế bào. Còn nếu ammonium-N có sẵn, độ kiềm sinh ra thấp hơn từ 2,9-3g CaCO₃/g nitrate bị khử.

- Bể thiếu khí

Bể Anoxic được xây dựng để xử lý nước thải trong điều kiện thiếu khí để loại bỏ

Nito. Bể Anoxic tiếp nhận nước thải từ bể điều hòa, dòng nước tuần hoàn chứa nitrat từ bể MBBR và dòng bùn tuần hoàn từ bể lắng vữa. Phản ứng khử nitrat trong bể với nguồn chất hữu cơ trong nước thải đầu vào đóng vai trò là chất cho điện tử:



Để quá trình phản ứng diễn ra thuận lợi, tại bể Anoxic bố trí máy khuấy chìm với tốc độ khuấy phù hợp. Máy khuấy có chức năng khuấy trộn dòng nước tạo ra môi trường thiếu oxy cho hệ vi sinh vật thiếu khí phát triển. Nước thải sau bể Anoxic sẽ tự chảy sang bể Aerotank- MBBR.

- Bể hiếu khí

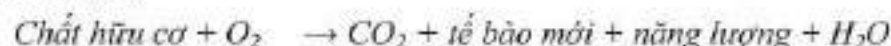
Sau khi trải qua giai đoạn xử lý ở bể Anoxic, nước thải sẽ được tiến hành xử lý bằng phương pháp sinh học tiếp theo tại bể sinh học hiếu khí MBBR. Trong bể này, các vi khuẩn hiếu khí sẽ dính bám trên giá thể lơ lửng MBBR và phân hủy các chất hữu cơ (chủ yếu là các chất hữu cơ hòa tan) BOD, COD. Oxy được cung cấp vào bể nhằm tạo điều kiện cho quá trình phân hủy sinh học các hợp chất hữu cơ. Sau khi tiến hành quá trình xử lý sinh học, phần lớn các chất hữu cơ (COD, BOD) có trong nước thải được loại bỏ. Nước thải tiếp tục được chảy sang bể Aerotank để tiếp tục xử lý.

Quá trình phân hủy hiếu khí dựa vào hoạt động sống của vi sinh vật hiếu khí đặc biệt là vi khuẩn hiếu khí, chúng sẽ sử dụng oxy hòa tan có trong nước để phân giải chất hữu cơ có trong nước thải. Các vi sinh vật *Pseudomonas Denitrificans*, *Bacillus Licheniformis*... sẽ khử nitrat thành N_2 và thải vào không khí. Điều kiện chung cho vi khuẩn nitrat hóa pH = 5,5 - 9 nhưng tốt nhất là 7,5. Khi pH < 7 thì vi khuẩn phát triển chậm, oxy hòa tan cần là 0,5 mg/l, nhiệt độ từ 5 - 40° C.

Quá trình này diễn ra mạnh mẽ nếu dùng biện pháp tác động vào như: sục khí, làm tăng lượng hoạt động của vi sinh vật bằng cách tăng bùn hoạt tính, điều chỉnh hàm lượng chất dinh dưỡng và ức chế các chất độc làm ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của vi sinh vật. Ngoài ra, nhiệt độ thích hợp cho quá trình xử lý là 20 - 40 độ C, tối ưu là 25 - 30° C.

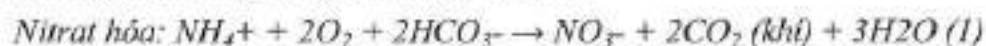
Bể thiếu khí Anoxic được trang bị máy khuấy chìm nhằm tăng khả năng tiếp xúc của vi sinh với nước thải, kích thích quá trình phản ứng khử nitrate.

Bể sinh học hiếu khí dính bám được thiết kế nhằm loại bỏ các chất hữu cơ (phần lớn ở dạng hòa tan) trong điều kiện hiếu khí (giàu oxy). Các vi sinh hiếu khí sử dụng oxy sẽ tiến hành phân hủy các chất hữu cơ tạo khí CO_2 giúp quá trình sinh trưởng, phát triển và tạo năng lượng. Phương trình phản ứng tổng quát cho quá trình phản ứng này được diễn tả như sau:



Ngoài việc chuyển hóa các chất hữu cơ thành CO_2 và H_2O , các vi sinh hiếu khí này cũng giúp chuyển hóa Nito dưới dạng NitoAmon (NH_4^+) thành Nitrat (NO_3^-) nhờ vi

khuẩn có tên là vi khuẩn Nitrat hóa (Nitrifying micro-organisms). Phương trình phản ứng diễn tả quá trình này được trình bày ở dưới:



Nitrate sinh ra ở bể hiếu khí được bơm tuần hoàn lại bể thiếu khí (TK02) phía trước nhằm tiến hành quá trình khử NO_3^- theo phương trình phản ứng sau:

Khử NO_3^- : Chất hữu cơ + $\text{NO}_3^- \rightarrow \text{N}_2$ (khí) + CO_2 (khí) + H_2O + OH^- (2) Chất hữu cơ cấp cho phản ứng (2) có sẵn trong dòng vào của nước thải

Để đảm bảo hiệu quả của quá trình xử lý, Nồng độ oxy hòa tan của nước thải trong bể hiếu khí cần được luôn luôn duy trì ở giá trị lớn hơn 2 mg/l bằng cách bố trí hệ thống phân phối khí đều khắp mặt đáy bể.

Oxy được cấp vào bể hiếu khí nhờ hệ thống máy thổi khí, ống khí được bố trí đều dưới đáy bể.

Ngoài ra, nhằm duy trì lượng bùn lớn trong bể và giảm lượng bùn thải sinh ra, bể hiếu khí sẽ được bổ sung thêm các vật liệu đệm sinh học FBR. Các vật liệu này là môi trường cho các vi sinh vật sinh bám để phân hủy các chất hữu cơ.

Các vật liệu này giúp tăng hàm lượng vi sinh bên trong bể cao hơn so với công nghệ xử lý sinh học cổ điển (3000 – 5000 mg/l) giúp tăng cường khả năng chịu “sốc” tải trọng của bể khi chất lượng nước thải thay đổi đột ngột đồng

thời cũng giúp giảm lượng bùn thải sinh ra trong quá trình xử lý do phần lớn bùn đã dính bám trên bề mặt vật liệu bên trong bể.

Để đảm bảo hiệu quả của quá trình xử lý, Nồng độ oxy hòa tan của nước thải trong bể hiếu khí cần được luôn luôn duy trì ở giá trị lớn hơn 2 mg/l bằng cách bố trí hệ thống phân phối khí đều khắp mặt đáy bể.

Tăng khả năng tiếp xúc của vi sinh vật (VSV) với nước thải.

Hàm lượng MLSS bể cao (3000 – 5000 mg/l) hiệu quả cao, chiếm ít diện tích. Lượng bùn sinh ra ít tiết kiệm chi phí xử lý bùn, chi phí vận hành.

*** Bể lắng sinh học:**

Bằng cơ chế lắng trọng lực, bể lắng cơ học có nhiệm vụ tách cặn vi sinh từ bể xử lý sinh học hiếu khí lơ lửng dính bám mang sang. Nước thải ra khỏi bể lắng có hàm lượng cặn (SS) giảm đến hơn 70-80%. Bùn lắng ở đáy ngăn lắng sẽ được bơm bùn bơm tuần hoàn về bể xử lý sinh học hiếu khí để bổ sung lượng bùn theo nước đi qua ngăn lắng.

Phần bùn dư sẽ được chuyển định kỳ về bể yếm khí, còn nước trong trên mặt bể sẽ chảy tràn sang bể khử trùng.

*** Bể khử trùng:**

Bể khử trùng có nhiệm vụ chứa nước và khử trùng tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh. Hóa chất được sử dụng để khử trùng nước thải là clorin viên nén 200g/viên được

đựng trong hộp đựng clo, sau đó bơm nước bể khử trùng qua hộp clo rồi thoát ra ngoài. Nước ra khỏi bể khử trùng đạt tiêu chuẩn xả thải QCVN 14:2008/BTNMT, cột B sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung khu vực.

NaClO là chất khử trùng được sử dụng phổ biến do hiệu quả diệt khuẩn cao và giá thành tương đối rẻ sẽ được sử dụng cho công trình này. Quá trình khử trùng nước xảy ra qua 2 giai đoạn: đầu tiên chất khử trùng khuếch tán xuyên qua vỏ tế bào vi sinh vật sau đó phản ứng với men bên trong tế bào và phá hoại quá trình trao đổi chất dẫn đến vi sinh vật bị tiêu diệt.

*** Bể chứa bùn**

Bùn từ bể lắng được bơm vào bể chứa bùn. Bùn sẽ được lắng và chứa trong bể bùn để tiếp tục phân hủy, định kỳ sẽ thuê xe đến hút bùn trong bể chứa bùn. Nước trong từ bể bùn sẽ tự chảy ngược lại bể gom.

*** Bể xả thải**

Nước thải sau bể khử trùng được đưa về bể xả thải trước khi thải ra ngoài môi trường.

Quy trình vận hành hệ thống

(1) Công tác kiểm tra, chuẩn bị trước vận hành

- Kiểm tra thiết bị: Nhân viên vận hành hệ thống cần phải theo dõi tình trạng của tất cả các thiết bị trong trạm xử lý nước thải trước, trong và sau vận hành. Khi hệ thống làm việc ổn định, theo dõi hằng ngày và chú ý kiểm tra các yếu tố có thể ảnh hưởng đến thiết bị.

- Kiểm tra hệ thống điện cung cấp: Kiểm tra hiệu điện thế: đủ hiệu điện thế (380V), đủ pha (3 pha), dòng tiêu chuẩn. Nếu không đủ điều kiện để vận hành: mất pha, thiếu, quá pha hay dòng điện cao hơn mức có thể chấp nhận, chúng ta không thể vận hành hệ thống vì đó là nguyên nhân gây ra sự cố.

+ Kiểm tra điều kiện làm việc của tất cả công tắc, bộ chuyển đổi. Tất cả phải sẵn sàng cho vận hành.

+ Kiểm tra đường dây, tủ điện ngoài trời, phát hiện mối nối lỏng, tróc vỏ hoặc thấm nước mưa.

+ Mỗi thiết bị trong hệ thống có khả năng hoạt động ở hai chế độ: Tự động bằng PLC (A) và bằng tay (M) thông qua các công tắc, nút bấm trên cánh tủ.

+ Sau khi kiểm tra và cấp nguồn, nhân viên vận hành bắt đầu khởi động các thiết bị điều khiển của hệ thống

+ Khi hệ thống đi vào hoạt động, nhân viên vận hành tiến hành các thao tác để đảm bảo quá trình vận hành được ổn định

+ Dừng hệ thống khi quá trình xử lý đã hoàn tất.

- Kiểm tra hóa chất; Nước sau khi đã được xử lý ở 3 công đoạn vi sinh kị khí, thiếu

khí và hiếu khí, để đảm bảo quá trình xử lý tiếp theo (hóa lý 2) không bị gián đoạn. Vì vậy, trước khi khởi động hóa lý 2 ta tiến hành jarrest để có liều lượng hóa chất tương đối chạy thực tế nhằm hạn chế thời gian canh chỉnh và có liều lượng hóa chất hợp lý.

Đảm bảo hóa chất (chlorine, ...) khi giao ca vẫn còn để sử dụng cho ca sau nhằm duy trì ổn định cũng như bảo vệ bơm định lượng.

(2). Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung

Sau khi kiểm tra xác nhận là các hạng mục trên đã hoàn tất và sẵn sàng mới được vận hành hệ thống.

Bảng 3. 4 Tổng hợp kích thước các bể của Hệ thống XLNT tập trung

TT	Hạng mục	Dung tích xây dựng/1 bể (m ³)	Kích thước xây dựng	Kết cấu
1	Bể điều hòa	19,47	BxLxH = 3,38mx1,67m x 3,45m	Bê tông cốt thép
2	Bể thiếu khí	21,77	BxLxH = 3,78mx1,67mx 3,45m	Bê xây gạch
3	Bể hiếu khí	61,53	BxLxH = 5,34mx3,34mx 3,45m	Bê tông cốt thép
4	Bể lắng sinh học	10,49	BxLxH = 1,82mx1,67mx 3,45m	Bê tông cốt thép
5	Bể khử trùng	10,03	BxLxH = 1,74mx1,67mx 3,45m	Bê tông cốt thép
6	Bể xả thải	2,95	BxLxH = 1,28mx1,67mx 3,45m	Bê tông cốt thép
7	Hồ gom	2,08	BxLxH = 1,78mx0,78mx 1,50m	Bê tông cốt thép
8	Bể chứa bùn	10,83	BxLxH = 1,88mx1,67mx 3,45m	Bê tông cốt thép

(Nguồn: Bản vẽ hoàn công hệ thống XLNT tập trung của cơ sở)

Bảng 3. 5 Danh mục máy công trình trạm XLNT tập trung của cơ sở

STT	Hạng mục thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị
1	Bể tách cát và tách dầu mỡ			
	Rọ chắn rác thô	-	1	Cái
2	Bể gom			
	Rọ chắn rác tinh	-	1	Cái
3	Bể điều hòa			
	Máy bơm chìm	Công suất 0,21 m ³ /p; Cột áp bơm: 7m	2	Cái
	Dĩa khí	-	1	Hệ thống
4	Bể thiếu khí			
	Hệ thống đường ống phân phối		1	Hệ thống

	khí thô đáy bể			
	Dạng ống uPVC đục lỗ			
	Vật liệu đỡ ống inox và gông thép chống gỉ			
5	Bể hiếu khí			
5.1	Đĩa khí	1		Hệ thống
-	Model: Ranger Dạng đĩa tròn			
-	Loại: Diffuser bọt khí mịn			
-	Vật liệu: EPDM			
-	Nhà sản xuất: Đức			
5.2	Hệ thống đường ống phân phối khí đáy bể	1		Hệ thống
-	Ống uPVC			
-	Vật liệu đỡ ống ti ren inox và gông thép chống gỉ			
5.3	Giá thể vi sinh MBBR	1		Hệ thống
-	Vật liệu: HDPE, PE			
5.4	Ống chặn giá thể vi sinh	1		Hệ thống
-	Dạng ống thu nước uPVC đục lỗ			
-	Ống uPVC			
-	Vật liệu đỡ ống ti ren inox và gông thép chống gỉ			
7	Bể lắng cơ học			
	Hệ hồng ống lắng, tuần hoàn	1		Hệ thống
	Ống lắng, ống tuần hoàn, ống chảy tràn			
8	Bể khử trùng			
	Hệ thống ống bùn và chảy tràn	-	1	Hệ thống
	Ống lắng, ống chảy tràn	-	1	Hệ thống
9	Bể xả thải			
	Máy bơm	Công suất 0,21 m ³ /p; Cột áp bơm: 7m	2	cái
10	Khu kỹ thuật			
	Máy thổi khí cạn	Công suất 2,5m ³ /phút; Cột áp thổi khí: 7m	2	Cái
	Máy nén khí		2	Cái
	Bồn hóa chất	Dung tích: 1.000 lít	1	Cái

* Thông tin về hệ thống xử lý nước thải

- Xuất xứ thiết bị lắp đặt: Việt Nam;
- Vị trí hệ thống xử lý nước thải: Đặt tại phía Đông khách sạn;
- Chi phí vận hành hệ thống xử lý nước thải:

+ Chi phí nhân công: Nhân công vận hành 01 người, dựa trên khối lượng công việc tại hệ thống xử lý nước thải với mức lương trung bình 200.000 đồng/người/ngày. Chi phí nhân công: 200.000 đồng x 1 người/ngày = 200.000 đồng/ngày.

+ Chi phí điện năng: Cho một ngày vận hành dự kiến 50kWh/ngày x 1.500 đồng/kWh ngày = 75.000 đồng/ngày.

+ Chi phí hóa chất: Theo tham khảo kinh nghiệm vận hành thực tế các hệ thống xử lý nước thải tập trung do một số đơn vị thi công xây dựng đưa ra hóa chất dùng cho hệ thống xử lý nước thải khoảng 15.000 đồng/ngày.

- Nước thải sau trạm xử lý nước thải các chỉ tiêu ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép, nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT- Cột B. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

Bảng 3. 6 Hóa chất phục vụ hệ thống XLNT tập trung

STT	Tên hóa chất	Công đoạn XL có sử dụng	Lượng sử dụng
1	Clorine	Bể khử trùng	- Pha 0,5kg/ 500 lít nước sạch - Lượng nước cần xử lý: 63m ³ /ngày đêm

Bảng 3. 7. Hiệu suất xử lý nước thải của HTXLNT tập trung công suất 70 m³/ngày đêm

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT
1	Ph	-	TCVN 6492:2011	7,3	5÷9
2	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,15	10
3	COD	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	36	150
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	21	50
5	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	29	100
6	Amoni	mg/L	TCVN 6179-1:1996	3,95	10
7	Nitrat	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	0,27	50
8	Sunfua	mg/L	SMEWW 4500-N ₂ ²⁻ .D:2017	0,11	0,5
9	Coliform	MPN/100 ml	SMEWW 9221B:2017	3.200	5.000

(Phiếu kết quả thử nghiệm số 240809B/1187b2024bMDC-KQPT)

Một số hình ảnh về hệ thống XLNT tập trung





Hình 13 : Một số hình ảnh tại hệ thống XLNTTT công suất 70 m³/ngày đêm
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động giao thông ra vào của các phương tiện

- Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu sân bãi và vỉa hè trong phạm vi của cơ sở.
- Tiến hành phun tưới nước làm ẩm mặt đường, vỉa hè khu dự án trong những ngày hanh nóng nhằm hạn chế một phần bụi, đất cát có thể theo gió phát tán vào không khí. Tần suất phun 2 lần/ngày trong những ngày thời tiết nắng nóng.

- Bố trí và đảm bảo khuôn viên cây xanh 38 m², công viên cây xanh bao gồm cây xanh đô thị, cây xanh cảnh quan, cây xanh cách ly, cây cảnh trong khuôn viên toàn bộ khu vực dự án theo quy hoạch để cải thiện môi trường và tăng vẻ đẹp cho dự án. Cây xanh được trồng là các loại cây ít rụng lá, dễ chăm sóc. Bố trí các cây to như cây cọ dầu, cây hồng lộc, bằng lăng,... phân theo từng khu, ở dưới chân được che phủ nền bằng cây cỏ lá lạc cho hoa quanh năm, tạo độ ẩm cho đất, tăng mỹ quan cho khuôn viên. Xung quanh khuôn viên đường viên của các bó vỉa trồng cây tiểu ngọc và dạ yến thảo cắt tỉa tạo thành hàng rào, khu vực trung tâm khuôn viên trồng cây bóng râm để bố trí thành các thảm có hình tạo điểm nhấn cho khuôn viên.

- Kiểm soát các phương tiện, quy định nội quy ra vào dự án, quy định tốc độ xe chạy, cấm bóp còi khi vào dự án.

- Phía Nam cách dự án 300 m là vị trí quy hoạch bãi đậu xe của TP Sầm Sơn có diện tích 2,4 ha có khả năng lưu chứa 960 phương tiện oto và 3.000 xe gắn máy. Hiện nay trên địa bàn TP Sầm Sơn hiện có 474 xe điện 4 bánh thuộc 5 đơn vị tham gia kinh doanh (Công ty CP Thương mại du lịch Hưng Phong 250 xe; Công ty TNHH Thương binh 27/7 Chiến Thắng 130 xe; Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ du lịch Việt Cường 66 xe; Công ty CP Thương mại và du lịch Công đoàn - Công thương Việt Nam 15 xe; Công ty CP Thương binh Đồng đội Thanh Hóa 13 xe) do đó để giảm áp lực lên hệ thống giao thông tại khu vực dự án, trong quá trình hoạt động chủ đầu tư đã liên kết hệ thống hàng xe điện trên địa bàn để vận chuyển khách từ dự án đến các bãi đỗ xe quy hoạch, hiện

trạng trên địa bàn TP Sầm Sơn và ngược lại để thu hút khách đến với dự án đồng thời giảm áp lực giao thông tại khu vực dự án trong giai đoạn hoạt động.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động máy phát do điện dự phòng:

Trong quá trình hoạt động của dự án thì nguồn cung cấp điện chủ yếu là từ mạng lưới điện Quốc gia do đó khi nào xảy ra mất điện lưới thì mới sử dụng máy phát điện dự phòng vì vậy hoạt động của máy phát điện dự phòng là không liên tục nên cũng không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Nhằm giảm thiểu các tác động môi trường do bụi, khí thải, tiếng ồn và rung động do hoạt động của máy phát điện gây ra chủ cơ sở thực hiện các giải pháp sau:

- Lựa chọn vị trí lắp đặt máy phát điện: Cơ sở bố trí đặt máy phát điện dự phòng ở tầng 1 của toà khách sạn số 01 của cơ sở, được thiết kế cách âm không làm ảnh hưởng đến nhân viên và khách lưu trú tại cơ sở..

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp này sẽ hạn chế các tác động ô nhiễm bụi, khí thải, tiếng ồn và các nguy cơ xảy ra sự cố từ máy phát điện dự phòng.



Hình 14 Máy phát điện tại cơ sở

Chất lượng khí thải trước khi thải vào môi trường không khí theo cam kết của đơn vị cung cấp máy phát điện đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; $K_p=1$ và $K_v=0,8$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	850
3	Lưu huỳnh dioxit, SO ₂	mg/Nm ³	400

c. Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải, mùi từ hoạt động nấu nướng tại khu vực

nhà bếp

- Đối với khu vực nhà bếp được ngăn cách với khu vực nhà ăn, phòng ăn và trang bị bộ phận hút, lọc khói bếp trước khi thải ra môi trường. Tại các công trình phát sinh mùi kháu thải nấu ăn cụ thể như sau:

+ Lắp đặt hệ thống quạt 75W-220V, bộ quạt đảo trần 360° công suất 55W-220V-50Hz; và điều hòa có hệ thống khử mùi, đồng thời sử dụng biện pháp thông thoáng tự nhiên để hạn chế ảnh hưởng của mùi tại các phòng ăn, nhà hàng.

+ Thu gom thức ăn dư thừa, dọn vệ sinh, lau chùi sàn nhà ăn sau khi có khách sử dụng bằng nước rửa có mùi hương.

+ Khu vực nhà bếp được hút khí thải bằng hệ thống chụp hút có kích thước: dài 10m x rộng 1,2m qua các hệ thống đường ống dẫn khí sau đó được thải ra ngoài.

+ Vệ sinh, dọn dẹp thường xuyên khu vực bếp nấu, khu bàn ăn.

+ Sử dụng các nhiên liệu sạch như gas, thiết bị dùng điện phục vụ đun nấu, không sử dụng các loại nguyên liệu như than, củi, rơm... để làm vật liệu đun nấu thường xuyên.

+ Lập kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đối với hệ thống thu gom, thoát nước của khu vực để hạn chế mùi phát sinh do nước tù đọng.

d. Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các công trình xử lý môi trường (khu tập kết rác thải sinh hoạt, hệ thống xử lý nước thải).

- Dưới vỉa hè của khách sạn, ... bố trí thùng đựng CTR sinh hoạt (200L/thùng) để phân loại rác ngay tại nguồn. Tại các vị trí này thường xuyên quét dọn, phun xịt chất diệt khuẩn, khử mùi tránh phát sinh mùi hôi thối ra môi trường, rác tại các thùng phải dọn sạch trong ngày không để qua đêm làm phát sinh ruồi muỗi và mùi.

- Bổ sung chế phẩm khử mùi đối với các bể phốt xử lý nước thải sinh hoạt;

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải, thoát nước mưa và định kỳ phun xịt chất khử trùng khu vực cống rãnh thoát nước trong khu dự án.

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh khu vực khuôn viên; thu gom, quản lý chất thải rắn đúng nơi quy định; không phóng uế bừa bãi ra khu vực xung quanh.

- Đối với các thùng rác ven đường, nơi công cộng,... phải được thu gom, xử lý với tần suất 1 lần/ngày.

- Bùn thải từ ngăn lắng của bể lắng xử lý nước thải rửa tay chân và một phần bùn dư từ hệ thống bể xử lý tập trung. Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị chức năng sẽ đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Rác thải phát sinh từ khách sạn sẽ được thu gom, phân loại tại nguồn sau đó công nhân môi trường khu vực dự án vận chuyển khu tập kết CTR sinh hoạt tại khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt cạnh trạm xử lý nước thải tập trung tần suất 2 lần/ngày. Chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị chức năng hàng ngày đến thu gom 1 lần/ngày tại dự án vào giờ

cố định.

e. Giảm thiểu khí thải của hệ thống điều hoà không khí, thiết bị làm lạnh

- Chọn điều hoà có đủ khả năng làm lạnh và tiết kiệm điện năng trong quá trình sử dụng.

- Lắp dàn lạnh của điều hoà ở vị trí giữa phòng để đảm bảo luồng khí lạnh được phân bố đều khắp phòng. Hạn chế lắp đặt ở các vị trí dễ gây thất thoát khí lạnh như cửa ra vào, cửa sổ hoặc góc phòng.

Dàn nóng nên được che đậy, đặt ở nơi có bóng râm, tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp. Khoảng cách giữa dàn nóng và dàn lạnh tối thiểu là 3 mét và tối đa là 15 mét để luồng khí gas được luân chuyển thuận lợi.

- Khi sử dụng điều hoà, bạn hãy đóng kín các cửa sổ, cửa ra vào để không bị thất thoát hơi lạnh, nếu không máy sẽ phải làm việc nhiều hơn để đảm bảo duy trì nhiệt độ đã cài đặt.

- Điều hoà, thiết bị làm lạnh hoạt động lâu ngày sẽ lưu lại nhiều bụi bẩn, các bộ phận cần phải sửa chữa hoặc thay thế.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Chủ cơ sở cam kết quản lý chất thải rắn theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

3.1. Công trình, thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Đối với 200 khách lưu trú tại cơ sở lượng chất thải phát sinh là 1,5 kg/người/ngày, với 90 cán bộ nhân viên làm việc tại cơ sở lượng chất thải phát sinh là 1kg/ người/ngày. Vậy lượng chất thải phát sinh là $1,5 \times 200 + 1 \times 90 = 390$ kg/ngày.

- Tại các phòng nghỉ: Trong mỗi phòng nghỉ của khách sạn sẽ trang bị 02 thùng rác chân đạp loại 5-10l/thùng. Như vậy, với quy mô tổng số phòng nghỉ là 100 phòng, khách sạn đã trang bị 200 thùng chứa rác thải sinh hoạt loại 5-10 lít.

- Tại khu vực hành lang của tầng và khu vực bể bơi: Bố trí 02 thùng đựng rác loại 50 lít/thùng đặt tại 2 đầu của hành lang trong khu nhà tại mỗi tầng, tổng số thùng chứa rác loại 50 lít/ thùng khoảng 24 thùng.

Đối với chất thải rắn từ hoạt động dịch vụ ăn uống chủ yếu từ quá trình chế biến thức ăn, thức ăn thừa.....Khối lượng phát sinh khoảng 200 kg/ngày (số liệu thực tế do chủ cơ sở cung cấp). Nên, tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở là 590kg/ngày.

- Rác thải nhà ăn: Khách sạn bố trí 08 thùng đựng rác loại 100 lít/thùng để chứa rác tại 2 khu vực nhà ăn và khu vực bếp nấu (mỗi nhà hàng, bếp ăn 4 thùng, trong đó có 01 chứa thức ăn thừa có thể tận dụng làm thức ăn chăn nuôi). Tổng số thùng rác tại khu vực nhà ăn, bếp nấu là 08 thùng.

- Chất thải nhà ăn được thu gom về thùng chứa rác bằng các thùng Composite loại 240 lít/ thùng đặt tại nhà chứa rác thải của khách sạn. Định kỳ 02 lần/ngày nhân viên vệ sinh khách sạn thu gom về thùng chứa tập trung có thể tích 240 lít đặt trong nhà chứa rác của khách sạn và dùng chế phẩm EM để phun khử mùi và ruồi muỗi tập trung với nồng độ 20 ml chế phẩm EM thứ cấp/1 lít nước. Vào cuối buổi, chủ cơ sở ký hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường đô thị và dịch vụ du lịch Sầm Sơn vận chuyển về nơi xử lý, định kỳ 1-2 lần/ngày.

- Ngoài ra tại các khu vực khác: Các khu vực lễ tân, phòng thu ngân, phòng hành chính, phòng kỹ thuật, khu vực giải trí,... bố trí mỗi phòng 1 thùng đựng rác loại 5-10 lít, tổng số lượng khoảng 20 thùng.

- Khách sạn đã lắp đặt 02 thang nội bộ (mỗi toà 1 thang máy) được sử dụng để vận chuyển từ tầng cao xuống tầng 1 để đưa vào nhà chứa rác thải sinh hoạt của khu nhà vào khung giờ quy định để đảm bảo cho quá trình vận chuyển rác thu gom hợp lý.

- Vị trí thang nội bộ được bố trí gần khu vực nhà chứa rác thải sinh hoạt của khách sạn, tuyến đường vận chuyển rác từ thang rác đến nhà chứa rác cách biệt với các hạng mục công trình khác. Khách sạn đã xây dựng 01 nhà chứa rác có diện tích 10 m² để chứa rác thải sinh hoạt.

- Biện pháp xử lý: Chủ cơ sở ký hợp đồng số 52/2024/HDVSMT, ngày 19/02/2024 về vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt giữa Công ty cổ phần du lịch và thương mại Lam Sơn và Công ty cổ phần môi trường đô thị và dịch vụ du lịch Sầm Sơn.

3.2. Công trình, thiết bị lưu giữ chất thải rắn khác

Bùn thải từ quá trình nạo vét khơi thông cống rãnh, hút bùn bể tự hoại, HTXLNT công suất 70 m³/ngày.đêm khoảng 0,25 tấn/năm.

Chủ đầu tư thuê đơn vị chức năng định kỳ 06 tháng 1 lần tới nạo vét thu gom vào bao bì để hạn chế ách tắc dòng chảy, bốc mùi hôi thối, ảnh hưởng đến môi trường (Đặc biệt trước, trong và sau mùa mưa bão).

Đối với bùn từ bể tự hoại chủ đầu tư sẽ thuê định kỳ hút bằng các xe chuyên dụng nhằm tránh ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và tăng hiệu quả xử lý nước thải của bể tự hoại.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Do đặc điểm hoạt động của cơ sở là hoạt động kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng nên phát sinh một số chất thải nguy hại với khối lượng không đáng kể cụ thể như: pin ắc quy; giẻ lau, gang tay dính dầu thải; hộp mực in thải; dầu thải.

- Dự kiến thành phần, khối lượng CTNH:

Bảng 3. 8 Khối lượng CTNH phát sinh tại cơ sở

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
		Rắn	Lỏng	Bùn		
1	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	1,5
3	Giẻ lau, gang tay dính dầu thải	x			18 02 01	3
5	Hộp mực in thải	x			08 02 04	2
6	Dầu thải, dầu bôi trơn tổng hợp thải		x		15 01 027	8,5
	Tổng					15

- Biện pháp thu gom, lưu giữ:

+ Vị trí khu lưu giữ CTNH: Cơ sở xây dựng 1 nhà kho có diện tích 5 m² để lưu giữ chất thải nguy hại, đặt tại vị trí phía Tây khách sạn.

+ Kết cấu khu vực lưu giữ CTNH:

Khu vực lưu giữ CTNH được bố trí tại kho có diện tích 5 m². Nền đảm bảo cho việc chứa chất thải không bị hư hỏng cũng như đảm bảo kín khít. Cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt, không bị nước mưa chảy vào từ bên trong. Khu vực lưu chứa có hệ thống thu gom nước mưa trên mái để thoát ra đường thu gom nước mưa cơ sở, không xâm nhập vào khu vực bên trong.

+ Thiết bị lưu chứa:

Bao đảm lưu chứa an toàn CTNH Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng. Có biển dấu hiệu cảnh báo theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009.

Thiết bị lưu chứa CTNH ở thể lỏng hoặc có thành phần nguy hại dễ bay hơi (*nguyên liệu hết hạn sử dụng, ...*) có nắp đậy kín, biện pháp kiểm soát bay hơi.

- Cơ sở tuyệt đối không để CTNH (*dầu thải, giẻ lau, ...*) ở ngoài trời, tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời.

- Biện pháp xử lý: Chủ cơ sở cam kết ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và đưa đi xử lý theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành. Chủ cơ sở ký hợp đồng số 28.4/2020/HĐXL/VT ngày 28/04/2020 giữa Công ty cổ phần du lịch và thương mại Lam Sơn và Công ty cổ phần môi trường Việt Thảo về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn số 01: Phát sinh từ máy nén khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- + Nguồn số 02: Phát sinh từ máy phát điện dự phòng.
- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°):
- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung nguồn số 01, số 02: Tại số 34 đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.
- Tọa độ nguồn số 01: X = 2183160, Y=594225. (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°).
- Tọa độ nguồn số 02: X=2183168, Y=594199 (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°).
- Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:
- + Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Để hạn chế tiếng ồn, độ rung tại khách sạn chủ cơ sở áp dụng những biện pháp sau:

- Xây dựng các phòng nghỉ đảm bảo tuân theo hồ sơ thiết kế được thẩm duyệt, đảm bảo cách âm giữa các phòng với nhau và với khu vực bên ngoài.
- Quy định thời gian hoạt động cụ thể của khách sạn, thông báo cho du khách nắm bắt được thời gian phục vụ trong ngày; từ đó hạn chế việc phát sinh ồn từ hoạt động sinh hoạt của du khách.
- Thường xuyên bảo dưỡng bôi trơn động cơ để tránh hiện tượng động cơ của máy móc thiết bị bị khô dầu khi vận hành gây ra những tiếng ồn ào khó chịu.
- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị máy móc vận hành cơ sở nếu phát hiện hư hỏng cần có biện pháp thay thế để đảm bảo quá trình vận hành tốt.
- Đối với tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng:
 - + Sử dụng máy móc mới, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, định kỳ được bảo dưỡng;
 - + Vận hành theo đúng quy trình của nhà sản xuất;
 - + Chỉ sử dụng khi có sự cố mất điện xảy ra;

+ Lắp đặt đệm chống rung bằng cao su tại chân đèn, bộ máy

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành:

6.1. Biện pháp giảm thiểu sự cố, rủi ro do hư hỏng hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với hệ thống cấp nước: Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị máy bơm trong hệ thống cấp nước (định kỳ 2 lần/năm). Nước cấp sinh hoạt của công nhân (nước tắm, rửa tay chân) được mua từ công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa để sử dụng.

- Đối với khu vực Hệ thống xử lý nước thải tập trung

+ Tiến hành kiểm tra các máy móc, thiết bị, kết cấu bể gặp sự cố để kịp thời sửa chữa. Các sự cố và cách khắc phục được thể hiện cụ thể trong bảng sau:

Bảng 3. 9 Tóm tắt các sự cố xảy ra trong quá trình XLNT và cách khắc phục

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân	Khắc phục
Tủ điện	Cháy, chập pha	Do chập mạch	Tắt khẩn khi xảy ra chập pha
	Cháy thiết bị	Bơm, khuấy bị kẹt rác, mất pha.	Tắt thiết bị, đo điện, nếu bình thường, bật thiết bị trở lại và đo dòng hoạt động, điều chỉnh role nhiệt thích hợp
			Nên chỉnh role nhiệt gần đúng giá trị thực tế vận hành để bảo vệ thiết bị.
Bơm chìm	Bơm hoạt động nhưng không lên nước hoặc lên yếu	Bơm ngược chiều	Đổi pha và kiểm tra dòng Ampe
		Nghẹt rác	Vệ sinh bơm
	Bơm không hoạt động	Cháy bơm, mất pha, CB tắt hoặc quá dòng.	Kiểm tra và sửa chữa, thay thế
	Nhảy role nhiệt và báo lỗi	Dòng định mức nhỏ hơn công suất bơm	Tăng giá trị trên role nhiệt
		Bơm ngược chiều	Đổi pha
		Nghẹt rác, đóng van hoặc đường ống hỏng	Kiểm tra các van đã mở chưa, vệ sinh bơm thường xuyên
Khuấy chìm	Không xáo trộn mạnh	Khuấy ngược chiều	Đổi pha
	Không hoạt động	Cháy hoặc quá nhiệt	Kiểm tra và khắc phục
Khuấy hóa chất, gạt bùn	Không hoạt động	Cháy hoặc quá nhiệt	Kiểm tra, đo dòng Ampe, điều chỉnh role nhiệt. Thay thế nếu hỏng
Máy thổi khí	Phát tiếng ồn lớn	Chạy ngược chiều	Đổi pha
		Khô dầu mỡ	Bổ sung dầu mỡ
		Hỏng bạc đạn	Thay bạc đạn
	Sục khí yếu	Ngược chiều	Đổi pha
		Hỏng van	Kiểm tra van và thay thế
		Máy hỏng	Thay thế hoặc sửa chữa
	Không hoạt động	Quá dòng	Kiểm tra toàn bộ máy và điều chỉnh role nhiệt nếu cần thiết.

- Khách sạn bố trí 1 cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải (hệ thống xử lý nước

thải vận hành tự động 24 giờ/ngày). Trong quá trình vận hành cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải có trách nhiệm xây dựng nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung. Trong sổ nhật ký vận hành thể hiện lưu lượng nước vào trạm XLNT, lưu lượng nước xả thải, lưu lượng nước tái sử dụng, liều lượng hóa chất sử dụng và lượng điện tiêu thụ trong 1 ca. Từ nhật ký vận hành sẽ giám sát được sự bất thường của hệ thống xử lý nước thải để đưa ra biện pháp xử lý phù hợp.

- Nước thải sau xử lý không đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B phải quay trở lại hệ thống xử lý để xử lý lại trước khi xả ra môi trường.

** Xử lý mùi phát sinh từ hệ thống XLNTTT*

Mùi hôi từ hệ thống XLNT tập trung phát sinh do:

- Nước thải ban đầu đã có mùi hôi.

- Mùi hôi phát sinh từ bể điều hòa: Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa nồng độ và lưu lượng nước thải, trong bể có hệ thống sục khí nhằm xáo trộn đều các chất ô nhiễm cũng như ngăn tình trạng kỵ khí xảy ra trong bể. Một khi lượng khí cấp vào không đủ, sẽ gây nên tình trạng phân hủy kỵ khí, vi sinh vật yếm khí hoạt động sản sinh khí H_2S , CH_4 gây mùi hôi thối khó chịu.

- Mùi hôi phát sinh từ cụm bể sinh học: Nguyên nhân có thể do vi sinh vật trong nước thải bị chết, các chất bẩn tích tụ, cộng với lượng bùn có trong bể gây tình trạng phân hủy kỵ khí, mùi hôi thậm chí phát sinh còn nhiều hơn so với khi dừng hệ thống.

- Mùi của các loại hóa chất sử dụng trong quá trình xử lý hóa lý.

- Mùi hôi phát sinh từ quá trình xử lý bùn, có thể do lượng bùn tồn đọng lớn, công nghệ xử lý bùn không phù hợp, để bùn lâu ngày cũng gây ra tình trạng ô nhiễm kỵ khí.

Do vậy, trong quá trình vận hành, để kiểm soát mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, nhân viên vận hành sẽ áp dụng một số biện pháp sau:

- Bố trí hệ thống thu gom nước thải kín và có hệ thống thoát khí ra ngoài.
- Thường xuyên kiểm tra lượng khí sục vào bể điều hòa, bể hiếu khí đảm bảo rằng không có tình trạng phân hủy kỵ khí diễn ra.
- Bố trí khu vực riêng, chứa hóa chất, có mái che đậy.
- Thu gom và xử lý bùn đúng định kỳ, không để bùn tồn đọng lâu ngày dẫn đến quá trình kỵ khí.

6.2. Biện pháp giảm thiểu sự cố, rủi ro do các sự cố khác:

a. Phương án phòng ngừa rủi ro, sự cố do cháy nổ

Để phòng ngừa các sự cố chập điện, cháy nổ có thể xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; chủ cơ sở sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu sau:

- Tại khu vực nhà bếp: Khu vực nhà bếp sử dụng nhiên liệu gas phục vụ nấu ăn, do vậy khu vực này có nguy cơ xảy ra cháy nổ là rất lớn. Các biện pháp áp dụng gồm:
 - + Chọn mua các loại gas có thương hiệu uy tín và đã được kiểm định trước khi vận

chuyển về dự án.

+ Trong quá trình nấu nướng phải thường xuyên kiểm tra các bình gas để tránh bị rò rỉ khí gas ra ngoài, khi không nấu nướng phải khóa các bình gas để đảm bảo an toàn.

- Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy theo đúng hồ sơ thiết kế về phòng cháy và chữa cháy. Cụ thể như sau:

+ Tại hành lang mỗi tầng của khu nhà đều được lắp đặt các bình chữa cháy kèm theo tiêu lệnh chữa cháy và hệ thống chữa cháy vách tường đầu phun nước chữa cháy, số lượng các phương tiện, thiết bị PCCC được lắp đặt bao gồm:

- Bình chữa cháy CO₂, MTZ4
- Hệ thống báo cháy (Chuông, đèn, nút ấn báo cháy)
- Phương tiện chữa cháy (Cuộn dây vòi D50, van góc, lăng D13)
- Nội quy, tiêu lệnh chữa cháy

+ Tại phòng nghỉ của khách lắp đặt hệ thống báo cháy tự động; Yêu cầu khách du lịch không tổ chức nấu ăn hoặc đun nước trong phòng.- Trang bị các dụng cụ, phương tiện chống cháy như bình khí CO₂, bơm... để xử lý kịp thời khi có hỏa hoạn xảy ra.

Các tuyến đường cân bố trí các họng cứu hỏa theo quy định, khoảng cách giữa các họng cứu hỏa đảm bảo 150m/l trục. Tổng cộng có 24 trục cứu hỏa. Các trục cứu hỏa chọn loại trục nổi, áp lực tối thiểu mỗi họng nước là 10m, lưu lượng cấp tại điểm lấy nước là 15l/s.

- Định kỳ hàng năm kiểm tra độ an toàn các thiết bị phòng chống cháy nổ.

- Hàng năm phối hợp với Cảnh sát phòng cháy chữa cháy của Thanh Hóa tổ chức các cuộc diễn tập phòng chống cháy nổ cho cán bộ công nhân viên. Công tác tập huấn, diễn tập PCCC được thực hiện 01 lần/năm.

- Khi xảy ra sự cố cháy nổ, thực hiện quy trình xử lý như sau:

+ Ngắt điện khu vực bị cháy;

+ Báo cho lực lượng PCCC chuyên nghiệp bằng cách thông báo trực tiếp hoặc gọi số 114;

+ Báo động để mọi người sơ tán ra khỏi khu vực cháy nổ;

+ Hướng dẫn du khách lối thoát hiểm (dựa theo chỉ dẫn lối thoát hiểm bật sáng lắp đặt tại hành lang, cầu thang trong tòa nhà).

+ Chỉ sử dụng thang bộ, không sử dụng thang máy để thoát hiểm.

+ Trường hợp không thể xuống bằng thang bộ thì chạy lên nóc của tòa nhà.

+ Ở khu vực có khói, nhân viên cần hướng dẫn du khách có gắng bò hay trườn sát mặt sàn nhà, dùng khăn ẩm khăn ướt để bịt mũi miệng.

+ Thực hiện kiểm soát ứng cứu tại chỗ (trong khi chờ lực lượng chuyên nghiệp đến): Sử dụng bình, vòi chữa cháy;

+ Cứu người bị nạn;

+ Di chuyển tài sản và các chất cháy ra nơi an toàn.

- *Hệ thống chống sét và nối đất:*

+ Công trình được thiết kế chống sét đánh thẳng.

+ Công trình thuộc loại chống sét cấp III có kể đến điều kiện tập trung đông người.

+ Phương pháp bảo vệ: công trình được bảo vệ chống sét đánh thẳng sử dụng kim bố trí xung quang điểm mái và trên mái, khoảng cách giữa các kim cách nhau 5 mét; kim được hàn điện liên kết nhau tạo thành hệ thu sét trên mái. Hệ thống này được nối xuống hệ thống tiếp địa bằng dây dẫn sét. Điện trở của hệ thống nối đất của chống sét phải $\leq 10\Omega$.

+ Hệ thống nối đất an toàn của thiết bị độc lập với hệ thống nối đất chống sét, điện trở của hệ thống nối đất an toàn thiết bị điện sau khi thi công phải $\leq 4\Omega$

+ Tất cả các vỏ kim loại của tủ, hộp aptomat, ổ cắm được nối với hệ thống nối đất an toàn.

+ Các giá trị điện trở đo trực tiếp tại công trường mà chưa đảm bảo theo thiết kế, các đơn vị có trách nhiệm liên quan phải báo lại tư vấn thiết kế để có biện pháp xử lý thiết kế đảm bảo đạt được yêu cầu trở kháng đề ra.

- *Sự cố xảy ra tại các trạm biến áp:*

+ Xây dựng nội quy an toàn sử dụng điện, nội quy phòng chống cháy nổ, phương thức và biện pháp xử lý trong trường hợp có sự cố xảy ra, theo đúng nguyên tắc an toàn lao động và phổ biến đến từng hộ gia đình sống trong khu vực.

+ Đối với các cáp điện được đặt ở trên cao có automat tự cắt khi xảy ra chập điện, cầu dao điện được thiết kế phù hợp và được đặt trong hộp quy định làm bằng vật liệu chống cháy và ghi ký hiệu ở cánh cửa hộp.

b. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố lan truyền dịch bệnh

- Thu gom chất thải rắn chất thải xây dựng và sinh hoạt; thu gom xử lý nước thải theo đúng quy định.

- Một số bệnh dịch chuyển nhiễm như cúm, sốt virus, sởi... và hiện nay đang có dịch covid rất nguy hiểm do đó nhà thầu thi công thường xuyên tuyên truyền cho công nhân các biện pháp phòng bệnh và cách ly bệnh nhân bị nhiễm bệnh. Thực hiện tốt theo khuyến cáo của Bộ y tế bao như:

- Đeo khẩu trang vải thường xuyên tại nơi công cộng, nơi tập trung đông người; đeo khẩu trang y tế tại các cơ sở y tế, khu cách ly.

- Rửa tay thường xuyên bằng xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn tay. Vệ sinh các bề mặt/vật dụng thường xuyên tiếp xúc (tay nắm cửa, điện thoại, máy tính bảng, mặt bàn, ghế...). Giữ vệ sinh, lau rửa và để nhà cửa thông thoáng.

Khi có dấu hiệu bất thường như ho, sốt cần hạn chế đến nơi tập trung đông người, đến ngay cơ sở y tế gần nhất để được thăm khám sàng lọc và điều trị.

- Định kỳ tập huấn cho cán bộ, công nhân về biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong sinh hoạt hàng ngày.

c. Biện pháp ứng phó sự cố mất điện, đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực cơ sở:

Đảm bảo tình hình an ninh trật tự trong và xung quanh khu vực cơ sở, Công ty thực hiện một số biện pháp sau:

- Xây dựng quy chế quản lý khách sạn của cơ sở được dán tại mỗi tầng của mỗi khách sạn.

- Có bảo vệ trực thường xuyên 24/24h mỗi ngày.

- Tăng cường camera giám sát, bảo vệ trực thường xuyên 24/24h mỗi ngày

Để tránh việc mất điện làm ảnh hưởng đến hoạt động của cơ sở chủ đầu tư sẽ đầu tư 01 máy phát điện 500 KVA để đảm bảo hoạt động thông suốt của dự án.

d. Biện pháp giảm thiểu sự cố, rủi ro do ngộ độc thực phẩm:

- Để phòng chống sự cố do ngộ độc thực phẩm xảy ra, khu vực thực hiện cơ sở áp dụng một số biện pháp sau:

+ Chủ cơ sở và cán bộ công nhân viên làm việc tại khu vực nhà bếp phải được trang bị đầy đủ kiến thức cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm và trang bị bảo hộ lao động trong quá trình chế biến thức ăn như: khẩu trang, mũ, găng tay,... khi chế biến thức ăn.

+ Trước khi đi vào hoạt động thì khu vực nhà ăn phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngoài ra, khu vực nhà bếp, nơi chế biến thức ăn phải luôn sạch sẽ; có đủ dụng cụ bảo quản, chế biến riêng đối với thực phẩm sống, thực phẩm chín; có đủ dụng cụ chia, gắp, chứa đựng thức ăn, dụng cụ ăn uống bảo đảm sạch sẽ, thực hiện chế độ vệ sinh hàng ngày; không sử dụng tay trực tiếp để chia thức ăn chín.

+ Khu vực kho phải có đầy đủ trang thiết bị bảo quản theo yêu cầu của thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm (tủ lạnh, tủ mát, tủ đá...); bảo quản riêng biệt đối với thực phẩm sống, thực phẩm chín; bảo đảm vệ sinh và vệ sinh định kỳ.

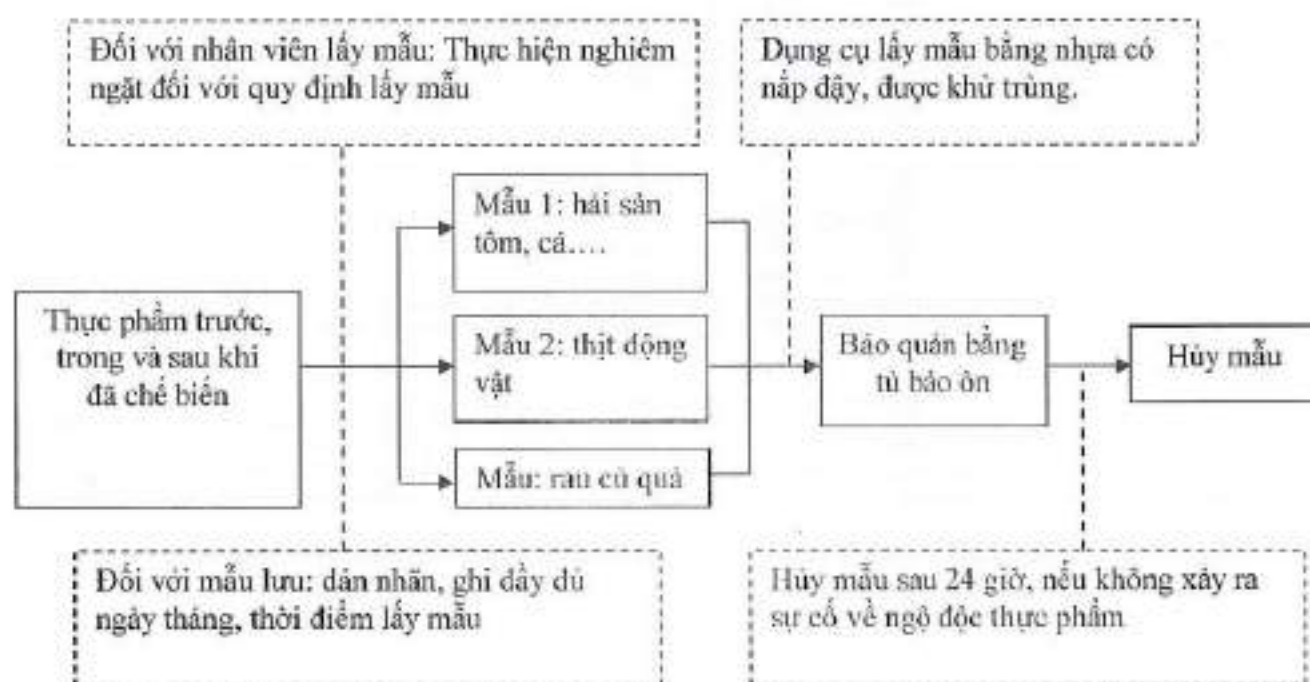
+ Nguyên liệu thực phẩm phải có nguồn gốc xuất xứ, bảo đảm an toàn; có hợp đồng về nguồn cung cấp theo quy định và không sử dụng phụ gia thực phẩm ngoài danh mục cho phép của Bộ Y tế.

+ Công ty ký hợp đồng số 298/23/HĐPCO ngày 01/08/2023 giữa công ty CP du lịch và thương mại Lam Sơn và Chi nhánh Công ty cổ phần khử trùng Việt Nam tại Thành phố Đà Nẵng về việc kiểm soát dịch hại.

- Đối với nhân viên chế biến thực phẩm: Rửa tay bằng xà phòng và nước sạch trước; Mặc quần áo sạch sẽ, đầu tóc gọn gàng khi chuẩn bị thức ăn và Chủ đầu tư thường xuyên khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên khu vực bếp (tần suất 02 lần/năm vào khoảng tháng 4 và tháng 8 hàng năm).

- Thực hiện quá trình lưu mẫu trong 24 giờ bằng tủ lưu mẫu, nhằm điều tra quá trình ngộ độc thực phẩm nếu xảy ra. Quy trình lưu mẫu được thực hiện thường xuyên và nghiêm ngặt.

Quy trình lưu mẫu của khu vực nhà bếp được thể hiện theo sơ đồ sau:



Hình 15 Sơ đồ quy trình lưu mẫu thực phẩm.

- Trường hợp khi xảy ra sự cố thì cần phối hợp với chính quyền địa phương đưa cán bộ công nhân viên đến bệnh viện đa khoa thành phố Sầm Sơn để được điều trị cấp cứu người bệnh kịp thời.

e. Biện pháp giảm thiểu sự cố đuối nước

Do khu vực dự án có hạng mục bể bơi do đó có hoạt động tắm mát, vui chơi tại khu vực bể bơi có thể xảy ra tai nạn thương tâm trong quá trình vui chơi (ngạt nước, đuối nước...) để giảm thiểu các tác động này chủ cơ sở sẽ có biện pháp cụ thể như sau: Cử nhân viên bảo vệ khu vực bể bơi khi có khách đến khu vực bể bơi tắm mát, dẫn nội quy tại khu vực bể bơi như: Quy định giờ bơi, chiều sâu tối đa nguy hiểm, chiều sâu tối thiểu, nhắc nhở và giám sát du khách khi có các hoạt động nguy hiểm tại khu vực hồ bơi, bể bơi được thiết kế theo quy định.

f. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do sự cố hỏng hóc thang máy

Để giảm thiểu các sự cố hỏng hóc thang máy, chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Định kỳ bảo dưỡng thang máy.
- Dán số điện thoại khẩn cấp bên trong thang máy.
- Bố trí nguồn điện dự phòng (máy phát điện) cho thang máy.

- Khi xảy ra sự cố phải có bộ phận chuyên trách đến hỗ trợ cho những người bị kẹt trong thang máy.

g. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do sự cố mưa, bão, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, sóng thần

Để giảm thiểu các sự cố do mưa, bão, nước biển dâng, sóng thần chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Trước mỗi mùa mưa bão, sẽ cho bộ phận liên quan khơi thông nạo vét hệ thống cống thoát nước.

- Cắt tỉa cành cây trong khuôn viên khu du lịch.

- Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết cũng như các khuyến cáo của các đơn vị phòng chống bão lũ để đưa ra khuyến cáo cho khách du lịch.

- Lắp đặt các biển báo hướng dẫn hướng đi chuyển khi xảy ra sự cố nước biển dâng, sóng thần.

h. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đối với sự cố bệnh tật bất thường của du khách

Để phòng ngừa, giảm thiểu tác động do sự cố bất thường của du khách khi ăn nghỉ tại khách sạn, chủ dự án sẽ thực hiện các giải pháp sau:

- Trang bị tủ thuốc y tế tại khách sạn, các loại thuốc chủ yếu chữa các bệnh thông thường như: Đau bụng, dị ứng, cảm cúm, sốt...

- Khi du khách bị bệnh thì chủ khách sạn và người nhà sẽ phối hợp để chuyển đến cơ sở y tế gần nhất trong thời gian sớm nhất.

- Phối hợp với cơ quan chức năng tổ chức các lớp tập huấn về sơ cứu, cấp cứu tại chỗ cho cán bộ công nhân viên làm việc tại khách sạn.

k. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đối với sự cố mất an ninh trật tự của du khách

Trong quá trình hoạt động của khách sạn có thể xảy ra mất an ninh trật tự của du khách là do mâu thuẫn giữa nhân viên và du khách trong vấn đề giá cả, ngôn ngữ, thói quen, hành vi ứng xử... Vì vậy, để giảm thiểu tác động này, chủ khách sạn cần thực hiện các biện pháp sau:

- Đối với du khách đến nghỉ ngơi: Yêu cầu xuất trình chứng minh thư/thẻ căn cước hoặc hộ chiếu cá nhân đầy đủ.

- Tại khách sạn có treo biển nội quy khách sạn như: đi nhẹ, nói khẽ

- Niêm yết công khai giá cả phòng nghỉ, món ăn...

- Đối với nhân viên khách sạn:

+ Nhân viên khách sạn được tập huấn cách giao tiếp với khách và phải có nhân viên biết ngoại ngữ để tham gia khi có khách nước ngoài.

+ Khi gặp vướng mắc phải báo với chủ khách sạn để tháo gỡ không được nói năng mất lịch sự với khách.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

7.1. Các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở đã được điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt

Cơ sở đã được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại quyết định số 4442/QĐ- UBND ngày 13/12/2010.

Các nội dung, công trình bảo vệ môi trường của cơ sở đã được điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường, cụ thể như sau:

STT	Công trình	Công trình được phê duyệt tại báo cáo đánh giá tác động môi trường	Công trình thực tế	Lý do
1	Công nghệ xử lý nước thải	- Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn → Môi trường - Nước thải nhà ăn → Bể tách dầu mỡ → Môi trường	Hệ thống XLNT tập trung công suất 70 m ³ /ngày với công nghệ: - Nước thải sinh hoạt qua bể tự hoại 3 ngăn, nước thải nhà ăn qua bể tách mỡ → Hệ thống xử lý nước thải 70 m ³ /ngày đêm → Môi trường	- Nhằm đảm bảo chất lượng nước thải trước khi thoát ra môi trường. Nước thải sinh hoạt sau xử lý được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m ³ /ngày đêm để xử lý.
2	Vị trí xả nước thải	X = 2183093, Y = 594159m	X = 2183153, Y = 594234	Chủ đầu tư nắn lại tuyến đường ống cho vuông vắn thuận tiện cho việc đầu nối với hệ thống thu gom nước thải chung của thành phố.
3	Diện tích toà khách sạn số 02	450 m ²	706,5 m ²	Năm 2014 Công ty cổ phần du lịch và thương mại Lam Sơn đã xin giấy phép cải tạo công trình, cải tạo lại toà khách sạn số 2.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

A. Nội dung đề nghị quản lý đối với nước thải

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn phát sinh số 1: Nước thải phát sinh từ toà khách sạn số 1 là 41 m³/ngày gồm: nước thải từ đại tiện, tiểu tiện và rửa bồn cầu được xử lý qua bể hoại là 11 m³/ngày, nước thải từ rửa tay chân, nước hút đáy bể bơi không đi qua bể tự hoại là 19 m³/ngày, nước thải từ nhà ăn được xử lý qua bể tách dầu mỡ là 10 m³/ngày, xả đáy cặn bể bơi là 1 m³/ngày.

- Nguồn phát sinh số 2: Nước thải phát sinh từ toà khách sạn số 2 là 22 m³/ngày gồm: nước thải từ đại tiện, tiểu tiện và rửa bồn cầu được xử lý qua bể hoại là 6 m³/ngày, nước thải từ rửa tay chân không đi qua bể tự hoại là 9 m³/ngày, nước thải từ nhà ăn được xử lý qua bể tách dầu mỡ là 7 m³/ngày.

2. Lưu lượng xả nước thải tối đa : 63 m³/ngày đêm

3. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Có 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngày đêm xả ra môi trường tiếp nhận.

4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

- Kể từ ngày giấy phép có hiệu lực đến ngày 31/12/2031, dòng nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K = 1), cụ thể như sau

Bảng 4. 1 . Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt sau khi xử lý theo QCVN 14:2008/BTNMT

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1, Cmax)
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	1.000
4	Tổng chất rắn lơ lửng(TSS)	mg/l	100
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000

Kể từ ngày 01/01/2032 dòng nước thải thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 14:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước đô thị dân cư tập trung (Cột C).

Cụ thể như sau:

Bảng 4. 2 Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn tiếp nhận theo QCVN 14:2025/BTNMT

TT	Thông số	ĐVT	QCVN 14:2025/BTNMT (Cột C)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc
1	pH	-	5- 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục
2	TSS	mg/l	≤ 70		
3	BOD ₅	mg/l	≤ 40		
4	COD	mg/l	≤ 100		
5	Dầu mỡ	mg/l	≤ 20		
6	Amoni	mg/l	≤ 10		
7	Phosphat	mg/l	≤ 10		
8	Nitrat	mg/l	≤ 40		
9	Sunfua	mg/l	≤ 0,5		
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	≤ 5.000		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 10		

5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Tọa độ vị trí xả nước thải: (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105, múi chiều 3°): X= 2183153, ; Y=59423.

- Phương thức xả nước thải: xả cưỡng bức.

- Chế độ xả nước thải: Liên đoạn, không liên tục.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung đường Hồ Xuân Hương, sau đó thoát ra sông Đơ (cách vị trí xả thải khoảng 1,5km).

B. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Không có

C. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

1. Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Phát sinh từ máy nén khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 02: Phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung nguồn số 01, số 02: Tại số 34 đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Tọa độ nguồn số 01: X = 2183160, Y=594225.(theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°).

- Tọa độ nguồn số 02: X=2183168, Y=594199 (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°).

3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

+ Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:

Bảng 4. 3. Giá trị giới hạn về tiếng ồn

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và trong giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

Ghi chú: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ Giá trị giới hạn đối với độ rung:

Bảng 4. 4 Giá trị giới hạn về độ rung

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và trong giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Ghi chú: QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

D. Nội dung yêu cầu về quản lý chất thải

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

Bảng 4. 5 Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
		Rắn	Lỏng	Bùn		
1	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	1,5
2	Giẻ lau, gang tay dính dầu thải	x			18 02 01	3
3	Hộp mực in thải	x			08 02 04	8,5
4	Dầu thải, dầu bôi trơn tổng hợp thải		x		15 01 027	2
	Tổng					15

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn khác phát sinh:

Bảng 4. 6 Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, bùn cặn khác	0,25
	Tổng khối lượng	0,25

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt phát sinh:

Bảng 4. 7: Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	12
Tổng khối lượng		12

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 100 lít (04 thùng).
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

Bảo đảm lưu chứa an toàn CTNH Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng. Có biển dấu hiệu cảnh báo theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009.

Thiết bị lưu chứa CTNH ở thể lỏng hoặc có thành phần nguy hại dễ bay hơi (nguyên liệu hết hạn sử dụng, ...) có nắp đậy kín, biện pháp kiểm soát bay hơi. Đối với cát, mùn cưa lẫn thành phần nguy hại (phát sinh trong quá trình xử lý sự cố) phải lưu trữ trong thùng kín, có nắp đậy, dán nhãn, không đổ ra nền sàn.

b. Kho lưu chứa:

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 3,0 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được xây tường gạch và lát nền vữa xi măng chống thấm, tường bao bằng tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.
- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kì chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 240 lít.

b. Kho lưu chứa:

Khách sạn đã xây dựng 01 nhà chứa rác có diện tích 10 m² để chứa rác thải sinh hoạt.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

- Trong quá trình hoạt động, Công ty thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, các nội dung theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; Tuyệt đối không xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

- Lắp đặt, bố trí hệ thống hút mùi tại khu vực bếp nấu ăn để tăng hiệu quả lưu thông không khí trong khu vực bếp nấu.

- Thu gom, chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý đảm bảo thời gian quy định (không quá 1 năm).

- Rà soát hồ sơ và các công trình xử lý bảo vệ môi trường, lập hồ sơ xin cấp Giấy phép môi trường đảm bảo thời gian Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định.

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

2.1. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ

* Kết quả quan trắc nước thải năm 2023

Bảng 5. 1 Kết quả quan trắc nước thải 2023

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích			QCVN 14:2008/BTN MT (Cột B)
			27/04/2023	11/07/2023	23/08/2023	
1	pH	-	7,1	7,1	7,0	5-9
2	Dầu mỡ động thực vật*	mg/l	0,87	0,7	1,21	20
3	TSS	mg/l	38	60	57	100
4	COD	mg/l	63,6	68,4		-
5	BOD ₅	mg/l	38	41	34	50
6	NH ₄ ⁺ tính theo N	mg/l	7,46	7,34	8,21	10
7	NO ₃ ⁻ tính theo N	mg/l	12,6	13,55	20,08	50
8	Coliform*	MPN/ 100ml	3.800	3.200	4.100	5.000

*Nguồn: Phiếu kết quả thử nghiệm số 230419H/637/2023/MĐC-KQPT,
230630A/118/2023/ MĐC-KQPT, 230816C/1362/2023/MĐC-KQPT*

- Vị trí lấy mẫu:

Nước thải tại hố gom nước thải sau xử lý nước khi bơm xả ra ngoài hệ thống thoát nước thải của thành phố trên đường Hồ Xuân Hương

- Quy chuẩn so sánh

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B).

+ (-): Không quy định.

* Kết quả quan trắc nước thải năm 2024

Bảng 5. 2 Kết quả quan trắc nước thải năm 2024

T T	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích				QCVN 14:2008/B TNMT (Cột B)
			24/05/2024	01/07/2024	05/08/2024	23/08/2024	
1	pH	-	7,1	7,0	7,1	7,3	5-9
2	Dầu mỡ động thực vật*	mg/l	1,51	1,16	1,19	1,15	20
3	TSS	mg/l	45	42	37	29	100
4	COD	mg/l	49,5	48	40,8	36	-
5	BOD ₅	mg/l	30	28	25	21	50
6	NH ₄ ⁺ tính theo N	mg/l	4,75	2,57	7,94	3,95	10
7	NO ₃ ⁻ tính theo N	mg/l	2,28	3,1	2,16	0,27	50
8	S ²⁻		0,07	0,1	0,1	0,11	4,0
9	Coliform*	MPN/ 100ml	3.300	3.300	2.400	3.200	5.000

Nguồn: Phiếu kết quả thử nghiệm số 240727A/1135/2024/MĐC-KQPT,
240809B/1187/2024/ MĐC-KQPT

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu

+ NT1: Nước thải tại hồ gom nước thải sau xử lý nước khi bơm xả ra ngoài hệ thống thoát nước thải của thành phố trên đường Hồ Xuân Hương

- Quy chuẩn so sánh

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B).

+ (-): Không quy định.

2.2. Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp khả năng đáp ứng của công trình xử lý nước thải

- Công trình xử lý nước thải tại cơ sở đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, sản xuất phát sinh từ trình hoạt động của nhà máy.

- Nước thải sau xử lý trước khi đầu nối vào môi trường tiếp nhận đảm bảo nằm trong quy chuẩn cho phép của Pháp luật hiện hành.

3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải

* Kết quả phân tích mẫu không khí làm việc năm 2023

Bảng 5. 3 Kết quả quan trắc không khí làm việc năm 2023

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				Quy chuẩn
			27/4/2023	11/7/2023	31/8/2023	06/10/2023	
1	Nhiệt độ	°C	29,4	30,6	30,1	30,4	-
2	Độ ẩm	%	67,5	67,8	69,2	68,1	-
3	Vận tốc gió	m/s	0,6-1,0	1,2	1,2	1,1-1,3	-
4	Tiếng ồn	dBA	56,1	58,4	58,8	50,8	70
5	Tổng bụi lơ lửng	µg/m ³	167	163	166	155	22
6	NH ₃	µg/m ³	28	<12	<12	24,5	300
7	H ₂ S	µg/m ³	8,13	<5	<5	9,8	350
8	SO ₂	µg/m ³	27,5	37,5	31,8	28,4	200
9	NO ₂	µg/m ³	19,4	25,9	20,9	20,2	30.000
10	CO	µg/m ³	<3.000	<3.000	<3.000	<3.000	3000

Nguồn: Phiếu kết quả thử nghiệm số 230419H/636/2023/MDC-KQPT, 230630A/1117/2023/MDC-KQPT, 230722D/1214/2023/MDC-KQPT, 230929E/1756/2023/ MDC-KQPT

- Vị trí lấy mẫu

Khu vực hệ thống xử lý khí thải trung tâm của khách sạn

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

+ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố

* Kết quả quan trắc môi trường không khí làm việc năm 2024

Bảng 5. 4 Kết quả quan trắc không khí xung quanh 2024

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				Quy chuẩn
			24/05/2024	01/07/2024	05/08/2024	23/08/2024	
1	Nhiệt độ	°C	30,4	29,8	36,3	33,5	-
2	Độ ẩm	%	67,7	68,5	60,8	65,1	-
3	Vận tốc gió	m/s	1,1-1,3	1,4	0,6-0,8	0,5-0,8	-
4	Tiếng ồn	dBA	60,6	58,2	55,3	56,7	70
5	Tổng bụi lơ lửng	µg/m ³	161	152	157	118	22

6	NH ₃	µg/m ³	39,6	54,1	43,9	47,5	300
7	H ₂ S	µg/m ³	9,5	15,1	15,5	13,4	350
8	SO ₂	µg/m ³	29,8	30,3	33,2	31,2	200
9	NO ₂	µg/m ³	20,9	21,4	23,4	22	30.000
10	CO	µg/m ³	<3.000	<3.000	<3.000	<3.000	3000

Nguồn: Phiếu kết quả thử nghiệm số 230419H/637/2023/MĐC-KQPT,
230630A/118/2023/ MĐC-KQPT, 230816C/1362/2023/MĐC-KQPT

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu

Khu vực hệ thống xử lý khí thải trung tâm của khách sạn

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường từ 6 giờ tới 12 giờ.

+ (-) Không quy định.

4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

- Tình hình phát sinh, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Bảng 5. 5 Tổng hợp khối lượng chất thải sinh hoạt năm 2023, 2024

TT	Nhóm CTSH	Khối lượng (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận
II	Năm 2023	12.000	
1	Chất thải rắn sinh hoạt	8.000	Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Bim Sơn
2	Chất thải rắn từ nhà bếp	3.000	
3	Chất thải khác	1.000	
III	Năm 2024	12.000	
1	Chất thải rắn sinh hoạt	8.000	Công ty CP Môi trường đô thị và dịch vụ du lịch Sầm Sơn
2	Chất thải rắn từ nhà bếp	3.000	
3	Chất thải khác	1.000	

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023, 2024

- Tình hình phát sinh, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Bảng 5. 6 Tổng hợp khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường năm 2023, 2024

TT	Nhóm CTSH	Khối lượng (tấn/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận
I	Năm 2023	0,25	
1	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	0,25	Công ty CP Môi trường đô thị và dịch vụ du lịch Sầm Sơn
II	Năm 2024	0,25	
2	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	0,25	Công ty CP Môi trường đô thị và dịch vụ du lịch Sầm Sơn

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022, 2023, 2024

- Tình hình phát sinh, xử lý chất thải nguy hại

Bảng 5. 7 Tổng hợp khối lượng chất thải nguy hại năm 2022, 2023, 2024

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận
<i>I</i>	<i>Năm 2023</i>		<i>15</i>		
1	Pin, ắc quy thải	16 01 12	1,5	Thuê xử lý	Công ty cổ phần môi trường Việt Thảo
2	Giẻ lau, gang tay dính dầu thải	18 02 01	3		
3	Hộp mực in thải	08 02 04	2		
4	Dầu thải, dầu bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	8,5		
<i>II</i>	<i>Năm 2024</i>		<i>15</i>		
1	Pin, ắc quy thải	16 01 12	1,5	Thuê xử lý	Công ty cổ phần môi trường Nghi Sơn
2	Giẻ lau, gang tay dính dầu thải	18 02 01	3		
3	Hộp mực in thải	08 02 04	2		
4	Dầu thải, dầu bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	8,5		

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023, 2024

5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở.

Trong 2 năm vừa qua, cơ sở không có đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến từ 15/07/2025 đến 17/07/2025

Bảng 6. 1 Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

STT	Công trình xử lý chất thải đã hoàn thành	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1	Hệ thống XLNT tập trung 70m ³ /ngày.đêm	15/07/2024	17/07/2025	100%

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

a. Kế hoạch quan trắc chất thải

Quan trắc chất thải bằng mẫu tổ hợp:

- Đối với mẫu nước thải: Quá trình lấy mẫu tổ hợp nước thải tại cơ sở được tổng hợp từ 03 mẫu đơn lấy tại 03 thời điểm khác nhau trong ngày. Thời điểm 1: 8h00 sáng; Thời điểm 2: 13h00 chiều; Thời điểm 3: 17h00 chiều và được trộn đều với nhau.

Quan trắc chất thải bằng mẫu đơn:

Bảng 6. 2 Thời gian dự kiến lấy mẫu quan trắc (mẫu đơn)

Thời gian	Lấy mẫu nước thải	
	Đầu vào	Đầu ra
15/07/2025	√	√
16/07/2025		√
17/07/2025		√

* Giám sát chất lượng nước thải:

- Các chỉ tiêu giám sát: PH, COD, BOD₅, TSS, H₂S, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, Tổng Coliforms

- Vị trí quan trắc:

+ Công đoạn xử lý nước thải sinh hoạt

NT1: Lấy mẫu đầu vào của Hệ thống XLNT tập trung

NT2: Lấy mẫu đầu ra sau xử lý của Hệ thống XLNT tập trung

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2025/BNTMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

b. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ Môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 01/01/2022 dự án không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục, quan trắc định kỳ đối với nước thải, khí thải.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Cơ sở thuộc đối tượng không phải giám sát môi trường theo chương trình quan trắc tự động liên tục chất thải.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Không có

Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty cổ phần du lịch và thương mại Lam Sơn cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở "*Khách sạn Dragon Sea*".

Công ty cổ phần du lịch và thương mại Lam Sơn cam kết việc thực hiện tốt các biện pháp nhằm bảo vệ môi trường, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm môi trường, bồi thường thiệt hại trong các trường hợp cơ sở để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường.

Công ty cam kết tuân thủ nghiêm túc các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường, cụ thể như sau:

- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động để đảm bảo giá trị thông số các chất ô nhiễm chính có trong nước thải của cơ sở không vượt quá giá trị quy định tại QCVN 14:2025/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động để đảm bảo chất lượng không khí xung quanh theo QCVN 05:2023/BTNMT;

- Hoạt động của cơ sở tuân thủ các quy định về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT; độ rung tuân thủ giới hạn của QCVN 27:2010/BTNMT;

- Chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở được thu gom và thuê đơn vị vận chuyển, xử lý đảm bảo theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Ngoài ra, chủ cơ sở đảm bảo các vấn đề về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và các sự cố, rủi ro môi trường khác;

- Thực hiện nghiêm túc, tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành trong suốt quá trình hoạt động.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2801954185

Đăng ký lần đầu: ngày 07 tháng 05 năm 2013

Đăng lý thay đổi lần thứ: 5, ngày 09 tháng 11 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI
LAM SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LAMSON TRADE AND TOURISM JOINT
STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

43 đường Hồ Xuân Hương, Phường Trường Sơn, Thành phố Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hoá,
Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ: 230.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 23.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/08/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038085002633

Ngày cấp: 21/08/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ Dân Phố Đông Đa 2, Thị trấn Tân Phong, Huyện Quảng
Xương, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ Dân Phố Đông Đa 2, Thị trấn Tân Phong, Huyện Quảng Xương,
Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Văn Thu

TRƯỜNG TRẠI DẠ KINH LƯU GIẤY CHỨNG NHẬN

Ngày đăng năm	Tên và nội dung quyết định	Màu sắc của quần áo làm quyền
19/05/2014	Chuyến đi số 12990 được tiếp quản thành công. Các thành viên của Ban Quản lý Trường Trại DẠ KINH LƯU đã hoàn thành nhiệm vụ và được khen thưởng. Quyết định số 1234/QĐ-TT, ngày 19/05/2014 của Ban Quản lý Trường Trại DẠ KINH LƯU. Chuyến đi số 12991 được tiếp quản thành công. Các thành viên của Ban Quản lý Trường Trại DẠ KINH LƯO đã hoàn thành nhiệm vụ và được khen thưởng. Quyết định số 1235/QĐ-TT, ngày 19/05/2014 của Ban Quản lý Trường Trại DẠ KINH LƯO.	
20/05/2014	Chuyến đi số 12992 được tiếp quản thành công. Các thành viên của Ban Quản lý Trường Trại DẠ KINH LƯO đã hoàn thành nhiệm vụ và được khen thưởng. Quyết định số 1236/QĐ-TT, ngày 20/05/2014 của Ban Quản lý Trường Trại DẠ KINH LƯO.	

HƯỚNG DẪN DẠ KINH LƯU GIẤY CHỨNG NHẬN

- Được hướng dẫn và phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an ninh và trật tự.
- Được hướng dẫn và phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an ninh và trật tự.
- Được hướng dẫn và phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an ninh và trật tự.



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

123456789

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN

Tỉnh Thanh Hóa

CHỨNG NHẬN

Công ty Lương Lương Sơn

Được quyền sử dụng *3333* m² đất

Tại: *Huyện Thường Sơn
Xã Sơn Sơn
Tỉnh Thanh Hóa*

Theo bảng kê kê dưới đây:

Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Màu da sử dụng	Thời hạn sử dụng	Phân giới thửa
1	01	3333	Sử dụng không xác định	Lưu địa	Biên địa địa chủ phương Thường Sơn Tỷ lệ 1:5000

Chứng nhận này thay thế giấy chứng nhận số B 330768 của UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 11-10-1994.

Vào sổ giấy chứng nhận
Quản lý sử dụng đất
Số 62323 ... Quận/Số 222/Quận

Ngày 12 tháng 12 năm 1995

Thị xã UYÊN
Tỉnh Thanh Hóa



Nguyễn Văn T. (Signature)

TRÍCH BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH
Tỷ lệ 1:500

Đường Tây Sơn

B



TRANG BỔ SUNG VỀ SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT

Thửa đất số: 01

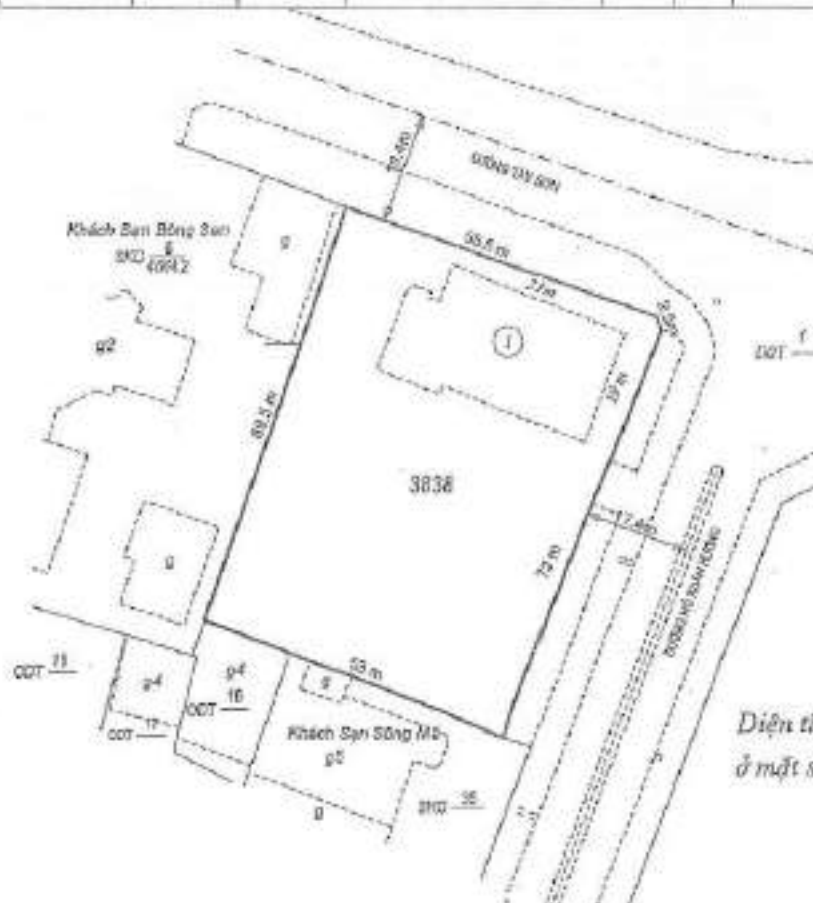
Tờ bản đồ số: 10

Số phát hành GCNQSDĐ: M 759371

Số vào sổ GCN: 00329 QSDĐ/số 282/QĐ-UB

Sơ đồ thửa đất, tài sản gắn liền với đất:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sân hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm HT xây dựng	Thời hạn sở hữu
(1) Khách sạn Lam Sơn	708.5	3290 m ²	Bê tông cốt thép	-	06 + 01 tum	2000	-



Ghi chú:

Diện tích cụ thể từng tầng thể hiện ở mặt sau trang bổ sung này

Thanh Hoá, Ngày 22 tháng 5 năm 2014

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Đình Xinh



Tổng 1: 706.5 m²



Tổng 2: 631.5 m²



Tổng 3: 578 m²



Tổng 4: 486 m²



Tổng 3: 394 m²



Tổng 5: 302 m²



Tổng 6: 190 m²

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 01

Tờ bản đồ số: 18

Số phát hành GCN: M 75937A

Số vào sổ cấp GCN: : 00329 QSDĐ

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh chi nhánh Hà Nội; địa chỉ: Đền nguyên I, nhà 2C, khu Đoàn ngoại giao Vạn Phúc, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (Hợp đồng thế chấp thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được phòng Công chứng số III chứng nhận số 5895, quyền số 04 TP/CC-SCC, ngày 16/10/2014) theo hồ sơ số 14836.001310.TC.VS ngày 16/10/2014).	Ngày 16/10/2014  PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Thị Cầm
Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 16/10/2014 theo hồ sơ số 000945.XC.004 ngày 30/10/2019.	Ngày 30/10/2019  PHÓ GIÁM ĐỐC Lê Thị Bích Ngọc
Thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Đồng Đa; địa chỉ: Số 183 Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, TP Hà Nội (Hợp đồng thế chấp số công chứng 2063 quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/10/2019) theo hồ sơ số 000945.TC.005 ngày 31/10/2019.	Ngày 31/10/2019  PHÓ GIÁM ĐỐC Lê Thị Bích Ngọc

Trang bổ sung số: 01

Trong hồ sơ này kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền thế chấp

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 7 năm 2010

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

SỐ: 1493 /GPXD

(Công trình xây dựng mới)

BẢN SẠO

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA.

1. Cấp cho: Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn.

Người đại diện: Ông Lê Văn Tâm

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại: 0373 834094.

2. Được phép xây dựng công trình:

Khách sạn Lam Sơn (Dự án được Chủ đầu tư phê duyệt tại Văn bản số 233/QĐ/ĐLS-KH ngày 24/6/2010; Thiết kế cơ sở được Sở Xây dựng Thanh Hóa tham gia tại Văn bản số 1322/SXD-TĐ ngày 17/6/2010; Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công do Công ty CP thiết kế kiến trúc và xây lắp Hà Nội thực hiện), gồm các nội dung sau đây:

- Diện tích xây dựng công trình mới: 1.080,0 m².
- Mật độ xây dựng (gồm cả công trình đã xây dựng và công trình mới): 39,9%.
- Diện tích sàn xây dựng mới: 11.348,0m².
- Số tầng cao công trình: Công trình xây dựng mới: 11 tầng.
- Chiều cao công trình xây mới (tính từ cốt sàn công trình đến sàn mái): 46,15m.
- Cốt san nền xây dựng công trình: Theo hạ tầng hiện trạng đang sử dụng.
- Chỉ giới xây dựng: Theo bản vẽ Tổng mặt bằng quy hoạch thuộc hồ sơ xin cấp GPXD.

- Màu sắc công trình: Tươi sáng, thanh nhã.

- Địa điểm xây dựng công trình: Trên lô đất được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số M 759731 ngày 12/2/1999 thuộc phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn, Thanh Hóa. Diện tích lô đất 3838,0m².

3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu VP.



NGUYỄN VĂN HỒNG

K. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
LÊ THẾ THIẾP

UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **5220** /SXD-ĐT

Thanh Hóa, ngày **30** tháng **9** năm **2014**

V/v Phụ lục điều chỉnh Giấy phép
xây dựng số 1493/GPXD do Sở Xây
dựng cấp ngày 09/7/2010.

Kính gửi: Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Lam Sơn.

Sở Xây dựng nhận được Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng công trình Khách sạn Lam Sơn, phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Lam Sơn. Sau khi xem xét hồ sơ, Sở Xây dựng điều chỉnh giấy phép xây dựng số 1493/GPXD do Sở Xây dựng cấp ngày 09/7/2010, với các nội dung như sau:

1. Nội dung điều chỉnh:

Điều chỉnh thay đổi Chủ đầu tư từ Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn sang Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Lam Sơn.

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép và các nội dung khác không điều chỉnh giữ nguyên theo đúng giấy phép xây dựng số 1493/GPXD do Sở Xây dựng cấp ngày 09/7/2010; nội dung của phụ lục điều chỉnh này là bộ phận không thể tách rời với giấy phép xây dựng đã được cấp. *l. ghu*

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, ĐT, Dữ.

PLĐC GPXD số 1493/GPXD ngày 09/7/2010.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đào Vũ Việt

UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5219 /GPCT-SXD

Thanh hóa, ngày 30 tháng 9 năm 2014

GIẤY PHÉP CẢI TẠO CÔNG TRÌNH

1. Cấp cho: Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Lam Sơn.

- Người đại diện: ông Nguyễn Thanh Bắc. Chức vụ: Giám đốc Công ty.
- Địa chỉ liên hệ: số 43 Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại: 0373.961.177

2. Hiện trạng công trình: Khách Sạn Lam Sơn.

- Trên thửa đất số 01, tờ bản đồ số 18 bản đồ địa chính phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Loại công trình: Khách sạn. Cấp Công trình: cấp III.
- Diện tích xây dựng tầng 1: 706,5m².
- Tổng diện tích sàn 3.290,0m².
- Chiều cao công trình: + 24,3 m (so với cốt nền xây dựng).
- Số tầng: 06 tầng + 1 tum.

3. Được phép sửa chữa, cải tạo với nội dung sau:

- Được phép cải tạo ban công tầng 2 và tầng 3 của công trình, với diện tích cải tạo: 81,0m² (theo bản vẽ cải tạo kèm theo).

4. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số M759371 do UBND tỉnh cấp ngày 12/02/1999, thay đổi ngày 21/5/2014.

5. Giấy phép này có hiệu lực: khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT, Dừng.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ
THƯƠNG MẠI LAM SƠN**

Số: 26 /QĐBN-LS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 03 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
V/v Đổi tên Khách sạn

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI LAM SƠN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH 13 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Lam Sơn;
- Căn cứ vào biên bản họp HĐQT công ty số 18/BBH- LS ngày 10/3/2015 về việc đổi tên Khách sạn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Quyết định đổi tên thay đổi tên khách sạn trực thuộc Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Lam Sơn như sau:

- Tên hiện tại: Khách sạn Lam Sơn
- Tên thay đổi: Khách sạn Dragon sea

Điều 2. Khách sạn Dragon Sea kế thừa toàn bộ trách nhiệm hoạt động kinh doanh của Khách sạn Lam Sơn;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ 12/3/2015.

Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Lam có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu HCNS.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Bắc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Số: 132 /GP-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 06 tháng 8 năm 2020

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
(Gia hạn lần 1)

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ;

Căn cứ Quyết định số 3074/2013/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của UBND tỉnh quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Xét Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty CP Du lịch và Thương mại Lam Sơn ngày 03/6/2020 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 731/TTr-STNMT ngày 04/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Lam Sơn, địa chỉ tại đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa được xả nước thải vào nguồn nước từ hoạt động của Khách sạn Biển Đại Long (Dragon Sea Hotel) tại đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Sông Đơ.
2. Vị trí xả nước thải:

- Hệ thống thu gom chung nước thải của thành phố Sầm Sơn;
- Tọa độ vị trí xả nước thải ra nguồn tiếp nhận (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiều 30), như sau:

$$X = 2183093 \text{ (m)}; Y = 594159 \text{ (m)}.$$

3. Phương thức xả nước thải: Theo phương thức tự chảy.

4. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày đêm.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Đối với mùa du lịch (từ tháng 5 đến tháng 10 hàng năm): $63 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm.

- Đối với các tháng còn lại trong năm: $19 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm.

6. Chất lượng nước thải:

Giá trị thông số các chất ô nhiễm có trong nước thải của đơn vị được phép xả vào nguồn nước tiếp nhận không vượt quá giá trị quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt. (Cột B, hệ số; $K=1$), cụ thể:

Bảng thông số và giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, $K=1$)
1	pH	—	5-9
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4
6	Amoni	mg/l	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động vật, thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000

7. Thời hạn của giấy phép: 5 năm (năm năm), kể từ ngày ký giấy phép.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Lam Sơn:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này, nếu có thay đổi phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012.

3. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, công nghệ đã trình bày trong hồ sơ đề nghị cấp phép; bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy chuẩn cho phép theo bảng trên trước khi xả ra nguồn tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.

4. Thực hiện quan trắc nước thải và nguồn tiếp nhận như sau:

- Quan trắc lưu lượng nước thải: Quan trắc liên tục lưu lượng nước thải xả ra nguồn tiếp nhận, qua đồng hồ đo lưu lượng xả thải tại vị trí đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Quan trắc chất lượng nước thải: Quan trắc định kỳ chất lượng nước thải trước và sau khi xử lý, từ hoạt động của đơn vị trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, các thông số quan trắc theo quy định tại Bảng 1, tần suất quan trắc ba (03) tháng/lần.

- Quan trắc nguồn nước tiếp nhận: Quan trắc định kỳ chất lượng nước nguồn tiếp nhận tại vị trí cách điểm tiếp nhận nước thải 50m về phía thượng lưu và 50m về phía hạ lưu; các thông số quan trắc theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột B1); tần suất quan trắc sáu (06) tháng/lần.

- Lập sổ theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải của cơ sở trước khi xả ra nguồn tiếp nhận và chất lượng nước nguồn tiếp nhận.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt quy chuẩn tại Bảng trên và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường các cấp; nếu có sự cố bất thường liên quan đến việc xả nước thải phải dừng ngay hoạt động xả nước thải, thực hiện khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước; đồng thời báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường, chính quyền địa phương để có biện pháp xử lý kịp thời.

7. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Sơn Sơn về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xả nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận theo quy định.

Điều 3. Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Lam Sơn được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Sầm Sơn và các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải từ hoạt động của Khách sạn Biển Đại Long (Dragon Sea Hotel) thuộc Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Lam Sơn; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với chất lượng nước thải Khách sạn Biển Đại Long (Dragon Sea Hotel) thuộc Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Lam Sơn.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 330/GP-UBND ngày 19/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh đã cấp cho đơn vị. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Lam Sơn còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Công ty CP Du lịch và Thương mại Lam Sơn;
- Cục Quản lý TNN-Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Sầm Sơn;
- Lưu: VT, P&NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

BỘ CÔNG AN
C.A. TỈNH THANH HÓA
Số: 453/JTD-PCCC (19...)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PCC
Ban theo Thông tư số 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-5-2004 - hi 2007

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 118-CV ngày 22-1-3-2010

của: Công ty CP mía đường Lam Sơn
Người đại diện là ông/bà: Lê Văn Thanh Chức danh: Tổng giám đốc
(1) PHÒNG CẢNH SÁT PCCC- C.A. TỈNH THANH HÓA

CHỨNG NHẬN:

- (2) Công Trình: Khách sạn Lam Sơn.
Địa điểm: Phường Trường Sơn - thị xã Sầm Sơn - Thanh Hóa.
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty CP mía đường Lam Sơn
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty cp TK kiến trúc và xây lắp Hà Nội
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:
- Bậc chịu lửa công trình;
- Lối thoát nạn công trình;
- Hệ thống điện, chống sét;
- Hệ thống giao thông và K/c PCCC;
- Hệ thống chữa cháy bằng nước, phương tiện CC tại chỗ và báo cháy tự động.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: Thực hiện đầy đủ các kiến nghị tại công văn số 156/PCCC&CNCH ngày 29/9/2010 của Phòng CSPCCC&CNCH. Các hạng mục khác phải thi công đảm bảo các yêu cầu về PCCC, quá trình thi công phải đảm bảo an toàn PCCC.

- Phòng Cảnh sát PCCC-CA tỉnh Thanh Hoá sẽ kiểm tra thi công và kiểm tra nghiệm thu an toàn PCCC công trình trước khi đưa vào sử dụng/.

Thanh hóa, ngày 29 tháng 9 năm 2010

(4) TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

Nơi nhận:
- Cục CSPCCC-B.C.A (B/c)
- Chủ đầu tư (T/h)
- Lưu Phòng CSPCCC (KT)

Thượng tá: Đỗ Văn Hiến

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp quốc gia; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới; (3) Trích nguyên văn nội dung tài liệu phương tiện phải thực hiện theo; (4) Chức danh người ký giấy (tên, đóng dấu).

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PCCC TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 70/NTPCCC-P3
T/y Văn bản nghiệm thu về PCCC

Thanh hóa, ngày 29 tháng 6 năm 2015

Kính gửi: Công ty cổ phần du lịch và thương mại Lam Sơn.

Theo đề nghị của Công ty cổ phần du lịch và thương mại Lam Sơn tại Công văn số 08/CV-HĐ ngày 25/5/2015 về việc đề nghị nghiệm thu hệ thống PCCC đối với công trình Khách sạn Lam Sơn.

Sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy và Biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện Cảnh sát PCCC tỉnh Thanh Hóa lập ngày 29/5/2015 và Văn bản báo cáo thực hiện các kiến nghị của Chủ đầu tư ngày 26/6/2015.

Cảnh sát PCCC tỉnh Thanh Hóa đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy các hạng mục:

- Bậc chịu lửa công trình;
- Hệ thống chống sét;
- Giao thông, khoảng cách an toàn PCCC;
- Hệ thống PCCC trang bị cho công trình (bao gồm hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy nước trong, ngoài nhà và các bình chữa cháy đã trang bị cho công trình);

Thuộc công trình: Khách sạn Lam Sơn.

Địa chỉ: Phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Để đảm bảo an toàn PCCC trong quá trình hoạt động đề nghị Chủ đầu tư tổ chức thực hiện các nội dung sau :

1. Trong quá trình hoạt động thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại Điều 7, Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014.

2. Các hệ thống, thiết bị kỹ thuật khác có liên quan đến PCCC phải được kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu đưa vào vận hành đảm bảo các yêu cầu về PCCC khi đưa công trình vào sử dụng.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cục C66 - BCA (Bic);
- Lưu P3.



Đại tá Nguyễn Xuân Hà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC

Mã hợp đồng CNSS_003139

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc Hội thông qua ngày 24/11/2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

- Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

- Căn cứ Thông báo số 482/TB-SCT ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Sở Công thương Thanh Hóa về việc chấp nhận đồng ký hợp đồng theo mẫu;

- Căn cứ nhu cầu của khách hàng và khả năng cung cấp nước của Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa.

Hôm nay, ngày 09 tháng 05 năm 2022, tại Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa, chúng tôi gồm:

I - Bên cung cấp nước: Công ty CP cấp nước Thanh Hóa (gọi tắt là bên A)
Đại diện Ông: Lê Tất Cần Chức vụ: Giám đốc CNCN Sầm Sơn
Theo giấy ủy quyền số: ngày 10 tháng 6 năm 2016 của
Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa.
Địa chỉ: Khu phố Sơn Hải - Phường Trường Sơn - TP Sầm Sơn - Thanh Hóa
Điện thoại: 02373.822.624 Fax: Email:
Tài khoản: 111000019479 Tại: NHCT TP Sầm Sơn
Mã số thuế: 2800219549

II - Bên sử dụng nước: Cơ quan - Tổ chức - Hộ gia đình (gọi tắt là bên B).

..... Công ty CP du lịch và thương mại Lam Sơn

Đại diện: Chức vụ:
Địa chỉ: Số 43 Hồ Xuân Hương - Ph. Trường Sơn - TP. Sầm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại: Email:

Tài khoản số: Tại:

Mã số thuế:

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ cấp nước với các nội dung sau:

Điều 1: Đối tượng của hợp đồng

Áp dụng đối với Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa và khách hàng, trong việc mua bán nước sạch.

Điều 2: Điều kiện chất lượng dịch vụ

1. Chất lượng nước sạch sản xuất của bên A đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của Nhà nước;

2. Bên A đáp ứng yêu cầu về lưu lượng tại điểm đầu nối của bên B (trừ các lý do được coi là bất khả kháng).

Điều 3: Giá nước sạch

Theo quyết định về giá nước của cấp có thẩm quyền tại thời điểm thanh toán tiền nước. Đối với khách hàng là hộ gia đình có từ 02 (hai) hợp đồng dịch vụ cấp nước trở lên thì chỉ được hưởng giá nước sinh hoạt cho 01 (một) hợp đồng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, các hợp đồng còn lại phải chịu mức giá theo tính chất ngành nghề hoạt động của chủ hộ.

Điều 4: Phương thức ghi đồng hồ và thanh toán

1. Ghi đồng hồ:

a. Bên A ghi chỉ số đồng hồ và thu tiền nước theo chu kỳ cố định: 01 lần/tháng, nếu cần phải thay đổi chu kỳ ghi và thu tiền nước thì sẽ thông báo trước cho bên B trong thời gian tối thiểu trước 10 ngày.

b. Trường hợp đồng hồ đo nước không phản ánh chính xác được khối lượng nước tiêu thụ, thì khối lượng nước trong kỳ được tính bằng trung bình 03 kỳ liên tiếp trước đó, đồng thời phải kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế ngay đồng hồ mới với chi phí thuộc về bên có lỗi.

2. Địa điểm, phương thức thanh toán:

a. Bên B nộp tiền vào Tài khoản của bên A theo hình thức: Chuyển khoản ☐

b. Bên B thanh toán tiền mặt cho bên A theo Biên lai tiền nước tự bán thu tiền được đặt tại vị trí mà bên A đã thông báo. ☐

Nếu thay đổi địa điểm thu, bên A sẽ thông báo cho bên B bằng hình thức: gọi điện thoại, nhắn tin hoặc các phương tiện truyền thông khác.

Khi nhận được Biên lai tiền nước, bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho bên A, trường hợp chưa thanh toán ngay được thì chậm nhất không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có Biên lai thanh toán, bên B phải đến nộp tại chi nhánh của bên A theo địa chỉ ghi trên giấy thông báo nợ tiền nước. Quá thời hạn trên, bên A sẽ tạm dừng cấp nước. Việc cấp nước trở lại sẽ được thực hiện trong thời gian 24 giờ kể từ khi bên B đã thanh toán đầy đủ cho bên A và mọi chi phí liên quan đến đầu nối cấp nước trả lại. Trường hợp tái phạm, bên A có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Bên B có quyền yêu cầu bên A xem xét lại số tiền nước phải thanh toán. Bên A có trách nhiệm giải quyết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của bên B. Sau khi có kết quả giải quyết, bên B có trách nhiệm thanh toán ngay tiền nước trên cơ sở kết quả giải quyết.

Điều 5: Quyền lợi và nghĩa vụ của bên A

1. Quyền lợi:

a. Được phép vào khu vực quản lý của khách hàng sử dụng nước để thao tác bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế phụ tùng, thiết bị cấp nước.

b. Được kiểm tra chủng loại, tình trạng và tình hình hoạt động của vật tư, thiết bị đã hoặc sẽ đầu nối vào mạng lưới cấp nước của bên A và được bồi thường thiệt hại do khách hàng sử dụng nước gây ra theo quy định của Pháp luật.

c. Được quyền tạm dừng cấp nước nếu bên B không sử dụng nước trong thời gian 03 tháng liên tục.

d. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật

2. Nghĩa vụ:

a. Kịp thời khắc phục sự cố, khôi phục cấp nước, đáp ứng chất lượng dịch vụ theo thỏa thuận;

b. Thông báo đến bên B hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng trước 24 giờ khi tạm ngưng cung cấp nước để phục vụ việc tu bổ, sửa chữa định kỳ (trừ trường hợp sự cố đột xuất)

c. Bồi thường thiệt hại cho khách hàng trong trường hợp nước do bên A sản xuất, cung cấp đến điểm đầu nối của bên B không đảm bảo chất lượng gây thiệt hại cho người sử dụng, mức bồi thường cụ thể như sau:

- Bồi thường thiệt hại theo quy định của Pháp luật;

- Hoàn lại giá trị khối lượng nước không đảm bảo chất lượng;

d. Hoàn trả cho khách hàng sử dụng nước khoản tiền thu thêm trong trường hợp ghi sổ chi số đồng hồ hoặc đồng hồ không đạt tiêu chuẩn theo quy định hoặc tình sai Biên lai. Mức hoàn trả bao gồm cả tiền lãi của khoản tiền thu thêm kể từ thời điểm hoàn trả sau một tháng so với thời điểm đã thu thêm tiền nước. Lãi suất của số tiền thu thêm do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá lãi suất cho vay cao nhất của Ngân hàng mà bên A có tài khoản ghi trong hợp đồng dịch vụ cấp nước tại thời điểm thanh toán;

đ. Tiếp nhận và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của bên B về các vấn đề liên quan đến việc cung cấp, sử dụng nước;

e. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của bên B

1. Quyền lợi:

a. Được cung cấp đầy đủ, kịp thời về số lượng, đảm bảo về chất lượng dịch vụ đã nêu trong hợp đồng;

- b. Yêu cầu bên A kịp thời khắc phục việc cấp lại nước, khi có sự cố xảy ra;
- c. Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin về hoạt động cấp nước;
- d. Được bồi thường thiệt hại do bên A gây ra theo quy định của Pháp luật;
- đ. Yêu cầu bên A kiểm tra chất lượng dịch vụ, tính chính xác của thiết bị đo đếm, số tiền nước phải thanh toán;

2. Nghĩa vụ:

- a) Sử dụng nước đúng mục đích đã đăng ký tại Phụ lục I của Hợp đồng. Nếu thay đổi mục đích sử dụng, bên B có trách nhiệm đăng ký lại với bên A;
- b) Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng thời hạn và thực hiện đầy đủ các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ cấp nước;

c) Đảm bảo an toàn, bảo quản đồng hồ đo nước;

d) Tạo điều kiện để bên A kiểm tra, ghi chỉ số đồng hồ đo nước. Trường hợp bên A không ghi được chỉ số đồng hồ nước vì lý do chủ quan của bên B thì bên B phải có biện pháp thông báo chỉ số cho bên A biết, nhưng không được quá 02 kỳ liên tiếp;

đ) Không được dùng bất kỳ hình thức nào để làm sai lệch hoặc vô hiệu hóa đồng hồ đo nước hoặc sử dụng nước không qua đồng hồ. Nếu vi phạm, sẽ bị tạm dừng dịch vụ cấp nước và truy thu tiền nước trên cơ sở:

- Khối lượng: Được xác định bằng lượng nước tối đa có thể cấp qua hệ thống trong thời gian được tính từ khi lắp hệ thống cấp nước đến thời điểm bị phát hiện.

- Giá nước: Áp dụng mức giá kinh doanh dịch vụ;

Ngoài ra, bên B còn phải thanh toán các chi phí có liên quan đến việc hoàn trả lại hệ thống đường ống, đồng hồ đo nước như ban đầu và chịu xử phạt hành chính của cơ quan có thẩm quyền;

Bên B chỉ được cấp nước trở lại sau khi đã thực hiện xong mọi trách nhiệm của mình và cam kết không tái phạm. Trường hợp tái phạm, bên cạnh việc đền bù mọi thiệt hại, bên A sẽ dừng dịch vụ cấp nước vĩnh viễn đối với bên B, đồng thời đề nghị truy tố trước Pháp luật nếu gây hậu quả nghiêm trọng;

e) Không dẫn bất cứ nguồn nước nào vào chung với hệ thống cấp nước do bên A cấp.

g) Chịu mọi chi phí sửa chữa, thay thế (nếu có) đối với hệ thống cấp nước thuộc tài sản sở hữu của mình. Thanh toán chi phí khi có yêu cầu di dời đồng hồ, nâng cấp đồng hồ hay hệ thống cấp nước để phục vụ cho nhu cầu phát sinh trong quá trình sử dụng;

h) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 7. Sửa đổi hợp đồng

1. Trường hợp bên B nếu có thay đổi nội dung Hợp đồng đã ký thì thông báo cho bên A trước 15 (mười lăm) ngày để cùng thống nhất điều chỉnh và ký lại hợp đồng;

2. Trường hợp bên B chuyển giao bất động sản cho đối tượng khác thì phải có đơn đề nghị chuyển giao hợp đồng sử dụng nước. Khách hàng sử dụng nước tiếp theo phải đăng ký sử dụng nước và ký lại hợp đồng cung cấp, sử dụng nước với bên A;

3. Khi chuyển nhượng bất động sản, Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ hoặc có trách nhiệm bàn giao với khách hàng mới về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán (nếu có) với bên A.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng.

1. Một trong hai bên có quyền chấm dứt hợp đồng dịch vụ cấp nước nếu bên kia không thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng hoặc:

a) Bên B không còn nhu cầu sử dụng nước;

b) Khu đất lắp đặt hệ thống cấp nước bị giải tỏa, di dời theo quyết định của cơ quan chức năng; Hoặc 1 trong 2 bên muốn chấm dứt hợp đồng, thì bên muốn chấm dứt hợp đồng phải thông báo cho bên còn lại trước 15 (mười lăm) ngày và nêu rõ lý do chấm dứt hợp đồng.

2. Hợp đồng dịch vụ cấp nước được khôi phục hoặc ký lại sau khi các vướng mắc giữa hai bên đã được giải quyết hoặc lệnh giải tỏa được hủy bỏ.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có tranh chấp, hai bên sẽ tự giải quyết bằng thương lượng trên nguyên tắc tuân thủ Pháp luật và tôn trọng quyền lợi hợp pháp của nhau. Trường hợp không tự giải quyết được thì vấn đề tranh chấp sẽ được chuyển đến tòa án dân sự để phân xử. Bên nào vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Pháp luật.

Điều 10. Các thỏa thuận khác.

1. Trường hợp bên A không ghi được chỉ số đồng hồ nước vì lý do khách quan, thì bên A sẽ tạm tính khối lượng nước sử dụng trong tháng của khách hàng bằng khối lượng nước sử dụng của tháng liền kề trước đó nhưng không được quá 02 kỳ liên tiếp;

2. Đồng hồ đo nước phải do bên A cung cấp, được kiểm định, hiệu chuẩn, kẹp chỉ niêm phong, phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

3. Bên A có trách nhiệm tổ chức ghi đúng chỉ số đồng hồ đo nước theo định kỳ. Bên B có quyền kiểm tra, giám sát việc ghi chỉ số đồng hồ của bên A.

4. Việc kiểm định thiết bị đo đếm nước theo đúng quy định của Pháp lệnh đo lường.

5. Khi có nghi ngờ thiết bị đo đếm nước không chính xác, bên B có quyền yêu cầu bên A kiểm tra. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu của bên B, bên A phải kiểm tra và hoàn thành việc sửa chữa hoặc thay thế thiết bị đo đếm nước (Nếu thiết bị không đảm bảo).

6. Trường hợp không đồng ý với kết quả kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế của bên A, bên B có quyền yêu cầu cơ quan chức năng tổ chức kiểm định độc lập, với trách nhiệm về thanh toán chi phí như sau:

a) Nếu kết quả kiểm định, đồng hồ nước vẫn đạt tiêu chuẩn theo quy định, thì bên B phải trả chi phí kiểm định và các chi phí có liên quan;

b) Nếu kiểm định, đồng hồ nước không đạt tiêu chuẩn theo quy định, thì bên A phải trả chi phí kiểm định và các chi phí có liên quan;

c) Trường hợp tổ chức kiểm định độc lập xác định sai số thực tế của đồng hồ lớn hơn sai số cho phép quy định thì bên A phải hoàn trả tiền thu thừa cho khách hàng sử dụng nước, căn cứ để xác định khối lượng tính giá trị tiền thu thừa phải bồi hoàn như sau:

- Mức độ sai số vượt mức cho phép theo quy định;
- Mức độ sai số thực tế do tổ chức kiểm định độc lập xác định;
- Khoảng thời gian từ thời điểm lượng nước sử dụng tăng đột biến so với mức tiêu thụ bình quân trước đó đến thời điểm tháo đồng hồ để kiểm định.

Điều 11. Điều khoản chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, đồng thời chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước cũng như quy định của UBND tỉnh có liên quan đến dịch vụ cấp nước. Mọi sửa đổi, bổ sung cho hợp đồng này phải được lập thành văn bản và được hai bên ký kết mới có hiệu lực thực hiện. Những thay đổi và sửa chữa này được xem như một phần của hợp đồng.

2. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế cho hợp đồng đã ký trước đó giữa hai bên (nếu có) và được lập thành 02 (hai) bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản.

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Cát Cường

KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC

(Ký, ghi rõ họ tên)



ĐẠI DIỆN
Nguyễn Thanh Đức

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo và là một phần không tách rời của hợp đồng dịch vụ cấp nước)

1. Thông tin về khách hàng sử dụng nước:

Lần đăng ký	Ngày đăng ký	Số hộ/đầu nổi	Mục đích sử dụng				Ký xác nhận	
			SH, SV	HCSN	SXVC	KDDV	Bên A	Bên B

Từ ngữ viết tắt: - SH, SV: Sinh hoạt, sinh viên - HCSN: Hành chính sự nghiệp
- SXVC: Sản xuất vật chất - KDDV: Kinh doanh dịch vụ

2. Thông tin về đầu nổi:

Nội dung	Vị trí điểm đầu nổi	Thông tin và đồng hồ đo nước			
		Đường kính (mm)	Chủng loại	Seri	Vị trí lắp đặt

3. Sơ đồ mặt bằng:

Ngày tháng năm 20.....

Khách hàng sử dụng nước

(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Đức

Bên cung cấp dịch vụ

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA

Địa chỉ: Số 99, đường Mặt Sơn – Phường Đông Vệ
Thành phố Thanh Hóa – Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2800219549

Điện thoại: 02373.722.722

Số tài khoản: 0781001235668 – NH Ngoại thương Thanh Hóa

Tên khách hàng: Công ty CP du lịch và thương mại Lam Sơn

Địa chỉ: Số 43 Hồ Xuân Hương P.Trường Sơn - TP. Sầm Sơn-Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2801954185

Mã khách hàng:

CNSS 003139

Hình thức thanh toán:

TM/CK

CSEDH từ ngày 08/04/2024

: 7763

Đến ngày 08/05/2024

: 8571

Khối lượng tiêu thụ (m³):

808

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(THU TIỀN NƯỚC)

Kỳ hóa đơn: 5/2024

Ngày 09 Tháng 05 Năm 2024

Ký hiệu: HK24TCN

số: 00938496

Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m³)	Đơn giá	Thành tiền
Nước kinh doanh, dịch vụ	808,0	20.300	16.402.400
Người mua hàng	Người bán hàng	- Công tiền nước:	16.402.400
		- Tiền thuế GTGT (5%):	820.120
		- Phí bảo vệ môi trường(10%):	1.640.240
		- Tổng cộng:	18.862.760

Signature Yarik

Ngày: 09/05/2024 14:00:40

Chỗ trống để chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu

Bảng chữ: Mười tám triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA

Địa chỉ: Số 99, đường Mậu Sơn - Phường Đồng Vệ
Thành phố Thanh Hóa - Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2800219549

Điện thoại: 02375.722.722

Số tài khoản: 0781001235668 - Nối Ngoại thương Thanh Hóa

Tên khách hàng: Công ty CP du lịch và thương mại Lam Sơn

Địa chỉ: Số 43, Hồ Xuân Hương P. Trường Sơn - TP. Sầm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2801954185

Mã khách hàng:

CNSS: 003139

Hình thức thanh toán:

TM/CK

CSDH từ ngày: 08/04/2024

: 7763

Đến ngày:

08/05/2024

: 8571

Khả lượng tiêu thụ (m³):

808

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(THU TIỀN NƯỚC)

Kỳ hóa đơn: 5/2024

Ngày 09 Tháng 05 Năm 2024

Ký hiệu: 1824TCN

Số: 00938496

Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá	Thành tiền
Nước kinh doanh, dịch vụ	808,0	20.300	16.402.400
Người mua hàng	Người bán hàng Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA Ký ngày: 09/05/2024 14:00:40		- Cộng tiền nước: 16.402.400
			- Tiền thuế GTGT (5%): 820.120
			- Phí bảo vệ môi trường (10%): 1.640.240
			- Tổng cộng: 18.862.760
(Chữ in hoa, chữ viết tay, ghi rõ, chữ in hoa)			
Bằng chữ: Mười tám triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi đồng			

Truy cập hóa đơn tại: <https://hoadon.vnn.vn/cpncthanhhoa.vn/> Tài khoản Mã khách: CNSS: 003139/1234567

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓAĐịa chỉ: Số 99, đường Mậu Sơn - Phường Đồng Vệ
Thành phố Thanh Hóa - Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2800219549

Điện thoại: 02373.722.722

Số tài khoản: 0781001235668 - NH Ngoại thương Thanh Hóa

Tên khách hàng: Công ty CP du lịch và thương mại Lam Sơn

Địa chỉ: Số 43 Hồ Xuân Hương P. Trường Sơn - TP. Sơn Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2801954185

Mã khách hàng:

CNSS_003139

Hình thức thanh toán:

TMCUK

CSĐH từ ngày: 08/05/2024 : 8571 Đến ngày: 08/06/2024 : 9756 Khối lượng (tấn thực): 1185

Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m³)	Đơn giá	Thành tiền
Nước kinh doanh, dịch vụ	1.185,0	20.300	24.055.500
Người mua hàng	Người bán hàng Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA Ký ngày: 10/06/2024 11:27:38	- Cộng tiền nước: 24.055.500	
		+ Tiền thuế GTGT (5%): 1.202.775	
		- Phí bảo vệ môi trường(10%): 2.405.550	
		- Tổng cộng: 27.663.825	
(Còn tiếp tục, để chiếu vào kẹp, giao, nhận hàng đơn)			
Bảng chữ: Hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng			

Truy cập hóa đơn tại: <http://hoadon.vnpt.vn/tra-hoa-vu/>, Tài liệu/Mã hóa: CNSS_003139/1234567

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓAĐịa chỉ: Số 98, đường Mậu Sơn – Phường Đông Vệ
Thành phố Thanh Hóa – Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2800219549

Điện thoại: 02373.722.722

Số tài khoản: 0781001235668 - NH Ngoại thương Thanh Hóa

Tên khách hàng: Công ty CP du lịch và thương mại Lam Sơn

Địa chỉ: Số 43 Hồ Xuân Hương P. Trường Sơn - TP. Sầm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2801954185

Mã khách hàng:

CNSS_003139

Hình thức thanh toán:

TM/CK

CSĐH từ ngày 08/06/2024

:

9756

Đến ngày 08/07/2024

:

11406

Khối lượng tiêu thụ (m³):

1650

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**(THU TIỀN NƯỚC)**

Kỳ hóa đơn: 7/2024

Ngày 09 Tháng 07 Năm 2024

Ký hiệu: 1K04TCN

Số: 01362936

Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m³)	Đơn giá	Thành tiền	
Nước kinh doanh, dịch vụ	1.650,0	20.300	33.495.000	
Người mua hàng	Người bán hàng Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA Ký ngày: 09/07/2024 14:45:58		- Cộng tiền nước:	33.495.000
			- Tiền thuế GTGT (9%):	1.674.750
			- Phí bảo vệ môi trường(10%):	3.349.500
			- Tổng cộng:	38.519.250
			(Của bên mua, để dán hồ sơ, giao, nhận hóa đơn)	
Bảng chữ: Ba mươi tám triệu năm trăm mười chín nghìn hai trăm năm mươi đồng				

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓAĐịa chỉ: Số 99, đường Mặt Sơn – Phường Đồng Vệ
Thành phố Thanh Hóa - Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2800219549

Điện thoại: 02373.722.722

Số tài khoản: 0781001235668 - NHT Ngoại thương Thanh Hóa

Tên khách hàng: Công ty CP du lịch và thương mại Lam Sơn

Địa chỉ: Số 43 Hồ Xuân Hương P.Trường Sơn - TP. Sầm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2801954185

Mã khách hàng:

CNSS_003139

Hình thức thanh toán:

TMMCK

CSDH từ ngày 08/07/2024 : 11406 Đến ngày 08/08/2024 : 13023 Khối lượng tiêu thụ (m³): 1617**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**
(THU TIỀN NƯỚC)

Kỳ hóa đơn: 8/2024

Ngày 12 Tháng 08 Năm 2024

Ký hiệu: 1K24TCN

số: 01603338

Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá	Thành tiền
Nước kinh doanh, dịch vụ	1.617,0	20,300	32.825,100
Người mua hàng	Người bán hàng		- Cộng tiền nước: 32.825,100
	Signature Valid Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA Ký ngày: 12/08/2024 11:14:03		- Tiền thuế GTGT (3%): 1.641,255
			- Phí bảo vệ môi trường (10%): 3.282,510
			- Tổng cộng: 37.748,865
(Cần in ấn, để chừa đủ lề, ghi, nhận hóa đơn)			
Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng			

Trên hóa đơn tại: <https://hoadon.opn.vn/thanhhoa.vn/> Tài khoản/Mật khẩu: CNSS_003139/1234567

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓAĐịa chỉ Số 99, đường Mãn Sơn – Phường Đông Vệ
Thành phố Thanh Hóa – Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2800219549

Điện thoại: 02373.722.722

Số tài khoản: 0781001235668 – NH Ngoại thương Thanh Hóa

Tên khách hàng: Công ty CP du lịch và thương mại Lam Sơn

Địa chỉ Số 43 Hồ Xuân Hương P.Trường Sơn - TP. Sầm Sơn-Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2801954185

Mã khách hàng:

CNSS_003139

Hình thức thanh toán:

THUỐC

CSDH từ ngày 08/08/2024 : 13023 Đến ngày 08/09/2024 : 14202 Khả năng tiêu thụ (m³): 1179

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(THU TIỀN NƯỚC)

Ký hóa đơn: 9/2024

Ngày 12 Tháng 09 Năm 2024

Ký hiệu: HK24TCN

Số: 01834093

Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m³)	Đơn giá	Thành tiền
Nước sinh hoạt, dịch vụ	1.179,0	20.300	23.933.700
Người mua hàng	Người bán hàng	- Cộng tiền nước:	23.933.700
		- Tiền thuế GTGT (5%):	1.196.685
		- Phí bảo vệ môi trường (10%):	2.393.370
		- Tổng cộng:	27.523.755

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP
NƯỚC THANH HÓA
Ký ngày: 12/09/2024 16:36:04

(Chỗ trống để ghi rõ họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Bảng chữ: Hai mươi bảy triệu năm trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi lăm đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA

Địa chỉ: Số 99, đường Mậu Sơn - Phường Đồng Vệ
Thành phố Thanh Hóa - Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2600219549

Điện thoại: 02373.722.722

Số tài khoản: 0781001235668 - N/A Ngoại thương Thanh Hóa

Tên khách hàng: Công ty CP du lịch và thương mại Lam Sơn

Địa chỉ: Số 43 Hố Xuân Hương P. Trường Sơn - TP. Sầm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2801954185

Mã khách hàng:

CNSS_003139

Hình thức thanh toán:

TMCK

CSEDH từ ngày: 08/09/2024 : 14202 Đến ngày: 08/10/2024 : 14849 Khối lượng tiêu thụ (m³): 647

Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m³)	Đơn giá	Thành tiền
Nước kinh doanh, dịch vụ	647,0	20.300	13.134.100
Người mua hàng	Người bán hàng	- Cộng tiền nước:	13.134.100
	Signature Valid	- Tiền thuế GTGT (5%):	656.705
	Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA	- Phí bảo vệ môi trường (10%):	1.313.410
	Ký ngày: 11/10/2024 16:03:44	- Tổng cộng:	15.104.215
Cần kiểm tra, đối chiếu Mã lập, giao, nhận hóa đơn			
Bằng chữ: Mười lăm triệu một trăm lẻ bốn nghìn hai trăm mười lăm đồng			

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓAĐịa chỉ: Số 98, đường Mỹ Sơn – Phường Đồng Vệ
Thị xã Thanh Hóa – Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2800219549

Điện thoại: 02373.722.722

Số tài khoản: 0781001235668 - NH Ngoại thương Thanh Hóa

Tên khách hàng: Công ty CP du lịch và thương mại Lam Sơn

Địa chỉ: Số 43 Hồ Xuân Hương P. Trường Sơn - TP. Sầm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2801954185

Mã khách hàng:

CNSS_000139

Hình thức thanh toán:

TMBCK

CSĐT từ ngày 08/10/2024

: 14549

Đến ngày 08/11/2024

: 15528

Khối lượng tiêu thụ (m³):

679

Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m³)	Đơn giá	Thành tiền
Nước sinh hoạt, dịch vụ	679,0	20.300	13.783.700
Người mua hàng		Người bán hàng	- Cộng tiền nước: 13.783.700
Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA Ký ngày: 11/11/2024 09:51:03 (Cần kiểm tra để chuẩn bị lập hóa đơn, nhận hóa đơn)		- Tiền thuế GTGT (3%):	689.185
		- Phí bảo vệ môi trường (10%):	1.378.370
		- Tổng cộng:	15.851.255
Bằng chữ: Mười lăm triệu tám trăm năm mươi một nghìn hai trăm năm mươi lăm đồng			

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓAĐịa chỉ: Số 99, đường Mậu Sơn – Phường Đồng Vệ
Thành phố Thanh Hóa – Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2800219549

Điện thoại: 02373.722.722

Số tài khoản: 0781001235668 - NH Ngoại thương Thanh Hóa

Tên khách hàng: Công ty CP du lịch và thương mại Lam Sơn

Địa chỉ: Số 43 Hồ Xuân Hương P.Trường Sơn - TP. Sầm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2801954185

Mã khách hàng:

CNSS_000139

Hình thức thanh toán:

TH/CK

CSĐH từ ngày: 08/11/2024

: 15528

Đến ngày:

08/12/2024

: 16152

Khối lượng tiêu thụ (m³):

624

Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m³)	Đơn giá	Thành tiền
Nước kinh doanh, dịch vụ	624,0	20,300	12.667,200
Người mua hàng	Người bán hàng Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA Ký ngày: 13/12/2024 10:27:30		- Cộng tiền nước: 12.667,200
			- Tiền thuế GTGT (5%): 633,360
			- Phí bảo vệ môi trường (10%): 1.266,720
			- Tổng cộng: 14.567,280
(Các khoản thuế được kê khai, ghi, nộp thuế đơn)			
Bảng chữ: Mười bốn triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi đồng			

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÀNH HÓAĐịa chỉ: Số 99, đường Mỹ Sơn - Phường Đồng Mỹ
Thành phố Thanh Hóa - Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 280219549

Điện thoại: 02373.722.722

Số tài khoản: 0781001235668 - NH Ngoại thương Thanh Hóa

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(THU TIỀN NƯỚC)

Ký hóa đơn: 01/2025

Ngày 10 Tháng 01 Năm 2025

Ký hiệu: HK25ICN

Số: 00114315

Tên khách hàng: Công ty CP đa dịch vụ thương mại Lam Sơn

Địa chỉ: Số 43 Hồ Xuân Hương P. Trường Sơn - TP. Sơn Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2801954185

Mã khách hàng:

CNSS: 003139

Hình thức thanh toán:

TMCK

CSDH từ ngày: 08/12/2024 : 16152 Đến ngày: 08/01/2025 : 16633 Khối lượng tiêu thụ (m³): 481

Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m³)	Đơn giá	Thành tiền
Nước sinh hoạt, dịch vụ	481,0	20.300	9.764.300
Người mua hàng		Người bán hàng	- Cộng tiền nước: 9.764.300
Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÀNH HÓA Ký ngày: 10/01/2025 11:01:32 (Chữ ký và/hoặc dấu đỏ, ghi rõ họ tên)			- Tiền thuế GTGT (5%): 488.215
			- Phí bảo vệ môi trường (10%): 976.430
			- Tổng cộng: 11.228.945
Bảng chữ: Mười một triệu hai trăm hai mươi tám nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng			



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH HÓA - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-009

Địa chỉ (Address): Số 96 Triệu Quốc Đạt, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Thành phố Sầm Sơn - Số TK: 114000019505 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sầm Sơn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic Invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPB

Số (No): 110556

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI LAM SƠN

Mã số thuế (Tax code): 2801954183

Địa chỉ (Address): 43 Đường Hồ Xuân Hương, Phường Trường Sơn, Thành phố Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA07SS0010199

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	D	E	F=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2024 từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/04/2024	kWh	38.651	-	116.305.763
	(kèm theo bảng kê số 1438444588 ngày 02 tháng 05 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					116.305.763
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			9.304.461
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			125.610.224
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm mười nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH HÓA
- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 02/05/2024 14:02:08



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH HÓA - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0106106417-009

Địa chỉ (Address): Số 96 Triệu Quốc Đạt, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Thành phố Sầm Sơn - Số TK: 114000019506 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sầm Sơn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPB

Số (No): 130336

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI LAM SƠN

Mã số thuế (Tax code): 2801954185

Địa chỉ (Address): 43 đường Hồ Xuân Hương, Phường Truong Sơn, Thành phố Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA07SS0010199

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2024 từ ngày 01/05/2024 đến ngày 31/05/2024 (kèm theo bảng kê số 1449934313 ngày 02 tháng 06 năm 2024)	kWh	67.049	-	206.858.416
Tổng tiền hàng (Total amount):					206.858.416
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			16.548.673
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			223.407.089
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm hai triệu ba triệu bốn trăm linh bảy nghìn không trăm tám mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓
Được ký bởi: Công Ty Điện Lực Thanh Hóa - Chi
Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc
Ngày ký: 02/06/2024 22:01:08



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH HÓA - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0106100417-009

Địa chỉ (Address): Số 96 Triệu Quốc Đạt, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Thành phố Sầm Sơn - Số TK: 114006019506 - Tại NE: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sầm Sơn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic Invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K14TPB

Số (No): 138089

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI LAM SƠN

Mã số thuế (Tax code): 2801954185

Địa chỉ (Address): 43 đường Hồ Xuân Hương, Phường Trường Sơn, Thành phố Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA07SS0010199

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	D	E	F = D x E
1	Điện tiêu thụ tháng 6 năm 2024 từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024	kWh	124.240	-	385.968,29
	(kèm theo bảng kê số 1463041016 ngày 02 tháng 07 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					385.968,29
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			30.877,46
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			416.845,75
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn trăm mười sáu triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi Công ty Điện lực Thanh Hóa - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc
Ngày lập: 02/07/2024 15:21:07



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH HÓA - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-009

Địa chỉ (Address): Số 96 Triệu Quốc Đạt, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Thành phố Sầm Sơn - Số TK: 114000019506 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sầm Sơn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 15 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPB

Số (No): 163850

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI LAM SƠN

Mã số thuế (Tax code): 3801954185

Địa chỉ (Address): 43 đường Hồ Xuân Hương, Phường Trường Sơn, Thành phố Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA07SS0010199

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 7 năm 2024 từ ngày 01/07/2024 đến ngày 14/07/2024 (kèm theo bảng kê số 1466321426 ngày 15 tháng 07 năm 2024)	kWh	69,109	-	214.861,559
Tổng tiền hàng (Total amount):					214.861,559
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			17.188,925
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			232.050,484
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm ba mươi hai triệu không trăm năm mươi nghìn bốn trăm tám mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer):

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi Công Ty Điện Lực Thanh Hóa - Chi nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc
Ngày ký: 15/07/2024 18:01:01



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH HÓA - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-009

Địa chỉ (Address): Số 95 Triệu Quốc Đại, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006369

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Thành phố Sầm Sơn - Số TK: 114000019906 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sầm Sơn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 14 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPB

Số (No): 189594

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI LAM SƠN

Mã số thuế (Tax code): 2801954185

Địa chỉ (Address): 43 đường Hồ Xuân Hương, Phường Trường Sơn, Thành phố Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA07SS0010199

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	D	E	F=AxD
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 8 năm 2024 từ ngày 01/08/2024 đến ngày 14/08/2024 (kèm theo bảng kê số 1479108176 ngày 14 tháng 08 năm 2024)	kWh	44,380	-	135.678.752
Cộng tiền hàng (Total amount):					135.678.752
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			10.854.300
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			146.533.052
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm ba mươi ba nghìn không trăm năm mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi Công Ty Điện Lực Thanh Hóa - Chi nhánh Tổng Công Ty Điện lực Miền Bắc
Ngày ký: 14/08/2024 14:29:10



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH HÓA - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-009

Địa chỉ (Address): Số 96 Triệu Quốc Đạt, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006789

Thông tin thanh toán (Payment Information): Địa lý Thành phố Sầm Sơn - Số TK: 114000019506 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sầm Sơn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 16 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPB

Số (No): 215405

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI LAM SƠN

Mã số thuế (Tax code): 2801954185

Địa chỉ (Address): 43 đường Hồ Xuân Hương, Phường Trường Sơn, Thành phố Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PM07SS00110191

Số tài khoản (Account No):

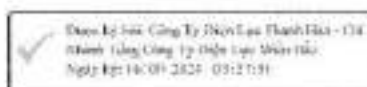
Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	D	E	F=E x D
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 9 năm 2024 từ ngày 01/09/2024 đến ngày 14/09/2024 (kèm theo bảng kê số 1492091691 ngày 16 tháng 09 năm 2024)	kWh	27496	-	83.329.647
Cộng tiền hàng (Total amount):					83.329.647
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			6.666.324
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			89.995.371
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi chín triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)





CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH HÓA - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-009

Địa chỉ (Address): Số 96 Triệu Quốc Đạt, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19005769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Thành phố Sầm Sơn - Số TK: 114000019306 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sầm Sơn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 15 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): HK24TPB

Số (No): 241281

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI LAM SƠN

Mã số thuế (Tax code): 2801954185

Địa chỉ (Address): 43 đường Hồ Xuân Hương, Phường Trường Sơn, Thành phố Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA07SS0010199

Số tài khoản (Account No):

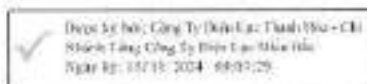
Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	D	E	F=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 10 năm 2024 từ ngày 01/10/2024 đến ngày 14/10/2024	kWh	18.428	-	56.897.928
	(kèm theo bảng kê số 1505010126 ngày 15 tháng 10 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					56.897.928
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			4.551.834
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			61.449.762
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi một triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)





CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH HÓA - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-009

Địa chỉ (Address): Số 96 Triệu Quốc Đạt, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Thành phố Sầm Sơn - Số TK: 114000019506 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sầm Sơn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 14 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPB

Số (No): 266976

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI LAM SƠN

Mã số thuế (Tax code): 2801954183

Địa chỉ (Address): 43 đường Hồ Xuân Hương, Phường Trường Sơn, Thành phố Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA07SS0010199

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	D	E	F=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 11 năm 2024 từ ngày 01/11/2024 đến ngày 14/11/2024 (kèm theo bảng kê số 1518297910 ngày 14 tháng 11 năm 2024)	kWh	10.074	-	31.478.263
Cộng tiền hàng (Total amount):					31.478.263
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			2.518.261
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			33.996.524
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi ba triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được lập bởi: Công ty Điện lực Thanh Hóa - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc
Ngày ký: 14/11/2024 10:28:13



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH HÓA - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-009

Địa chỉ (Address): Số 96 Triệu Quốc Đạt, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Thành phố Sầm Sơn - Số TK: 114000019506 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sầm Sơn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic Invoice Display)

Ngày (Date) 14 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPB
Số (No): 292625

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI LAM SƠN

Mã số thuế (Tax code): 2801954185

Địa chỉ (Address): 43 đường Hồ Xuân Hương, Phường Trường Sơn, Thành phố Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA07SS0010199

Số tài khoản (Account No):

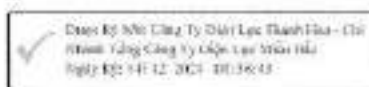
Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	D	E	F=Ax2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 12 năm 2024 từ ngày 01/12/2024 đến ngày 14/12/2024 (kèm theo bảng kê số 153/490521 ngày 14 tháng 12 năm 2024)	kWh	5,410	-	16.881,076
Tổng tiền hàng (Total amount):					16.881,076
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			1.350,486
Tỷ giá (Exchange rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			18.231,562
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười tám triệu hai trăm ba mươi một nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer):

Người bán hàng (Seller):



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT
Số: 52/2024/HĐVSMT

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 04/07/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định về mức giá tối đa dịch vụ thu gom vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ chức năng quyền hạn và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại Công ty cổ phần môi trường đô thị và dịch vụ du lịch Sầm Sơn, chúng tôi gồm các Bên dưới đây:

- 1. BÊN GIAO :** **CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI LAM SƠN.**
- Địa chỉ : Số 43 đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, TP. Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa.
- Điện thoại : Fax :
- Mã số thuế : 2801954185
- Tài khoản ngân hàng số :
- Đại diện : Ông Nguyễn Đức Hải
- Chức vụ : Giám đốc
- (Sau đây gọi tắt là "**Bên A**")
- 2. BÊN NHẬN :** **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH SẦM SƠN.**
- Địa chỉ : Số 242 đường Nguyễn Trãi, phường Bắc Sơn, TP Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa.
- Điện thoại : 02373.821.443
- Mã số thuế : 2800518080
- Tài khoản ngân hàng số : 119000019526 tại Ngân hàng Công thương Sầm Sơn Thanh Hóa.
- Đại diện : Ông Ngô Xuân Quỳnh
- Chức vụ : Phó Giám Đốc công ty
- Giấy ủy quyền : Số 48/QĐ-CT ngày 01/02/2024 do ông Phan Viết Linh (người đại diện theo pháp luật của công ty) đã ký
- (Sau đây gọi tắt là "**Bên B**")

Bên A và Bên B sau đây trong Hợp đồng này được gọi riêng là "**Bên**" và gọi chung là "**Hai Bên**" hoặc "**Các Bên**" tùy theo ngữ cảnh;

Các Bên cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng này với các điều khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 1 THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA

Trong Hợp đồng này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. Hợp đồng: được hiểu là Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt này ký giữa Bên A và Bên B, bao gồm cả các Phụ lục, biên bản xác định công việc (nếu có);

1.2. Giá hợp đồng: được hiểu là chi phí Bên A phải thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 4 Hợp Đồng này;

1.3. Rác thải sinh hoạt: bao gồm rác sinh hoạt, chất thải hữu cơ phân hủy nhanh gây ô nhiễm môi trường;

1.4. Sự kiện bất khả kháng: được hiểu là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp trong khả năng cho phép. Những sự kiện đó bao gồm nhưng không giới hạn bởi các sự kiện động đất, bão, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, các hành động của chính phủ hay của cơ quan nhà nước, dịch bệnh, bạo loạn dân sự, đình công và bất kỳ sự kiện nào khác không thể dự liệu trước, không thể ngăn cản hay kiểm soát được;

ĐIỀU 2 NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện công việc thu gom vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày năm 2024 tại cổng khách sạn Lam Sơn đường Hồ Xuân Hương và đường Nguyễn Du, phường Trường Sơn, TP Sầm Sơn. Thời gian mùa hè được tính từ 22/04 đến 02/09, còn lại được tính thời gian mùa đông.

- Lưu ý: Bên B chỉ vận chuyển xử lý rác thải sinh hoạt và không bao gồm nước rác, mỡ nước, và cây thân cứng có đường kính trên 3 cm. Rác thải sinh hoạt được chứa trong các thùng rác chuyên dụng phù hợp với công nghệ thu gom của phương tiện hiện có.

- Chưa tính khối lượng rác thải phát sinh do bão gió bất thường. Khối lượng này khi phát sinh hai bên sẽ cùng nhau xác minh, nghiệm thu thanh toán riêng.

Thời hạn cung cấp dịch vụ: từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/12/2024.

ĐIỀU 3 PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

- Tần suất thu gom vận chuyển và xử lý rác:
 - + Mùa đông: 03 lần/ tuần.
 - + Mùa hè: 01 lần/ ngày.
- Thời gian tiếp nhận rác:
 - + Ban đêm: từ 22h đêm hôm trước đến 05h sáng hôm sau.
 - + Ban ngày: từ 14h đến 16h.
- Tần suất thu gom rác trong ngày có thể thay đổi (tăng, hoặc giảm) theo yêu cầu của bên A, khi có sự thay đổi bên A phải báo trước cho bên B tối thiểu 24 giờ để bên B sắp xếp phương tiện và lao động thực hiện.
- Với mỗi lần thu gom và vận chuyển rác thải, bên B đảm bảo vận chuyển hết số rác thải tại điểm tập kết rác theo quy định tại điều 2 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 4 GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Giá trị hợp đồng:

STT	Nội dung	Đơn vị	Đơn giá	Thành tiền
1	Dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt	100 m ³	250.000 đồng/m ³	25.000.000
	Tổng cộng			25.000.000

Giá trị hợp đồng: **25.000.000 đồng.**

(Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu đồng./.)

Giá trên đã bao gồm thuế GTGT.

Giá trị hợp đồng nêu trên là cố định và không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện Hợp Đồng trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác.

Khi có các yếu tố bất khả kháng tác động (thiên tai, dịch họa...) ảnh hưởng tới khối lượng rác thải hai bên sẽ thỏa thuận và điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

4.2. Phương thức thanh toán:

Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Trong trường hợp chuyển khoản, Bên A thanh toán vào tài khoản dưới đây.

- Tên đơn vị thụ hưởng: Công ty CP môi trường đô thị và dịch vụ du lịch Sầm Sơn.

- Số tài khoản: 119000019526 Tại: Ngân hàng TMCP Công thương Sầm Sơn; Hoặc : 118624236666 Tại: Ngân hàng TMCP Công thương Sầm Sơn.

4.3. Thời hạn thanh toán:

Bên A thanh toán cho bên B (không quá ngày 30/07/2024) số tiền: **25.000.000 VND.**

ĐIỀU 5 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

5.1. Được yêu cầu Bên B thực hiện vận chuyển rác thải định kỳ, theo giờ như điều 3 hợp đồng;

5.2. Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Giá hợp đồng cho Bên B theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng;

5.3. Tự phân loại các loại Rác thải sinh hoạt.

5.4. Cử cán bộ phối hợp với Bên B tiến hành thu gom khối lượng rác thải và theo dõi công việc nghiệm thu hàng tháng đã thực hiện để làm cơ sở thanh toán đồng thời có trách nhiệm cùng bên B làm thủ tục ra vào cổng đảm bảo nhanh chóng thuận lợi;

ĐIỀU 6 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

6.1. Bên B từ chối nhận chất thải nếu trong quá trình thu gom phát hiện thấy có lẫn chất thải nguy hại. Trong trường hợp quá trình thu gom không phát hiện ra mà vẫn được thực hiện thì quá trình vận chuyển và xử lý nếu Bên B hoặc bất cứ một cơ quan chức trách nào của nhà nước phát hiện ra có lẫn chất thải nguy hại thì Bên B sẽ chuyển trả lại lô chất thải này cho Bên A để Bên A xử lý theo quy trình. Đồng thời mọi chi phí

cho việc này cũng như việc giải trình các vấn đề liên quan với các cơ quan chức trách của nhà nước thuộc trách nhiệm của Bên A;

6.2. Bố trí nhân sự, phương tiện đến nhận rác thải do Bên A giao theo đúng thời gian thỏa thuận và đảm bảo các quy định về vệ sinh môi trường;

6.3. Phải sử dụng phương tiện vận chuyển được trang bị bảo đảm vệ sinh môi trường, bảo đảm thu dọn sạch sẽ chất thải rơi vãi ngay sau khi thu gom;

6.4. Bên B phải có trách nhiệm vận chuyển khối lượng chất thải từ khu vực tập trung của Bên A đến khu xử lý rác thải do Bên B quản lý được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

ĐIỀU 7 PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

7.1. Trong trường hợp Bên B chậm thực hiện công việc, Bên B sẽ bị phạt số tiền là 20% giá trị phần công việc bị chậm. Ngoài ra, trong trường hợp Bên A không liên lạc được với Bên B hoặc Bên B chậm vận chuyển rác thải sau khi đã nhận được thông báo hợp lệ của Bên A, Bên A có quyền liên hệ với một bên thứ ba để vận chuyển toàn bộ rác thải cần vận chuyển. Mọi chi phí phát sinh do Bên B chịu;

7.2. Trong trường hợp Bên A chậm thanh toán sẽ bị phạt lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm vi phạm. Tổng số tiền phạt không vượt quá 12% (mười hai phần trăm) phần tiền chậm thanh toán.

ĐIỀU 8 BẤT KHẢ KHÁNG

8.1. Không Bên nào được coi là vi phạm Hợp Đồng khi không thực hiện hay chậm trễ thực hiện các nghĩa vụ của Bên đó trong Hợp Đồng do bị cản trở bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng, miễn là Bên bị cản trở đó đã gửi văn bản thông báo cho Bên còn lại về sự kiện bất khả kháng và Bên bị cản trở đã thực hiện mọi biện pháp khắc phục nhưng không thể vượt qua Sự Kiện Bất Khả Kháng đó;

8.2. Trong trường hợp xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng quy định tại Điều 8.1 này, thời gian thực hiện Hợp Đồng sẽ được cộng thêm thời gian xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng đó.

ĐIỀU 9 HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

9.1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày Các Bên ký kết. Khi thời hạn nêu tại Điều 2 của Hợp Đồng kết thúc, nếu có yêu cầu, Hai Bên sẽ cùng bàn bạc, thảo luận ký kết Hợp Đồng mới hoặc Phụ lục để gia hạn;

9.2. Hợp Đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

9.2.1. Khi Hai Bên có thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp Đồng;

9.2.2. Khi một Bên vi phạm các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng nhưng không chấm dứt việc vi phạm và khắc phục hậu quả trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản về việc vi phạm của Bên kia, Bên bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên vi phạm;

9.2.3. Chấm dứt trong trường hợp xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng: Không Bên nào phải chịu trách nhiệm cho việc trì hoãn thực hiện nghĩa vụ Hợp Đồng trong trường hợp gặp Sự Kiện Bất Khả Kháng. Nếu Sự Kiện Bất Khả Kháng tiếp tục xảy ra trong vòng 30 (ba mươi) ngày, cả Hai Bên đều có quyền chấm dứt Hợp Đồng nhưng phải thông báo trước cho bên kia bằng văn bản;

9.2.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

9.3. Sau khi Hợp Đồng chấm dứt, Hai Bên tiến hành thanh lý Hợp Đồng. Việc thanh lý được lập thành biên bản.

ĐIỀU 10 ĐIỀU KHOẢN CHUNG

10.1. Hợp Đồng này và các quyền và nghĩa vụ kéo theo được giải thích theo các quy định và chịu sự điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam; Các Bên cam kết hợp tác chặt chẽ và thường xuyên trong quá trình thực hiện Hợp Đồng;

10.2. Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến Hợp Đồng này trước hết được giải quyết thông qua thương lượng. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam;

10.3. Mọi sửa đổi, bổ sung các nội dung của Hợp Đồng này phải được Các Bên thỏa thuận và xác lập bằng văn bản. Việc sửa đổi và/hoặc bổ sung Hợp Đồng được tiến hành trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày một Bên có yêu cầu và thông báo cho Bên còn lại. Văn bản về việc sửa đổi và/hoặc bổ sung Hợp Đồng là một phần không tách rời của Hợp Đồng.

Hợp Đồng này được lập 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

Với sự hiểu biết và tin cậy, tại đây, đại diện hợp lệ của Các Bên đã tiến hành ký kết Hợp Đồng này vào ngày, tháng, năm được ghi ở phần đầu Hợp Đồng. *ur*

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Hải

ĐẠI DIỆN BÊN B



Ngô Xuân Quỳnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG
THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT NĂM 2024
Số: 52/2024/TLHD

Căn cứ hợp đồng số 52/2024/HĐVSMT ngày 19 tháng 02 năm 2024;

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại Công ty CP môi trường đô thị và dịch vụ du lịch Sầm Sơn.

Chúng tôi gồm có:

1. BÊN GIAO : **CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI LAM SƠN.**
Địa chỉ : Số 43 đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, TP. Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa.
Điện thoại : Fax :
Mã số thuế : 2801954185
Tài khoản ngân hàng số :
Đại diện : Ông Nguyễn Đức Hải
Chức vụ : Giám đốc
(Sau đây gọi tắt là "**Bên A**")

2. BÊN NHẬN : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH SẦM SƠN.**
Địa chỉ : Số 242 đường Nguyễn Trãi, phường Bắc Sơn, TP Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa.
Điện thoại : 02373.821.443
Mã số thuế : 2800518080
Tài khoản ngân hàng số : 119000019526 tại Ngân hàng Công thương Sầm Sơn Thanh Hóa.
Đại diện : Ông Ngô Xuân Quỳnh
Chức vụ : Phó Giám Đốc công ty
Giấy ủy quyền : Số 48/QĐ-CT ngày 01/02/2024 do ông Phan Viết Linh (người đại diện theo pháp luật của công ty) đã ký
(Sau đây gọi tắt là "**Bên B**")

Hai bên đã ký hợp đồng số 52/2024/HĐVSMT ngày 19/02/2024 về dịch vụ vệ sinh môi trường năm 2024 đối với: Công ty CP du lịch và thương mại Lam Sơn.

Điều 1: Bên B đã cung cấp dịch vụ cho bên A theo thỏa thuận trong Hợp đồng, đã cung cấp hồ sơ thanh toán, xuất hóa đơn VAT.

Điều 2: Bên A thanh toán số tiền theo hợp đồng cho bên B là: 25.000.000 đồng.
(Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu đồng)

Hai bên cùng xác nhận đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ của mình theo đúng Hợp đồng đã ký và thống nhất thanh lý Hợp đồng số 52/2024/HĐVSMT ngày 19/02/2024. Biên bản này được lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị chấm dứt hợp đồng từ ngày 31 tháng 12 năm 2024. *102*

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Hải

ĐẠI DIỆN BÊN B



Ngô Xuân Quỳnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
Số: 28.4 /2020/HDXL/VT

VỀ VIỆC THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Luật doanh nghiệp và Luật dân sự của nước CHXHCN Việt Nam.
- Luật Bảo vệ môi trường của nước CHXHCN Việt Nam.
- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quản lý chất thải nguy hại ký ngày 30 tháng 06 năm 2015.
- Giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 1-2-3.040.VX của Công ty Cổ phần Môi trường Việt Thảo.
- Nhu cầu của Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hóa về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

Hôm nay, ngày 28 tháng 4 năm 2020. Tại văn phòng Công ty cổ phần Môi trường Việt Thảo, chúng tôi gồm:

II. ĐẠI DIỆN CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG

1. Đại diện bên thuê vận chuyển, xử lý (Bên A): Công ty cổ phần du lịch và thương mại Lam Sơn.

Đại diện: Ông Nguyễn Thanh Bắc Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: 43 đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tài khoản số: 3590201002470 tại Ngân hàng Agribank Sầm Sơn.

Mã số thuế : 2801954185

Điện thoại: 02373.826.666

2. Đại diện bên vận chuyển, xử lý (Bên B): Công ty cổ phần Môi trường Việt Thảo

Đại diện: Ông Nguyễn Trường Giang Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 133, tổ 17, khu 8, P.Bắc Sơn, TX.Bỉm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

Tài khoản: 196548709 tại Ngân hàng ACB Chi nhánh Đông Đô – Hà Nội

Mã số thuế : 2801166240

Điện thoại: 02373.778.666

Hai bên thống nhất thỏa thuận ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại với những nội dung cụ thể như sau:

Điều 1: Nội dung, đối tượng của Hợp đồng

Bên A hợp tác, thuê Bên B thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A tại 2 khách sạn: Khách sạn Dragon sea địa chỉ 43 đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa và Khách sạn Dragon Style địa chỉ 25 đường Lê Lợi, phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Đây là những loại chất thải nguy hại mà bên B có thể xử lý hoặc chuyển giao xử lý theo đúng khả năng và các quy định của Pháp luật về quản lý, xử lý chất thải liên quan (theo giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 1-2-3.040.VX cấp ngày 19/10/2018).

Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển:

- Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho chứa chất thải 2 khách sạn của Bên A.
- Địa điểm xử lý chất thải: tại Công ty Cổ phần Môi trường Việt Thảo – Lô B4, KCN Bim Sơn, thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa.
- Thời gian giao nhận: sau khi Bên A báo trước cho Bên B hai (02) ngày
- Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để có thể vận chuyển phế thải theo quy định hiện hành về môi trường và tuân thủ quy định của Bên A.

Điều 3: Giá cả và phương thức thanh toán:

a) Đơn giá vận chuyển và xử lý chất thải được hai bên thống nhất như sau:

STT	Tên loại chất thải	ĐVT	Mã CTNH	Đơn giá Xử lý
1	Hộp mực in thải	Kg	080104	11.000
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Kg	160106	11.000
3	Pin, ắc quy chì thải	Kg	160112	11.000
4	Bao bì cứng bằng kim loại	Kg	180102	11.000
5	Bao bì cứng bằng nhựa thải	Kg	180103	11.000
6	Lọc dầu đã qua sử dụng thải	Kg	150102	11.000
7	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn thải, cặn xăng ...	Kg	170102	11.000
8	Vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay, vải bảo vệ nhiễm TPNH	Kg	180201	11.000
9	Sơn, cặn sơn có dung môi thải	Kg	080103	11.000
10	Chất thải từ quá trình bóc tách	Kg	080101	11.000

	son			
--	-----	--	--	--

b) Hình thức thanh toán: Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải cho từng lần thu gom, khối lượng trên biên bản và hóa đơn tài chính hợp lệ sẽ là cơ sở để hai bên xác nhận khối lượng chất thải để thanh toán.

c) Phương thức thanh toán: Bên A sẽ thanh toán không chậm quá 07 (bảy) ngày làm việc bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt sau khi nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ.

d) Đơn giá xử lý được áp dụng cố định trong suốt thời gian năm năm đầu tiên thực hiện hợp đồng. Hết thời hạn năm năm đầu tiên, Bên B gửi cho Bên A thông báo giá mới để hai bên thống nhất và tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 4: Trách nhiệm của mỗi bên:

Trách nhiệm và quyền lợi của Bên A:

- Bảo quản, phân loại chất thải nguy hại đúng theo quy định.
- Tạo điều kiện thuận lợi, xác nhận số lượng và cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cơ sở có phát sinh chất thải nguy hại.
- Đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo cho Bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau.
- Bên A phối hợp cùng Bên B lập và bàn giao đầy đủ các chứng từ chất thải nguy hại sau mỗi lần thu gom.
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B.

Trách nhiệm và quyền lợi của Bên B:

- Bốc xếp, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại đúng địa điểm và thời gian quy định, bảo đảm thời gian và chất lượng công việc, không gây ô nhiễm môi trường trong toàn bộ quá trình trên.
- Đảm bảo vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải theo đúng các quy định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Việt Nam.
- Cung cấp cho Bên A chứng từ chất thải nguy hại xác nhận việc đã hoàn thành xử lý chất thải nguy hại.
- Xuất hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A theo giá trị của Hợp đồng

Điều 5: Điều khoản chung:

- Trừ các vấn đề có liên quan đến bí quyết công nghệ hóa học, hai bên cam kết trao đổi với nhau một cách công khai các thông tin có liên quan đến việc xử lý chất thải nguy hại.
- Bất kỳ sự sửa đổi hay bổ sung nào đối với Hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản với sự thỏa thuận giữa hai bên và việc sửa đổi bổ sung đó là

một phần không thể tách rời như là bản chính hay phụ lục bổ sung của Hợp đồng này.

- Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề phải quyết định các bên cần chủ động bàn bạc, giải quyết trên tinh thần thương lượng, đảm bảo lợi ích của cả hai bên. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng thì tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

Điều 6: Hiệu lực hợp đồng.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Một trong hai bên có quyền chấm dứt hợp đồng nếu bên kia có vi phạm hợp đồng nhưng phải thông báo cho nhau bằng văn bản (thông báo trước 30 ngày). Bên vi phạm sẽ phải chịu các phí tổn do lỗi của mình gây ra.

- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Chanh Bắc

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trường Giang

HỢP ĐỒNG KIỂM SOÁT DỊCH HẠI

Số: 298/23/HĐPCO

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào chương trình kiểm soát dịch hại áp dụng tại Khách sạn Dragon Sea Thanh Hóa;
- Căn cứ vào khả năng thực hiện hợp đồng của hai bên,

Hôm nay, ngày 01 tháng 08 năm 2023, hai bên gồm:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI LAM SƠN

Địa chỉ : 43 đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Mã số thuế : 2801954185

Điện thoại : 0237 382 3999

Đại diện : Ông Hoàng Thành Vượng - Chức vụ: Phó Giám đốc

BÊN B : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRÙNG VIỆT NAM TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ : Số 292, Đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại : 0236.3621740 - Fax: 0236.3621742

Mã số thuế : 0302327629 – 002

Số tài khoản : 111000008931 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng

Đại diện : Ông Lê Thành Nhân - Chức vụ: Giám Đốc

Cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1: Đối tượng được kiểm soát

- Côn trùng bay : Ruồi, muỗi
- Côn trùng bò : Gián, kiến
- Loài gặm nhấm : Chuột nhắt, chuột đàn, chuột cống.

Điều 2: Nội dung và khu vực kiểm soát

Bên B đồng ý thực hiện dịch vụ kiểm soát dịch hại cho Bên A tại Khách sạn Dragon Sea tại địa chỉ số 43 đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, Thị xã Sầm Sơn, Thanh Hóa, cụ thể là các khu vực sau:

- Lễ tân, tiền sảnh, 104 phòng khách, hành lang các phòng
- Các nhà hàng, bếp, khu vực để xe và văn phòng
- Diện tích khuôn viên bên ngoài khách sạn

Điều 3: Tần suất xử lý

STT	Nội dung	Khu vực	Tần suất	Ghi chú
1	Kiểm soát côn trùng	Khu vực phòng	01 lần/tháng	✓ Lần 1: Xử lý tổng quát các khu vực
		Khu vực công cộng	02 lần/ tháng	✓ Lần 1: Xử lý tổng quát các khu vực. ✓ Lần 2: Kiểm tra, xử lý các khu vực côn trùng tái xuất hiện
2	Kiểm soát chuột	Tất cả các khu vực	04 lần/tháng	

S2732
1. HỌ TÊN
T. C.
L. T. H.
L. T. H.
H. A. U.

Điều 4: Lắp đặt và bảo trì thiết bị

4.1 Số lượng thiết bị lắp đặt: Tùy theo tình hình chuột thực tế cũng như cấu trúc đặc thù của từng khu vực, bên B sẽ triển khai hệ thống bẫy chuột với số lượng thích hợp nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

4.2 Thu hồi thiết bị: Bên B sẽ thu hồi lại toàn bộ các hộp bẫy, bả chuột nếu trên khi hợp đồng chấm dứt hoặc hết hạn mà không gia hạn thêm.

Điều 5: Đơn giá kiểm soát dịch hại

- Chi phí kiểm soát côn trùng, chuột : **5.500.000 đồng/ tháng**
(Bằng chữ: Năm triệu năm trăm ngàn đồng)

*** Ghi chú:**

- Đơn giá trên chưa bao gồm VAT
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng sẽ được áp dụng theo quy định và chính sách của Nhà nước có hiệu lực tại thời điểm xuất hóa đơn GTGT. Trường hợp thuế giá trị gia tăng được điều chỉnh thì giá trị Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng.

Điều 6: Xuất hóa đơn và phương thức thanh toán**6.1 Xuất hóa đơn:**

- Từ ngày 20 hàng tháng, Bên B sẽ xuất hoá đơn cho Bên A ngay sau khi việc xử lý định kỳ trong tháng hoàn tất.

6.2 Phương thức thanh toán

- Bên A thanh toán hàng tháng cho Bên B trong vòng 15 ngày bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, ngay sau khi việc xử lý hoàn tất, có biên bản nghiệm thu đã được hai bên ký xác nhận và nhận được hóa đơn thanh toán hợp lệ của Bên B.
- Hồ sơ thanh toán bao gồm:
 - 1/ Biên bản nghiệm thu của các đợt xử lý.
 - 2/ Hóa đơn VAT.

6.3 Đối chiếu công nợ

- Hàng quý, Bên B sẽ gửi Biên bản Đối chiếu công nợ bằng văn bản cho Bên A nhằm để đảm bảo các thông tin công nợ được cập nhật và chính xác. Đại diện có thẩm quyền của Bên A cần ký tên, đóng dấu và gửi lại Bên B 01 (một) bản để lưu và đối chiếu khi cần thiết

Điều 7: Thời hạn hợp đồng & chấm dứt hợp đồng trước thời hạn

7.1 Thời hạn hợp đồng:

- Hợp đồng này có giá trị trong thời hạn 01(một) năm kể từ ngày **01/08/2023 đến ngày 31/07/2024**. Sau ngày 31/07/2024, hợp đồng này tự động gia hạn nếu như hai bên không có sự thoả thuận nào khác

7.2 Chấm dứt hợp đồng:

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nhưng bên nào muốn đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn thì phải gửi thông báo tới cho bên còn lại bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày về việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng.

Điều 8: Bảo hành

- Dịch vụ bảo hành thực hiện 24/24 giờ trong suốt thời gian hợp đồng có hiệu lực, mọi khiếu nại liên quan đến côn trùng, chuột nói trên sẽ được kiểm tra và áp dụng các biện pháp xử lý cần thiết mà không tính thêm bất kỳ chi phí nào.

Điều 9: Trách nhiệm của các bên.

9.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Thanh toán đúng hạn và đầy đủ chi phí dịch vụ cho bên B như đã nêu trong điều 6 khi nhận đủ hồ sơ thanh toán.
- Thông báo cho Bên B biết trước một ngày nếu có sự thay đổi về thời gian xử lý và khi có yêu cầu phát sinh.
- Sắp xếp khu vực xử lý phù hợp cho nhân viên Bên B trong suốt thời gian xử lý.
- Bảo quản tốt các thiết bị Bên B lắp đặt, bồi thường cho Bên B những thiệt hại gây ra cho các thiết bị lắp đặt do lỗi của Bên A.
- Thực hiện đúng các yêu cầu do Bên B đưa ra về các biện pháp ngăn ngừa dịch hại xâm nhập cũng như duy trì điều kiện vệ sinh sạch sẽ.

9.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Bảo quản tốt tài sản của Bên A trong quá trình thực hiện công tác kiểm soát dịch hại theo hợp đồng đã ký, không ảnh hưởng chất lượng sản phẩm dịch vụ của Bên A.

3-027
NH
1/PHÂN
NG
AM
NĂM
TP. V. A

- Bảo đảm các hoá chất sử dụng để thực hiện dịch vụ kiểm soát dịch hại tại đơn vị không gây ảnh hưởng đến sức khoẻ của người, không ảnh hưởng môi trường xung quanh được đăng ký tại Việt Nam và Tổ chức Y tế Thế giới khuyến cáo cho phép sử dụng.
- Trong quá trình xử lý nếu thấy vấn đề tồn đọng như vệ sinh chưa thích hợp làm ảnh hưởng đến công tác kiểm soát dịch hại thì Bên B sẽ đưa ra đề nghị để Bên A làm tốt hơn công tác trên.
- Trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra liên quan đến công tác kiểm soát dịch hại nêu trên khi được Bên A yêu cầu, Bên B sẽ cử nhân viên đến giải quyết kịp thời tránh ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ.

Điều 10: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này.
- Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng này trước tiên sẽ được bên bạc giải quyết giữa hai bên cùng có lợi. Trong trường hợp vấn đề tranh chấp không giải quyết được thì sẽ được đưa ra Tòa án theo luật định để giải quyết. Quyết định của Tòa là cuối cùng và bắt buộc đối với cả hai bên phải thực hiện, bên thua kiện sẽ chịu tất cả phí Tòa án và các phí khác có liên quan.
- Hợp đồng này được làm thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

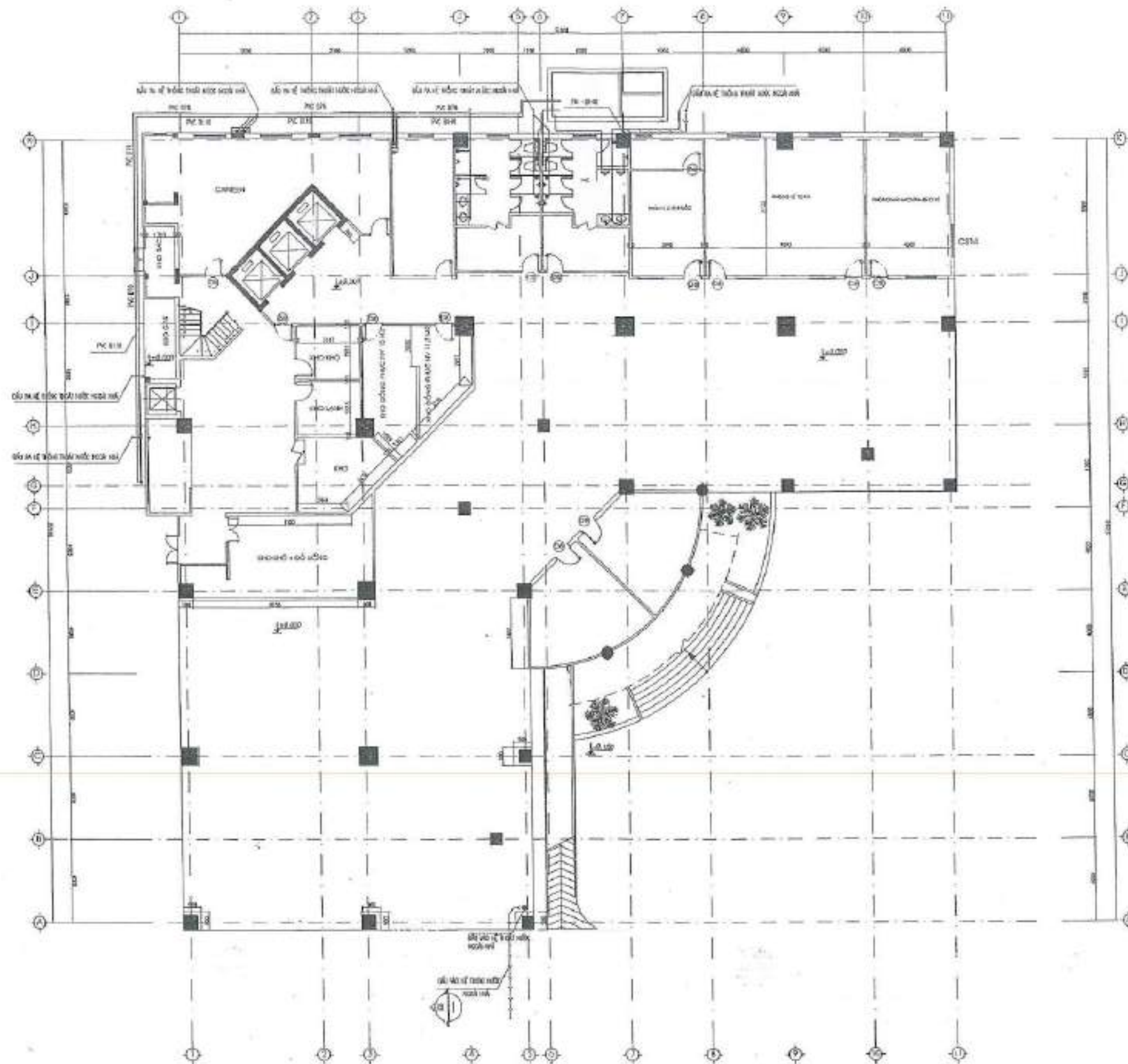


PHÓ GIÁM ĐỐC
Hồng Thành Vương

ĐẠI DIỆN BÊN B



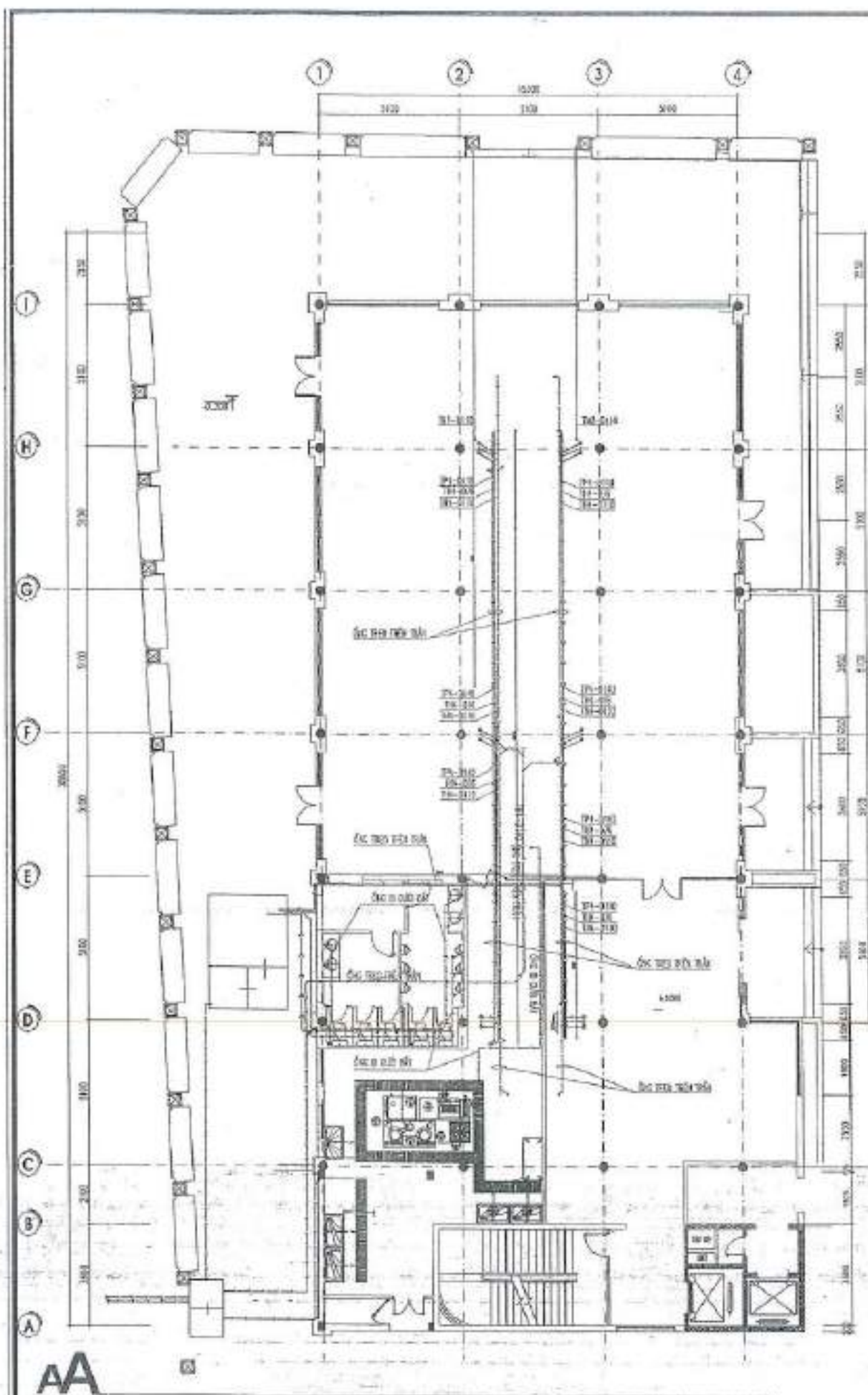
GIÁM ĐỐC
Lê Thành Nhân



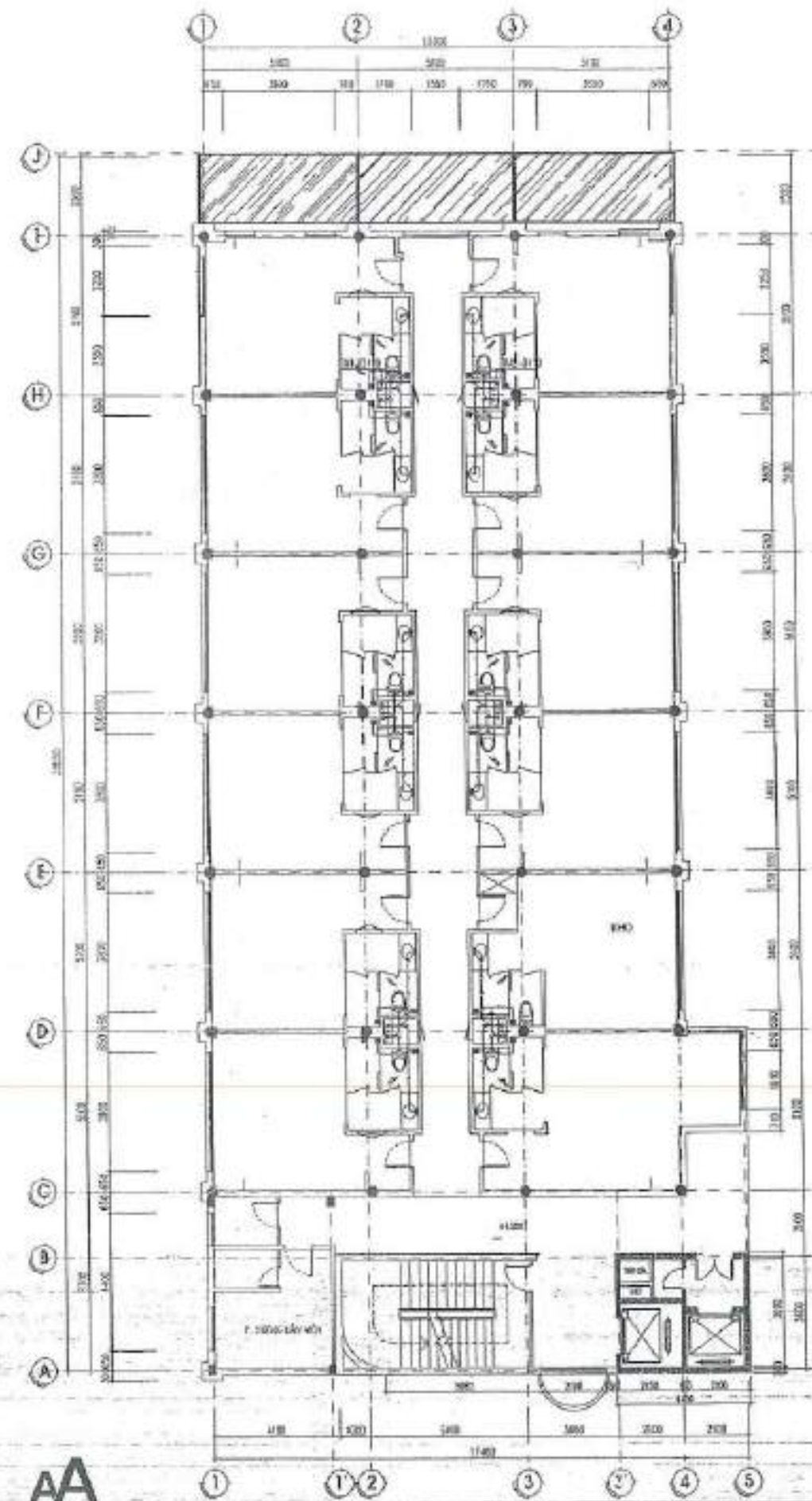
AA

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC TẦNG 1

HIỆU CHỨNG		
STT	NGÀY	ĐĂNG NHẬP
1		
2		
3		
4		
GHI CHÚ:		
CHỖ DẤU TỰ:		
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI LAM SON		
CƠ SỞ:		
KHÁCH SẠN LAM SON - THANH HÓA		
HẠNG MỤC:		
CẢI TẠO, NÂNG CẤP KHÁCH SẠN LAM SON		
ĐỊA ĐIỂM:		
SỐ 45 - ĐƯỜNG HỒ XUÂN HƯƠNG THỊ XÃ SẦM SƠN - TỈNH THANH HÓA		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:		
		
TRẦN QUANG MINH CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		
LÊ DUY TIẾN CHỖ TRƯ		
HÀ QUỐC PHONG THIẾT KẾ		
LÊ MINH TUẤN VẪ		
LÊ MINH TUẤN QUẢN LÝ		
HÀ QUỐC PHONG		
SƠ ĐỒ: KẾ HOẠCH THI CÔNG		
TÊN BẢN VẼ:		
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC TẦNG 1		
NGÀY HOÀN THÀNH:		
2014		
TÊN	HỌ TÊN ĐƠN VỊ	
	CTN-MB09	



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC TẦNG 1



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC TẦNG 2

HỒ SƠ THIẾT KẾ		
Lần	Ngày	Xác nhận
1		
2		
3		
4		
MÔ TẢ CÔNG TRÌNH		
CHỖ BẮT TỰ		
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI LAM SƠN		
CÔNG TRÌNH		
KHÁCH SẠN LAM SƠN - THANH HÓA		
MANG MỤC		
CẢI TẠO, NÂNG CẤP KHÁCH SẠN LAM SƠN (1)		
ĐỊA ĐIỂM		
SỐ 10 - ĐƯỜNG HỒ XUÂN HƯƠNG THỊ XÃ SẦM SƠN - TỈNH THANH HÓA		
NGƯỜI THIẾT KẾ		
 CÔNG TY CỔ PHẦN M.S. QUẢNG CÔNG TY CỔ PHẦN M.S. QUẢNG VIỆT NAM THANH HÓA - TP. HÀ NỘI		
NGƯỜI CHỌN SỬ DỤNG		
CHỖ NHẬN DỰ ÁN		
LÊ DUY TIẾN		
CHỖ THỬ NƯỚC		
HÀ QUỐC PHONG		
THIẾT KẾ		
LÊ MINH TUẤN		
VẼ		
LÊ MINH TUẤN		
ĐKT		
HÀ QUỐC PHONG		
QUY ĐỊNH: SỐ SƠ MẪU KẾ HOẠCH CÔNG		
TÊN BẢN VẼ		
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC TẦNG 1 - TẦNG 2		
NGÀY HOÀN THÀNH		
2014		
TÊN		
KỸ SƯ THIẾT KẾ		
CTN - MB0.5		

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 70 M3/NGÀY ĐÊM
DỰ ÁN: KHÁCH SẠN DRAGON SEA

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG TRƯỜNG SƠN, TP. SẦM SƠN, TỈNH THANH HOÁ

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Hải

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

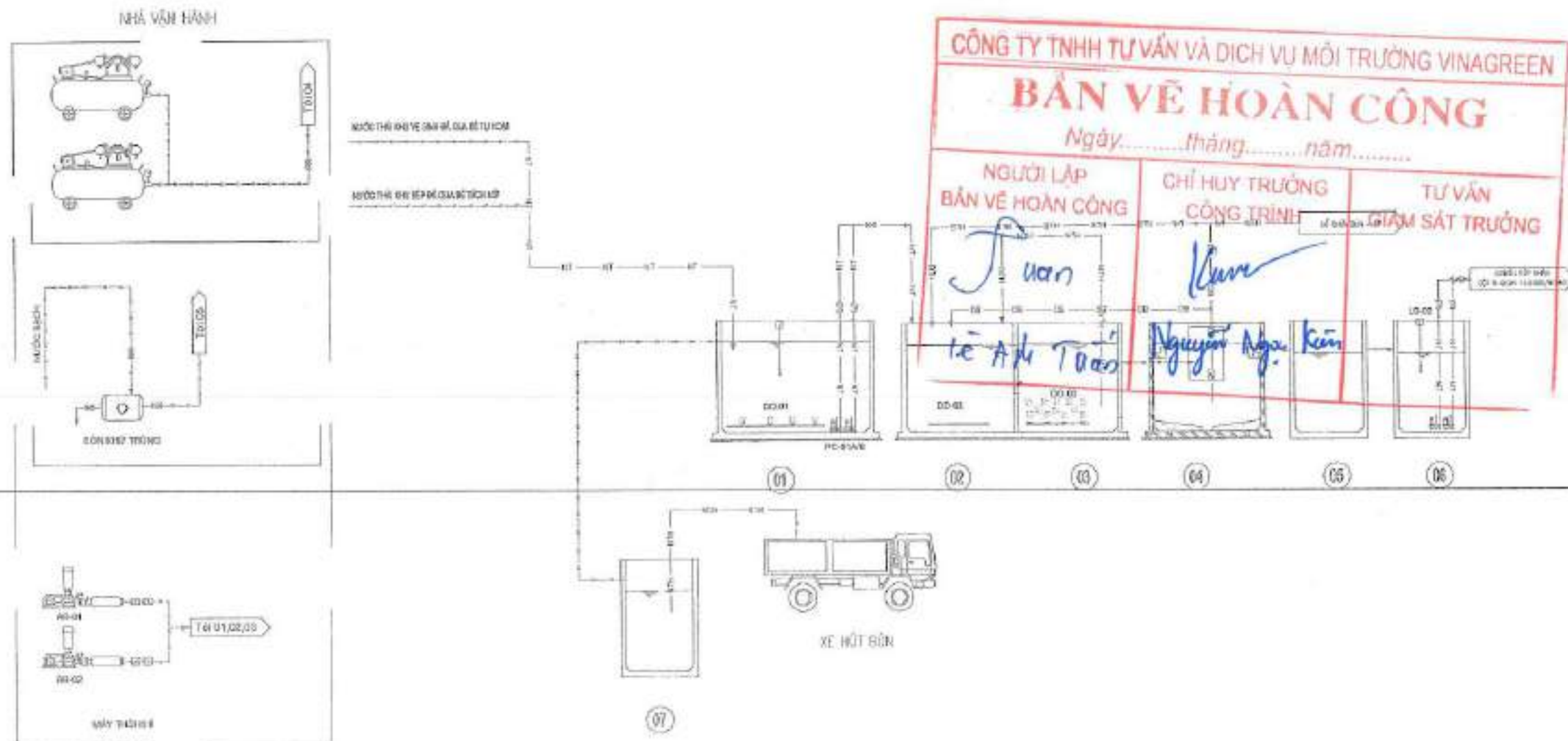


GIÁM ĐỐC
Nguyễn Phúc Hưng

PHẦN : CÔNG NGHỆ



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ



KÝ HIỆU THIẾT BỊ

PC - BƠM CHẠM
CĐ - PHẦN MỀM ĐIỀU KHIỂN
AR - MÁY THƠM KHU

KÝ HIỆU ĐƯỜNG ỐNG

→ ỐNG MƯỚC THẢI PVC-C2
→ ỐNG TUYÊN HỒNG PVC-C2
→ ỐNG BỐN TUYÊN HỒNG PVC-C2
→ ĐƯỜNG BƠM PVC-C2
→ ĐƯỜNG BƠM THẢI PVC-C2
→ ỐNG THẢI KHÍ NGẬP MƯỚC PVC-C2
→ ỐNG KÓA CHẮT PVC-C2

KÝ HIỆU CÔNG TRÌNH

01 BỂ CHỨA NƯỚC ĐẦU VÀO
02 BỂ CHỨA NƯỚC ĐIỀU CHỈNH
03 BỂ CHỨA NƯỚC LƯU GIỮ
04 BỂ CHỨA NƯỚC LƯU GIỮ
05 BỂ CHỨA NƯỚC LƯU GIỮ
06 BỂ CHỨA NƯỚC LƯU GIỮ
07 BỂ CHỨA NƯỚC LƯU GIỮ



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Hải



NGUYỄN PHÚC HƯNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / Technical Manager

[Signature]
LÊ TRƯỜNG HIỆU

THIẾT KẾ / Designer

[Signature]
LÊ ANH TUẤN

THIẾT KẾ / Designer

MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

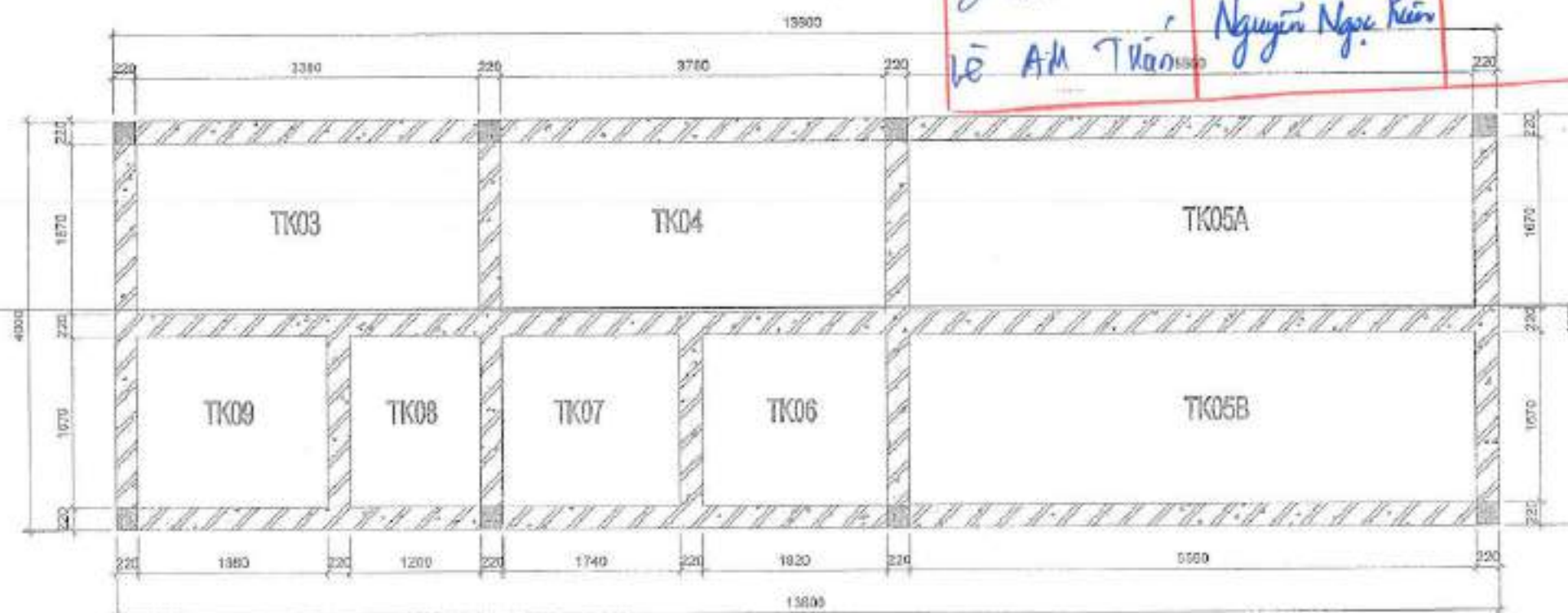


CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VINAGREEN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP BẢN VẼ HOÀN CÔNG <i>Tuan</i> LÊ ANH TUẤN	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH <i>Kam</i> NGUYỄN NGỌC KIM	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
---	---	---------------------------



1/15 Xuân Hưng

- | | | |
|------------------------|----------------------------|---|
| (TK01) BỂ GOM TÁCH RÁC | (TK05) BỂ HIẾU KHÍ | - NHÀ THẦU XÂY DỰNG CÓ TRÁCH NHIỆM THI CÔNG LẮP ĐẶT ĐONG CHỜ, LỖ CHỜ ĐÚNG VỚI BẢN VẼ DO NHÀ THẦU CÔNG NGHỆ CUNG CẤP
- CẤP +0.00 TƯƠNG ỨNG VỚI CẤP MẶT ĐẤT (QUY ƯỚC) TẠI TRẠM XÂY |
| (TK02) BỂ TÁCH MỠ | (TK06) BỂ LẮNG SINH HỌC | |
| (TK03) BỂ ĐIỀU HOÀ | (TK07) BỂ KHỬ TRÙNG | |
| (TK04) BỂ THIẾU KHÍ | (TK08) BỂ KHỬ TRÙNG | |
| | (TK09) BỂ CHỨA NƯỚC ĐẦU RA | (TK09) BỂ CHỨA ĐỒN |



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Hải



NGUYỄN THỨC HƯNG

CHỨC (PKT) (THBT) (Ký tên)
Lê Trường Hiếu
LÊ TRƯỜNG HIẾU

CHỨC (Ký tên)
Tuan
LÊ ANH TUẤN

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngày vẽ: 10/01/2021
Ngày duyệt: 10/01/2021

MẶT BẰNG BỐ TRÍ NẮP BÊ

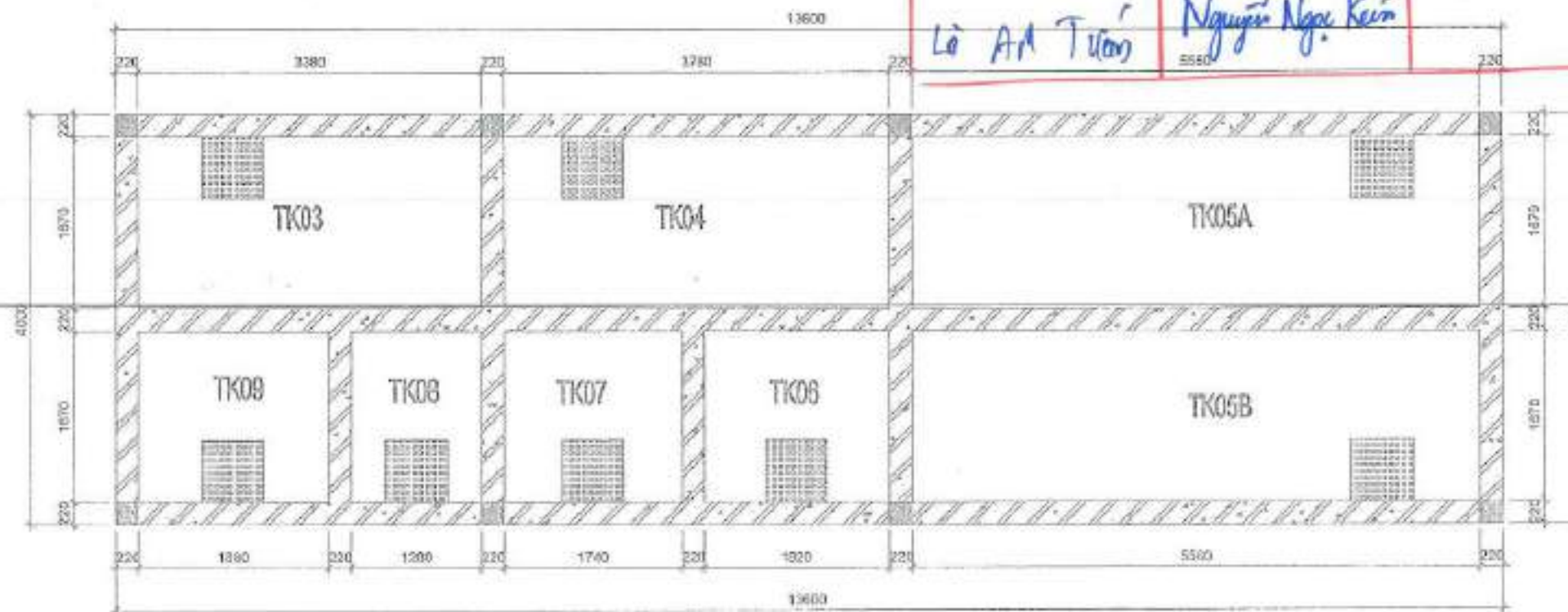


CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VINAGREEN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP BẢN VẼ HOÀN CÔNG <i>Tuan</i> Lê Anh Tuấn	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH <i>Kevin</i> Nguyễn Ngọc Kevin	TU VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
---	---	---------------------------



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Hải
TÊN ĐÚNG: Nguyễn Đức Hải



NGUYỄN PHÚC HÙNG

CHIEF ENVIRONMENTAL TECHNICAL MANAGER

LÊ TRƯỜNG HIỆU

THIẾT KẾ (Design)

LÊ ANH TUẤN

THIẾT KẾ (Design)

HỆ THỐNG KÊ LÝ NƯỚC THẢI

THIẾT KẾ (Design)

MẶT SÁNG CỎ TRÍ MẬP BÊ

THIẾT KẾ (Design) 1/2023

TK01 BÊ GOM TÁCH RÁC

TK05 BÊ HIẾU KHÍ

TK02 BÊ TÁCH MỠ

TK06 BÊ LẮNG SINH HỌC

TK03 BÊ ĐIỀU HOÀ

TK07 BÊ KHỬ TRÙNG

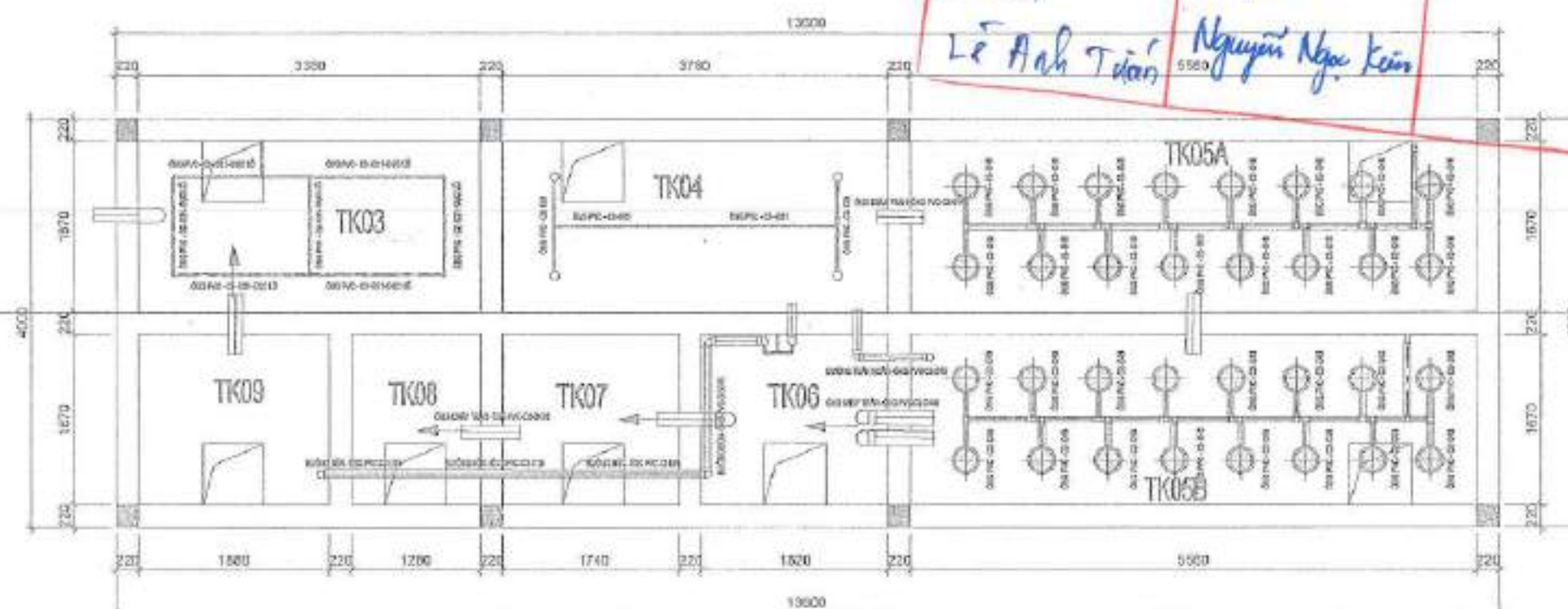
TK04 BÊ THIẾU KHÍ

TK08 BÊ CHỨA NƯỚC ĐẦU RA

TK09 BÊ CHỨA BÙN

“ NHÀ THẦU XÂY DỰNG CÓ TRÁCH NHIỆM THI CÔNG LẮP ĐẶT ỨNG CHỜ, LỖ CHỜ ĐÚNG VỚI BẢN VẼ DO NHÀ THẦU CÔNG MẸNH CUNG CẤP
“ CẤP +0.00 TƯƠNG ỨNG VỚI CẤP MẶT BẮT (QUY ƯỚC) TẠI TRẠM XỬ LÝ

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG PHÂN PHỐI KHÍ ĐÁY BÈ



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VINAGREEN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP BẢN VẼ HOÀN CÔNG: *Tuan*
 CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH: *Kiem*
 TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG: *Nguyễn Ngọc Kiên*



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Hải

TƯ VẤN QUẢN LÝ DỰ ÁN



NGUYỄN PHÚC HƯNG

QUẢN LÝ DỰ ÁN / Technical Manager

Tran

LÊ TRƯỜNG HIỆU

THIẾT KẾ / Designer

Tuan

LÊ ANH TIẾN

PHẠM HÙNG / Owner

HỆ THỐNG NƠ LÝ MỘC THÁI

THIẾT KẾ / Designer

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG PHÂN PHỐI KHÍ ĐÁY BÈ

Ngày vẽ: 10/10/2023
 Ngày in: 10/10/2023
 Số trang: 1/1

(TK01) BÈ GOM TÁCH RÁC

(TK05) BÈ HIỆU KHÍ

(TK02) BÈ TÁCH MỠ

(TK06) BÈ LẮNG SINH HỌC

(TK03) BÈ ĐIỀU HOÀ

(TK07) BÈ KHỬ TRÙNG

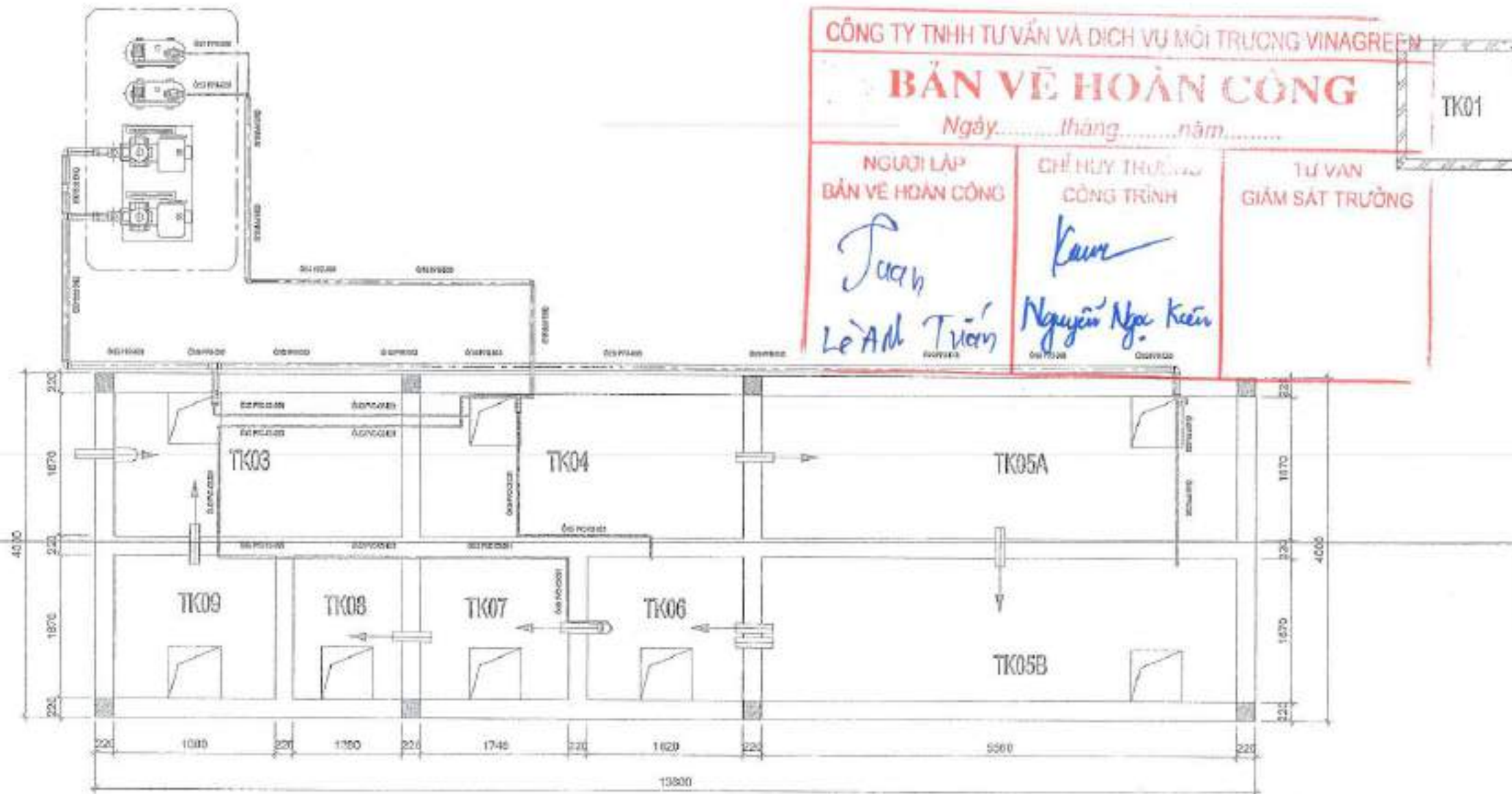
(TK04) BÈ THIỂU NIT

(TK08) BÈ CHỨA NƯỚC ĐẦU RA

(TK09) BÈ CHỨA BÙI

- NHÀ THẦU XÂY DỰNG CÓ TRÁCH NHIỆM THI CÔNG LẮP ĐẶT ỐNG CHỜ, LỖ CHỜ BÙNG VỚI BẢN VẼ DO NHÀ THẦU CÔNG NGHỆ CUNG CẤP
 - CẤP +0.00 TƯƠNG ỨNG VỚI CẤP MẶT BẦY (QUY ƯỚC) TẠI TRẠM XLNT

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG PHÂN PHỐI KHÍ TỪ THIẾT BỊ



- | | | |
|------------------------|---|---|
| (TK01) BỂ GOM TÁCH RÁC | (TK05) BỂ HIẾU KHÍ | - NHÀ THẦU XÂY DỰNG CÓ TRÁCH NHIỆM THI CÔNG LẮP ĐẶT ỚNG CHỈ, LỖ CHỈ RỒNG VỚI BẢN VẼ DO NHÀ THẦU CÔNG NGHỆ CUNG CẤP
- CẤP +0.00 TƯƠNG ỨNG VỚI CẤP MẶT ĐẤT (QUY ƯỚC) TẠI TRẠM XLMT |
| (TK02) BỂ TÁCH MỠ | (TK06) BỂ LẮNG SINH HỌC | |
| (TK03) BỂ ĐIỀU HOÀ | (TK07) BỂ KHỬ TRÙNG | |
| (TK04) BỂ THUỐ KHÍ | (TK08) BỂ CHỨA NƯỚC ĐẦU RA (TK09) BỂ CHỨA BƠM | |



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Hải
 TÀI ĐỀ AN - Nguyễn Đức Hải



Nguyễn Phước Hưng
 NGUYỄN PHƯỚC HƯNG

Lê Trường Hiên
 LÊ TRƯỜNG HIÊN

Trần Lê Anh Tuấn
 LÊ ANH TUẤN

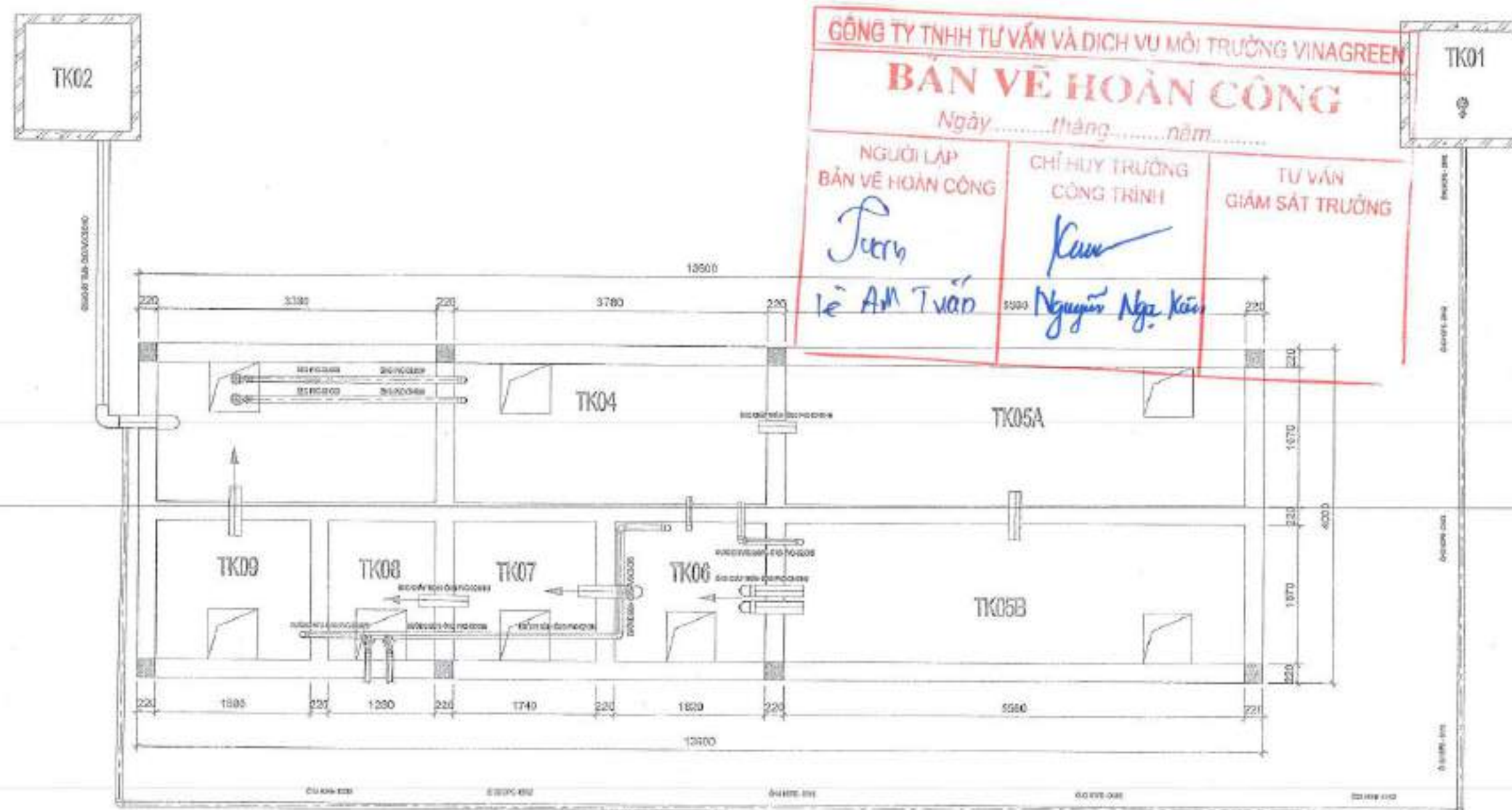
PHẠM MẠC / PHẠM MẠC

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG PHÂN PHỐI KHÍ TỪ THIẾT BỊ

Ngày.....tháng.....năm.....

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG PHÂN PHỐI KHÍ ĐÁY BỂ



- | | | |
|------------------------|----------------------------|--|
| (TK01) BỂ GOM TÁCH RÁC | (TK05) BỂ HIẾU KHÍ | NHÀ THIỂU XÂY DỰNG CÓ TRÁCH NHIỆM THI CÔNG LẮP ĐẶT ỐNG CHỜ, LỖ CHỜ BÙNG
VỚI BẢN VẼ DO NHÀ THIỂU CÔNG NGHỆ CUNG CẤP
COS +0.00 TƯƠNG ỨNG VỚI COS MẶT ĐẤT (QUY MỐC) TẠI TRẠM XLNT |
| (TK02) BỂ TÁCH MỠ | (TK06) BỂ LẮNG SINH HỌC | |
| (TK03) BỂ ĐIỀU HÒA | (TK07) BỂ KHỬ TRÙNG | |
| (TK04) BỂ THIỂU KHÍ | (TK08) BỂ CHỨA NƯỚC ĐẦU RA | |
| | (TK09) BỂ CHỨA BÙN | |



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Hải
TỔNG DUYỆT: Nguyễn Đức Hải



NGUYỄN PHÚC HÙNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / Technical Manager

Lê Trường Hiếu
LÊ TRƯỜNG HIẾU

Nguyễn Anh Tuấn
LÊ ANH TUẤN

HÀNG MỤC/Hàng:

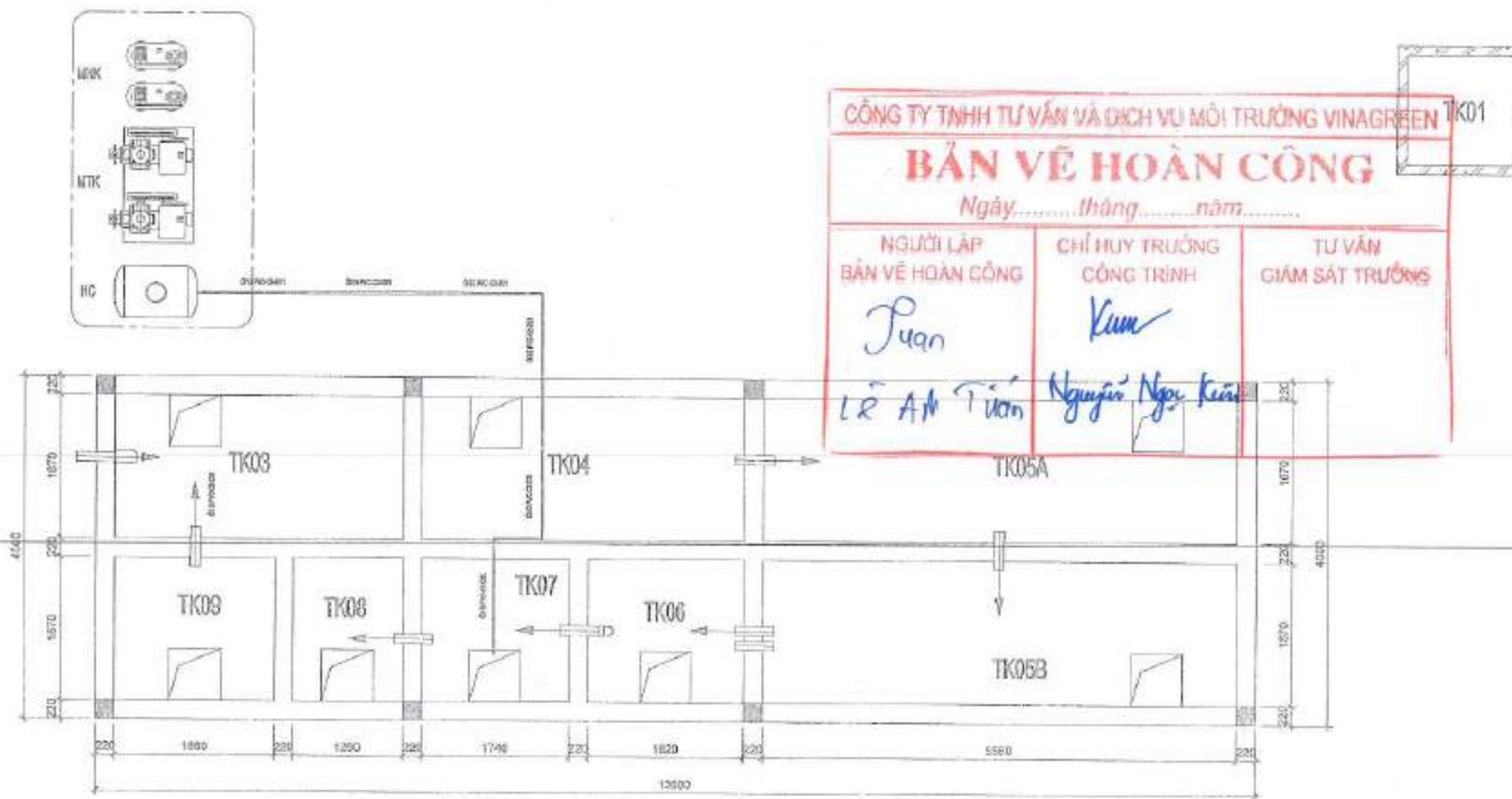
NỘI THUNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ/Sheet Title:

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG
PHÂN PHỐI KHÍ ĐÁY BỂ

DATE: 23/11/2023
SCALE: 1:500
PROJECT: XLNT

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG HOÁ CHẤT



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VINAGREEN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Phan

LÊ AN TÙNG

CHỈ HUY TRƯỞNG
CÔNG TRÌNH

Kim

Nguyễn Ngọc Kiên

TƯ VẤN
GIÁM SÁT TRƯỞNG



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Hải
TÊN ĐƠN VỊ: Nguyễn Đức Hải



NGUYỄN ĐỨC HẢI

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / Technical Manager

Phan

LÊ TRƯỜNG MIÊU

THIẾT KẾ / Designer

Phan

LÊ ANH TUẤN

TRẠNG THÁI / Status

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ / Drawing Title

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG HOÁ CHẤT

Ngày: 10/05/2023

Thị trấn: H. Bình

Thị trấn: H. Bình

Thị trấn: H. Bình

Thị trấn: H. Bình

Thị trấn: H. Bình

Thị trấn: H. Bình

TK01 BỂ CỌM TÁCH RÁC

TK05 BỂ HIẾU KHÍ

TK02 BỂ TÁCH MỠ

TK06 BỂ LẮNG SINH HỌC

TK03 BỂ ĐIỀU HOÀ

TK07 BỂ KHỬ TRÙNG

TK04 BỂ THIẾU KHÍ

TK08 BỂ CHỨA NƯỚC ĐÀU RA

TK09 BỂ CHỨA BỒN

- NHÀ THẦU XÂY DỰNG CÓ TRÁCH NHIỆM THI CÔNG LẮP ĐẶT ỐNG CHỖ, LỖ CHỜ ĐÚNG
VỚI BẢN VẼ DO NHÀ THẦU CÔNG NGHỆ CUNG CẤP
COS +0.00 TƯƠNG ỨNG VỚI COS MẶT ĐẤT (QUY ƯỚC) TẠI TRẠM XÂY

BIÊN BẢN SỐ: 01/NTHT
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

1. Đối tượng nghiệm thu:

Công trình: Hệ thống xử lý nước thải tập trung- Khách sạn Dragon Sea
Địa điểm: Phường Trường Sơn, TP Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Gói thầu: Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Khách sạn Dragon Sea

2. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

- Bắt đầu: ...8...h 00... ngày 21... tháng 12... năm 2023
- Kết thúc: ...10...h 00... ngày 21... tháng 12... năm 2023
- Tại công trình: Khách sạn Dragon Sea, P. Trường Sơn, TP Sầm Sơn, Thanh Hóa.

3. Thành phần nghiệm thu:

a. Đại diện chủ đầu tư: CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI LAM SƠN.

- o Ông: Nguyễn Thanh Bắc - Chức vụ: **Giám đốc**
- o Ông: - Chức vụ:

b. Đại diện nhà thầu: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VINAGREEN.

- o Ông: Nguyễn Phúc Hưng - Chức vụ: **Giám Đốc**
- o Ông: - Chức vụ:

4. Căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng số 2104/2023/HĐKT/LS-VNG Ngày 21/04/2023 ;
- Quy trình kiểm tra, giám sát, nghiệm thu đã được thống nhất giữa CĐT, đơn vị tư vấn và nhà thầu.
- Bản vẽ hoàn công hạng mục công trình/công trình.
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và những thay đổi Thiết kế đã được CĐT chấp thuận
- Chỉ dẫn kỹ thuật, quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng:
 - o Chỉ dẫn kỹ thuật đính kèm hồ sơ thiết kế được duyệt.
 - o QCVN 18: 2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia – An toàn trong xây dựng;
 - o TCVN 4055: 2012 Công trình xây dựng – Tổ chức thi công;
 - o TCXD 4513:1988 Tiêu chuẩn cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế;
 - o QCVN 14:2008 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.
 - o QCVN 40:2015 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

5. Kết quả nghiệm thu:

- Về chất lượng: Hạng mục công trình thi công hoàn thành đạt yêu cầu chất lượng theo đúng thiết kế.



- Về khối lượng: Theo bảng khối lượng thi công đính kèm.

6. **Kết luận:**

- Các bên tham gia kiểm tra đánh giá và chấp nhận nghiệm thu hoàn thành xây dựng công trình để đưa vào sử dụng.

**ĐD CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC**

(ký tên & đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Bắc

**ĐD NHÀ THẦU
GIÁM ĐỐC**

(ký tên & đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Phúc Hưng



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THANH HÓA
Thanh Hoa Department of Natural Resources and Environment
ĐOÀN MỎ - ĐỊA CHẤT
Mine - Geology Unit

Địa chỉ: 14 Đường Hạc Thành, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa
 Address: 14 Hạc Thành road, Tan Son ward, Thanh Hoa City

Tel: 037. 3722.086
 Fax: 037. 3855.628

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
Form of sample test results
 Số/No: 230419H/637/2023/MDC-KQPT

Tên mẫu thử:
 (Name of sample)
 Ký hiệu: NT
 (Notation)
 Khách hàng:
 (Sample sender)
 Địa điểm lấy mẫu: Số 43 đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, tp Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá
 (Sampling location)
 Ngày nhận mẫu: 19/04/2023
 (Date of receipt)

NƯỚC THẢI
Waste water

Số lượng: 01 mẫu
 (Number of samples)

KHÁCH SẠN DRAGON SEA

TT No (1)	Chỉ tiêu The criterias (2)	Đơn vị tính Unit (3)	Phương pháp thử Test methods (4)	Kết quả phân tích Results (5)
				NT
1	*pH		TCVN 6492:2011	7,1
2	*Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	0,87
3	*COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	63,6
4	*HOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	38
5	*TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	38
6	*NH ₄ ⁺ tính theo N	mg/l	TCVN 6179-1:1996	7,46
7	*NO ₃ ⁻ theo N	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ -E:2017	12,6
8	*Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221 B:2017	3.800

Ghi chú: - NT: Nước thải đầu ra HTXL nước thải tập trung của khách sạn.
 (Note) *** Những chỉ tiêu được cấp VIMCERT162.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH
 On behalf of the Analysis group


Hoàng Thị Hải

PHỤ TRÁCH PHÒNG PHÂN TÍCH
 In charge of the Analysis department


Lê Văn Hùng

ĐOÀN TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
 Deputy Head in charge


Bùi Văn Hậu

Chú ý: - Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử;
 - Các kết quả ghi trong phiếu này có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu
 - Quá thời hạn lưu mẫu, đơn vị không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

Trang/Tổng trang:
 Page/Total page: 1/1

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THANH HÓA
HOÀN MỎ - ĐỊA CHẤT
Mine - Geology Unit

Địa chỉ: 14 Đường Hắc Thành, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa
 Address: 14 Hắc Thành road, Tân Sơn ward, Thanh Hoa City

Tel: 037. 3722.086
 Fax: 037. 5855.628

162

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
Form of sample test results
 Số/No: 230630A/1118/2023/MĐC-KQPT

Tên mẫu thử:
(Name of sample)
Ký hiệu: NT
(Notation)
Khách hàng:
(Sample sender)
Địa điểm lấy mẫu: Số 43 đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, tp Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá
(Sampling location)
Ngày nhận mẫu: 30/06/2023
(Date of receipt)

NƯỚC THẢI
Waste water

Số lượng: 01 mẫu
(Number of samples)

KHÁCH SẠN DRAGON SEA

TT No (1)	Chỉ tiêu Test criteria (2)	Đơn vị tính Unit (3)	Phương pháp thử Test methods (4)	Kết quả phân tích Results (5)
				NT
1	*pH	-	TCVN 6492:2011	7,1
2	*Đầu mỡ động thực vật	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	0,7
3	*COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	68,4
4	*BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	41
5	*TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	40
6	*NH ₄ ⁺ tính theo N	mg/l	TCVN 6179-1:1996	7,34
7	*NO ₃ ⁻ theo N	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ -P:2017	13,55
8	*Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221 B:2017	3.200

Ghi chú: - NT: Nước thải tại hồ thu gom sau xử lý trước khi bơm xả ra ngoài hệ thống thoát nước thải của thành phố trên đường Hồ Xuân Hương.
 *** Những chỉ tiêu được cấp VIMCERT162.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH
On behalf of the Analysts group



Hoàng Thị Hải

PHỤ TRÁCH PHÒNG PHÂN TÍCH
In charge of the Analysis Department



Lê Văn Hùng

PHÓ ĐOÀN TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
Deputy Head in charge



Bùi Văn Hậu

Chú ý: - Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử;
 - Các kết quả ghi trong phiếu này có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu
 - Quá thời hạn lưu mẫu, đơn vị không giải quyết việc nhiều sai kết quả phân tích

Trang/Tổng trang:
 Page/Total page: 1/1

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THANH HÓA
Thanh Hoa Department of Natural Resources and Environment

ĐOÀN MỎ - ĐỊA CHẤT
Mine - Geology Unit

Địa chỉ: 14 Đường Hạc Thành, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa
Address: 14 Hạc Thành road, Tân Sơn ward, Thanh Hoa City

Tel: 037. 3722.086
Fax: 037. 3855.628

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form of sample test results

Số/No: 230816C/1362/2023/MĐC-KQPT

NƯỚC THẢI

Waste water

VIMCERTS 162

Tên mẫu thử:

(Name of sample)

Ký hiệu:

(Notation)

Khách hàng:

(Sample sender)

Địa điểm lấy mẫu:

(Sampling location)

Ngày lấy mẫu: 16/08/2023

(Date of receipt)

NT/VNG-SEA

Số lượng: 01 mẫu

(Number of samples)

KHÁCH SẠN DRAGONSEA

Khách sạn Dragonsea - số 43 Hồ Xuân Hương
phường Trường Sơn, tp Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

TT No (1)	Chỉ tiêu The criterias (2)	Đơn vị tính Unit (3)	Phương pháp thử Test methods (4)	Kết quả phân tích Results (5)
				NT/VNG-SEA
1	*pH	-	TCVN 6492:2011	7,1
2	*TDS	mg/l	MĐC-PPT/HT.N/04	142
3	*BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	34
4	*TSS	mg	TCVN 6625:2000	57
5	*NH ₄ ⁺ theo N	mg/l	TCVN 6179-1:1996	8,21
6	*PO ₄ ³⁻ theo P	mg/l	TCVN 6202:2008	2,07
7	*Dầu mỡ động thực vật	mg/l	SMEWW 5520. B&F:2017	1,21
8	*S ²⁻	mg/l	SMEWW 4500- S ²⁻ .B&D:2017	0,91
9	*NO ₃ ⁻ theo N	mg/l	SMEWW 4500- NO ₃ ⁻ .E:2017	20,08
10	*Coliform	CFU/100ml	SMEWW 9921B:2017	4.100

Ghi chú: - NT/VNG-SEA: Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý.

(Note) "*" Những chỉ tiêu được cấp VIMCERT162.

- Mẫu do ông Hoàng Quốc Linh gửi đến, thông tin do khách hàng cung cấp

TM.NHÓM PHÂN TÍCH
On behalf of the Analysis group

Hoàng Thị Hải

PHỤ TRÁCH PHÒNG PHÂN TÍCH
In charge of the Analysis department

Lê Văn Hùng

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 08 năm 2023
Thanh Hoa, date.....month.....year 2023

ĐOÀN TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
Deputy Head in charge

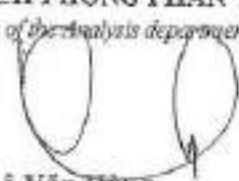


Bùi Văn Hậu

Chú ý: - Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
- Các kết quả ghi trong phiếu này có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu.
- Quá thời hạn lấy mẫu, đơn vị không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích.

Trang/Tổng trang:
Page/Total page: 1/1

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THANH HÓA Thanh Hoa Department of Natural Resources and Environment ĐOÀN MỎ - ĐỊA CHẤT Mine - Geology Unit				
Địa chỉ: 14 Đường Hạc Thành, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa Address: 14 Hạc Thành road, Tân Sơn ward, Thanh Hoa City			Tel: 037. 3722.086 Fax: 037. 3855.628	
PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH Form of sample test results Số/No: 240623A/978/2024/MĐC-KQPT				
Tên mẫu thử: (Name of sample)		NƯỚC THẢI Waste water		
Ký hiệu: (Notation)	NT	Số lượng: 01 mẫu (Number of samples)		
Khách hàng: (Sample sender)	CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI LAM SƠN KHÁCH SẠN DRAGON SEA			
Địa điểm lấy mẫu: (Sampling location)	Số 43 đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, tp Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá			
Ngày nhận mẫu: (Date of receipt)	23/06/2024			
TT No (1)	Chỉ tiêu The criteria (2)	Đơn vị tính Unit (3)	Phương pháp thử Test methods (4)	Kết quả phân tích Results (5)
				NT
1	*pH	-	TCVN 6492:2011	7,0
2	*Đầu mỡ động thực vật	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	1,16
3	*COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	48
4	*BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	28
5	*TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	42
6	*NH ₄ ⁺ tính theo N	mg/l	TCVN 6179-1:1996	2,57
7	*NO ₃ ⁻ theo N	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ -E:2017	3,1
8	*S ²⁻	mg/l	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2017	0,1
9	*Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221 B:2017	3.300
Ghi chú: - NT: Nước tại hồ gom nước thải sau xử lý trước khi bơm xả ra ngoài hệ thống thoát nước thải của thành phố trên đường Hồ Xuân Hương. *** Những chỉ tiêu được cấp VIMCERT162.				
TM.NHÓM PHÂN TÍCH On behalf of the Analysis group		PHỤ TRÁCH PHÒNG PHÂN TÍCH In charge of the Analysis department		
Hoàng Thị Hải		Lê Văn Hùng		
		ĐOÀN TRƯỞNG PHỤ TRÁCH Deputy Head in charge		
		Bùi Văn Hậu		
Chú ý: - Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử; - Các kết quả ghi trong phiếu này có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu - Quá thời hạn lưu mẫu, đơn vị không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích				Trang/Tổng trang: Page/Total page: 1/1

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THANH HÓA Thanh Hoa Department of Natural Resources and Environment VIMCERT 162 ĐOÀN MỎ - ĐỊA CHẤT Mine - Geology Unit Địa chỉ: 14 Đường Lạc Thành, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa Address: 14 Lạc Thành road, Tan Son ward, Thanh Hoa City Tel: 037. 3722.086 Fax: 037. 3855.628				
PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH Form of sample test results Số/No: 240727A/1135/2024/MĐC-KQPT Tên mẫu thử: (Name of sample) Ký hiệu: NT (Notation) Khách hàng: (Sample sender) Địa điểm lấy mẫu: Số 43 đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, tp Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá (Sampling location) Ngày nhận mẫu: 27/07/2024 (Date of receipt) NƯỚC THẢI Waste water Số lượng: 01 mẫu (Number of samples) KHÁCH SẠN DRAGON SEA				
TT No (1)	Chỉ tiêu The criterias (2)	Đơn vị tính Unit (3)	Phương pháp thử Test methods (4)	Kết quả phân tích Results (5)
				NT
1	*pH	-	TCVN 6492:2011	7,1
2	*Dầu mỡ động thực vật	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	1,19
3	*COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	40,8
4	*BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	25
5	*TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	37
6	*NH ₄ ⁺ tính theo N	mg/l	TCVN 6179-1:1996	7,94
7	*NO ₃ ⁻ theo N	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ -E:2017	2,16
8	*S ²⁻	mg/l	SMEWW 4500-S ²⁻ -B&D:2017	0,1
9	*Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221 B:2017	2.400
Ghi chú: - NT: Nước tại hồ gom nước thải sau xử lý trước khi bơm xả ra ngoài hệ thống thoát nước thải của (Note) thành phố trên đường Hồ Xuân Hương. ** Những chỉ tiêu được cấp VIMCERT162.				
TM.NHÓM PHÂN TÍCH On behalf of the Analysts group  Hoàng Thị Hải		PHỤ TRÁCH PHÒNG PHÂN TÍCH In charge of the Analysis department  Lê Văn Hùng		
		THANH HÓA, ngày 05 tháng 08 năm 2024 Thanh Hoa, date.....month.....year 2024 ĐOÀN TRƯỞNG PHỤ TRÁCH Deputy Head in charge  Bùi Văn Hậu		
Chú ý: - Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử; - Các kết quả ghi trong phiếu này có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu - Quá thời hạn lưu mẫu, đơn vị không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích				Trang/Tổng trang: Page/Total page: 1/1

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THANH HÓA
Thanh Hoa Department of Natural Resources and Environment

ĐOÀN MỎ - ĐỊA CHẤT

Mine - Geology Unit

Địa chỉ: 14 Đường Học Thành, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa

Address: 14 Học Thành road, Tân Sơn ward, Thanh Hoa City

Tel: 037. 3722.086

Fax: 037. 3855.628

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form of sample test results

Số/No: 240809B/1187/2024/MĐC-KQPT

NƯỚC THẢI

Waste water

Tên mẫu thử:

(Name of sample)

Ký hiệu:

NT

(Notation)

Số lượng: 01 mẫu

(Number of samples)

Khách hàng:

(Sample sender)

KHÁCH SẠN DRAGON SEA

Địa điểm lấy mẫu: Số 43 Đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, tp Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

(Sampling location)

Ngày nhận mẫu: 09/08/2024

(Date of receipt)

TT No (1)	Chi tiêu The criterias (2)	Đơn vị tính Unit (3)	Phương pháp thử Test methods (4)	Kết quả phân tích Results (5)
				NT
1	*pH	-	TCVN 6492:2011	7,3
2	*Đầu mỡ động thực vật	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	1,15
3	*COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	36
4	*BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	21
5	*TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	29
6	*NH ₄ ⁺ tính theo N	mg/l	TCVN 6179-1:1996	3,95
7	*NO ₃ ⁻ theo N	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ -E:2017	0,27
8	*S ²⁻	mg/l	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2017	0,11
9	*Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221 B:2017	3.200

Ghi chú: - NT: Nước tại hồ gom nước thải sau xử lý trước khi bơm xả ra ngoài hệ thống thoát nước thải của thành phố trên đường Hồ Xuân Hương.

*** Những chỉ tiêu được cấp VIMCERT162.

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 08 năm 2024

Thanh Hoa, date.....month.....year 2024

TM.NHÓM PHÂN TÍCH
On behalf of the Analysis group

PHỤ TRÁCH PHÒNG PHÂN TÍCH
In charge of the Analysis department

PHÒNG TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
Department in charge

Hoàng Thị Hải

Lê Văn Hùng

Bùi Văn Hậu

Chú ý: - Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử;
- Các kết quả ghi trong phiếu này có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu;
- Quá thời hạn lưu mẫu, đơn vị không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

Trang/Tổng trang:
Page/Total page: 1/1

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THANH HÓA Thanh Hoa Department of Natural Resources and Environment ĐOÀN MỎ - ĐỊA CHẤT Mine - Geology Unit				
Địa chỉ: 14 Đường Hạc Thành, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa Address: 14 Hạc Thành road, Tân Sơn ward, Thanh Hoa City			Tel: 037. 3722.086 Fax: 037. 3855.628	
PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH Form of sample test results Số/No: 240516C/710/2024/MĐC-KQPT				
Tên mẫu thử: (Name of sample)		NƯỚC THẢI Waste water		
Ký hiệu: (Notation)	NT	Số lượng: 01 mẫu (Number of samples)		
Khách hàng: (Sample sender)	CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI LAM SƠN KHÁCH SẠN DRAGON SEA			
Địa điểm lấy mẫu: (Sampling location)	Số 43 đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, tp Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá			
Ngày nhận mẫu: (Date of receipt)	16/05/2024			
TT No (1)	Chỉ tiêu The criterias (2)	Đơn vị tính Unit (3)	Phương pháp thử Test methods (4)	Kết quả phân tích Results (5)
				NT
1	*pH	-	TCVN 6492:2011	7,1
2	*Đầu mỡ động thực vật	mg/l	SMEWW 5520B&P:2017	1,51
3	*COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	49,2
4	*BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	30
5	*TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	45
6	*NH ₄ ⁺ tính theo N	mg/l	TCVN 6179-1:1996	4,75
7	*NO ₃ theo N	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ E:2017	2,28
8	*S ²⁻	mg/l	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2017	0,07
9	*Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221 B:2017	3.300
Ghi chú: - NT: Nước tại hồ gom nước thải sau xử lý trước khi bơm xả ra ngoài hệ thống thoát nước thải của thành phố trên đường Hồ Xuân Hương. *** Những chỉ tiêu được cấp VIMCERT162.				
TM.NHÓM PHÂN TÍCH On behalf of the Analysis group		PHỤ TRÁCH PHÒNG PHÂN TÍCH In charge of the Analysis department		Thanh Hóa, ngày 24 tháng 05 năm 2024 Thanh Hoa, date.....month.....year 2024 P.ĐOÀN TRƯỞNG PHỤ TRÁCH Dep. Head in charge
 Hoàng Thị Hải		 Lê Văn Hùng		 Bùi Văn Hậu
Chú ý: - Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử; - Các kết quả ghi trong phiếu này có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu - Quá thời hạn lưu mẫu, đơn vị không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích				Trang/Tổng trang: Page/Total page: 1/1

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THANH HÓA

Thanh Hóa Department of Natural Resources and Environment

ĐOÀN MỎ - ĐỊA CHẤT

Mine - Geology Unit

Địa chỉ: 14 Đường Học Thành, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa

Address: 14 Hoc Thanh road, Tan Son ward, Thanh Hoa City

Tel: 037. 3722.086

Fax: 037. 3855.628

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form of sample test results

Số/No: 230419H/636/2023/MĐC-KOPT

KHÔNG KHÍ

Air quality

Tên mẫu thử:

(Name of sample)

Ký hiệu: K

(Notation)

Khách hàng:

(Sample sender)

Địa điểm lấy mẫu: Số 43 đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, tp Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá

(Sampling location)

Ngày nhận mẫu: 19/04/2023

(Date of receipt)

Số lượng: 01 mẫu

(Number of samples)

KHÁCH SẠN DRAGON SEA

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả phân tích
No (1)	The criterias (2)	Unit (3)	Test methods (4)	Results (5)
				K1
1	*Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	29,4
2	*Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	67,5
3	*Vận tốc gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,6-1,0
4	*Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	56,1
5	*Tổng bụi lơ lửng	µg/m³	TCVN 5067:1995	167
6	*NO ₂	µg/m³	TCVN 6137:2009	19,4
7	*SO ₂	µg/m³	TCVN 5971:1995	27,5
8	*CO	µg/m³	MĐC-PPT/HD-K/05	<3.000
9	*NH ₃	µg/m³	TCVN 5293:1995	28
10	*H ₂ S	µg/m³	MASA 701	8,13

Ghi chú: - K1: Khu vực xử lý nước thải tập trung của khách sạn.

(Note) - "a" Những chỉ tiêu được cấp VIMCERT162.

Giá trị sau dấu "<" là giới hạn phát hiện của phương pháp.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

On behalf of the Analysis group

Hoàng Thị Hải

PHỤ TRÁCH PHÒNG PHÂN TÍCH

In charge of the Analysis department

Lê Văn Hùng

ĐOÀN TRƯỞNG PHỤ TRÁCH

Deputy Head in charge

Bùi Văn Hậu

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 04 năm 2023

Thanh Hoa, date.....month.....year 2023

Chú ý: - Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử;

- Các kết quả ghi trong phiếu này có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu

- Quá thời hạn hai mẫu, đơn vị không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

Trang/Tổng trang:

Page/Total page: 1/1



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THANH HÓA
 Thanh Hóa Department of Natural Resources and Environment
ĐOÀN MỎ - ĐỊA CHẤT
 Mine - Geology Unit

162

Tel: 037. 3722.086
 Fax: 037. 3855.628

Địa chỉ: 14 Đường Hạc Thành, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa
 Address: 14 Hạc Thành road, Tân Sơn ward, Thanh Hóa City

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
 Form of sample test results
 Số/No: 230630A/1117/2023/MĐC-KQPT
KHÔNG KHÍ
 Air quality

Tên mẫu thử:
(Name of sample)

Ký hiệu: K
(Notation)

Khách hàng:
(Sample sender)

Địa điểm lấy mẫu: Số 43 đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, tp Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
(Sampling location)

Ngày nhận mẫu: 30/06/2023
(Date of receipt)

Số lượng: 01 mẫu
(Number of samples)

KHÁCH SẠN DRAGON SEA

TT No (1)	Chỉ tiêu The criterias (2)	Đơn vị tính Unit (3)	Phương pháp thử Test methods (4)	Kết quả phân tích Results (5)
				K1
1	*Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	30,6
2	*Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	67,8
3	*Vận tốc gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	1,2
4	*Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	58,4
5	*Tổng bụi lơ lửng	µg/m³	TCVN 5067:1995	163
6	*NO ₂	µg/m³	TCVN 6137:2009	25,9
7	*SO ₂	µg/m³	TCVN 5971:1995	37,5
8	*CO	µg/m³	MĐC-PPT/HD.K/05	<3.000
9	*NH ₃	µg/m³	TCVN 5293:1995	<12
10	*H ₂ S	µg/m³	MASA 701	<5

Ghi chú: - K1: Khu vực xử lý nước thải tập trung của khách sạn.
 (Note) "—" Những chỉ tiêu được cấp VIMCERT162.
 Giá trị sau dấu "<" là giới hạn phát hiện của phương pháp.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH
On behalf of the Analysis group



Hoàng Thị Hải

PHỤ TRÁCH PHÒNG PHÂN TÍCH
In charge of the Analysis department



Lê Văn Hùng

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 07 năm 2023
 Thanh Hoa, date.....month.....year 2023

PHÓ ĐOÀN TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
Deputy Head in charge



Bùi Văn Hậu

Chú ý: - Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử;
 - Các kết quả ghi trong phiếu này có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu
 - Quá thời hạn lưu mẫu, đơn vị không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

Trang/Tổng trang:
Page/Total page: 1/1

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THANH HÓA
Thanh Hoa Department of Natural Resources and Environment
ĐOÀN MỎ ĐỊA CHẤT
Mine - Geology Unit

Địa chỉ: 14 Đường Hạc Thành, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa
 Address: 14 Hạc Thành road, Tan Son ward, Thanh Hoa City

Tel: 037. 3722.086
 Fax: 037. 3855.628

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form of sample test results

Số/No: 230722D/1214/2023/MDC-KQPT

KHÔNG KHÍ

Air quality

VIMCERTS 162

Tên mẫu thử:

(Name of sample)

Ký hiệu:

(Notation)

K

Số lượng: 01 mẫu

(Number of samples)

Khách hàng:

(Sample sender)

KHÁCH SẠN DRAGON SEA

Địa điểm lấy mẫu:

(Sampling location)

Số 43 đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, tp Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Ngày nhận mẫu:

(Date of receipt)

22/07/2023

TT No (1)	Chỉ tiêu The criterias (2)	Đơn vị tính Unit (3)	Phương pháp thử Test methods (4)	Kết quả phân tích Results (5)
				K1
1	*Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	30,1
2	*Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	69,2
3	*Vận tốc gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	1,2
4	*Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	58,8
5	*Tổng bụi lơ lửng	µg/m ³	TCVN 5067:1995	166
6	*NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	20,9
7	*SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	31,8
8	*CO	µg/m ³	MDC-PPT/HD.K/05	3.262
9	*NH ₃	µg/m ³	TCVN 5293:1995	<12
10	*H ₂ S	µg/m ³	MASA 701	<5

Ghi chú: - K1: Khu vực xử lý nước thải tập trung của khách sạn.

(Note) "*" Những chỉ tiêu được cấp VIMCERT162.

Giá trị sau dấu "<" là giới hạn phát hiện của phương pháp.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH
 On behalf of the Analysis group

PHỤ TRÁCH PHÒNG PHÂN TÍCH
 In charge of the Analysis department

Thanh Hóa, ngày 31 tháng 07 năm 2023
 Thanh Hoa, date:month.....year 2023

P.ĐOÀN TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
 Deputy Head in charge

ĐOÀN MỎ ĐỊA CHẤT
 THANH HÓA

Hoàng Thị Hải

Lê Văn Hùng

Bùi Văn Hậu

Chú ý: - Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử;
 - Các kết quả ghi trong phiếu này có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu;
 - Quá thời hạn lưu mẫu, đơn vị không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

Trang/Tổng trang:
 Page/Total page: 1/1

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THANH HÓA
 Thanh Hoa Department of Natural Resources and Environment

ĐOÀN MỎ - ĐỊA CHẤT
 Mine - Geology Unit

Địa chỉ: 14 Đường Hạc Thành, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa
 Address: 14 Hạc Thành road, Tân Sơn ward, Thanh Hoa City

Tel: 037. 3722.086
 Fax: 037. 3855.628

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
 Form of sample test results

Số/No: 230929E/1756/2023/MĐC-KQPT

KHÔNG KHÍ
 Air quality

Số lượng: 01 mẫu
 (Number of samples)

VIMCERTS 162

Tên mẫu thử:
 (Name of sample)

Ký hiệu: K
 (Notation)

Khách hàng:
 (Sample sender)

Địa điểm lấy mẫu: Số 43 đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, tp Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá
 (Sampling location)

Ngày nhận mẫu: 29/09/2023
 (Date of receipt)

TT No (1)	Chỉ tiêu The criteria (2)	Đơn vị tính Unit (3)	Phương pháp thử Test methods (4)	Kết quả phân tích Results (5)
				K1
1	*Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	30,4
2	*Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	68,1
3	*Vận tốc gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	1,1-1,3
4	*Tiếng ồn	đBA	TCVN 7878-2:2018	50,8
5	*Tổng bụi lơ lửng	µg/m³	TCVN 5067:1995	155
6	*NO ₂	µg/m³	TCVN 6137:2009	20,2
7	*SO ₂	µg/m³	TCVN 5971:1995	28,4
8	*CO	µg/m³	MĐC-PPT/HD.K/05	<3.000
9	*NH ₃	µg/m³	TCVN 5293:1995	24,5
10	*H ₂ S	µg/m³	MASÁ 701	9,8

Ghi chú: - K1: Khu vực xử lý nước thải tập trung của khách sạn.
 (Note) "•" Những chỉ tiêu được cấp VIMCERT162.
 Giá trị sau dấu "<" là giới hạn phát hiện của phương pháp.

TM/NHÓM PHÂN TÍCH
 On behalf of the Analysis group


Hoàng Thị Hải

PHỤ TRÁCH PHÒNG PHÂN TÍCH
 In charge of the analysis department


Lê Văn Hùng

PHÓ ĐOÀN TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
 Deputy Head in charge


Bùi Văn Hậu

Chú ý: - Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử;
 - Các kết quả ghi trong phiếu này có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu
 - Quá thời hạn lưu mẫu, đơn vị không giải quyết việc nhiều nại kết quả phân tích

Trang/Tổng trang:
 Page/Total page: 1/1

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THANH HÓA
Thanh Hóa Department of Natural Resources and Environment

ĐOÀN MỎ - ĐỊA CHẤT
Mine - Geology Unit

Địa chỉ: 14 Đường Học Thành, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa
Address: 14 Học Thành road, Tân Sơn ward, Thanh Hóa City

Tel: 037. 3722.086
Fax: 037. 3855.628

VIMCER 162

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
Form of sample test results
Số/No: 240623A/977/2024/MDC-KQPT
KHÔNG KHÍ
Air quality

Tên mẫu thử:
(Name of sample)
Ký hiệu: K
(Notation)
Khách hàng:
(Sample sender)
Địa điểm lấy mẫu: Số 43 đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, tp Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá
(Sampling location)
Ngày nhận mẫu: 23/06/2024
(Date of receipt)

Số lượng: 01 mẫu
(Number of samples)

CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI LAM SƠN
KHÁCH SẠN DRAGON SEA

TT No (1)	Chỉ tiêu The criteras (2)	Đơn vị tính Unit (3)	Phương pháp thử Test methods (4)	Kết quả phân tích Results (5)
				K1
1	*Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	29,8
2	*Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	68,5
3	*Vận tốc gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	1,4
4	*Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	58,2
5	*Tổng bụi lơ lửng	µg/m ³	TCVN 5067:1995	152
6	*NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	21,4
7	*SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	30,3
8	*CO	µg/m ³	MDC-PPT/HD.K/05	<3.000
9	*NH ₃	µg/m ³	TCVN 5293:1995	54,1
10	*H ₂ S	µg/m ³	MASA 701	15,1

Ghi chú: - K1: Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khách sạn.
(Note) "*** Những chỉ tiêu được cấp VIMCERT162.
Giá trị sau dấu "<" là giới hạn phát hiện của phương pháp.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH
On behalf of the Analysis group

PHỤ TRÁCH PHÒNG PHÂN TÍCH
In charge of the Analysis department

ĐOÀN TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
Deputy Head in charge

Hoàng Thị Hải

Lê Văn Hùng

Bùi Văn Hậu

Chú ý: - Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử;
- Các kết quả ghi trong phiếu này có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu
- Quá thời hạn lưu mẫu, đơn vị không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

Trang/Tổng trang:
Page/Total page: 1/1

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THANH HÓA
Thanh Hóa Department of Natural Resources and Environment

ĐOÀN MỎ ĐỊA CHẤT
Mine - Geology Unit

Địa chỉ: 14 Đường Lạc Thành, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa
Address: 14 Lạc Thành road, Tân Sơn ward, Thanh Hóa City

VIMCERT 162

Tel: 037. 3722.086
Fax: 037. 3855.628

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
Form of sample test results

Số/No: 240727A/1134/2024/MĐC-KQPT

KHÔNG KHÍ
Air quality

Tên mẫu thử:
(Name of sample)

Ký hiệu: K
(Notation)

Khách hàng:
(Sample sender)

Số lượng: 01 mẫu
(Number of samples)

KHÁCH SẠN DRAGON SEA

Địa điểm lấy mẫu: Số 43 đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, tp Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá
(Sampling location)

Ngày nhận mẫu: 27/07/2024
(Date of receipt)

TT No (1)	Chỉ tiêu The criteras (2)	Đơn vị tính Unit (3)	Phương pháp thử Test methods (4)	Kết quả phân tích Results (5)
				K1
1	*Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	36,3
2	*Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	60,8
3	*Vận tốc gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,6-0,8
4	*Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	55,3
5	*Tổng bụi lơ lửng	µg/m³	TCVN 5067:1995	157
6	*NO ₂	µg/m³	TCVN 6137:2009	23,4
7	*SO ₂	µg/m³	TCVN 5971:1995	33,2
8	*CO	µg/m³	MĐC-PPT/HĐ.K/05	<3.000
9	*NH ₃	µg/m³	TCVN 5293:1995	43,9
10	*H ₂ S	µg/m³	MASA 701	15,5

Ghi chú: - K1: Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khách sạn.
(Note) "※" Những chỉ tiêu được cấp VIMCERT162.
Giá trị sau dấu "<" là giới hạn phát hiện của phương pháp.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH
On behalf of the Analysis group

PHỤ TRÁCH PHÒNG PHÂN TÍCH
In charge of the Analysis department

ĐOÀN TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
Deputy Head in charge

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 08 năm 2024
Thanh Hoa, date.....month.....year 2024

Hoàng Thị Hải

Lê Văn Hùng

Bùi Văn Hậu

Chú ý: - Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử;
- Các kết quả ghi trong phiếu này có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu
- Quá thời hạn lưu mẫu, đơn vị không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

Trang/Tổng trang:
Page/Total page: 1/1

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THANH HÓA
Thanh Hóa Department of Natural Resources and Environment
ĐOÀN MỎ - ĐỊA CHẤT
Mine - Geology Unit
Địa chỉ: 14 Đường Lạc Thành, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa
Address: 14 Lạc Thành road, Tân Sơn ward, Thanh Hóa City
Tel: 037. 3722.086
Fax: 037. 3855.628

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
Form of sample test results
Số/No: 240809B/1186/2024/MĐC-KQPT
KHÔNG KHÍ
Air quality
Số lượng: 01 mẫu
(Number of samples)
KHÁCH SẠN DRAGON SEA
Tên mẫu thử:
(Name of sample)
Ký hiệu: K
(Notation)
Khách hàng:
(Sample sender)
Địa điểm lấy mẫu: Số 43 đường Hồ Xuân Hương, phường Trường Sơn, tp Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá
(Sampling location)
Ngày nhận mẫu: 09/08/2024
(Date of receipt)

TT No (1)	Chỉ tiêu The criteria (2)	Đơn vị tính Unit (3)	Phương pháp thử Test methods (4)	Kết quả phân tích Results (5)
				K1
1	*Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	33,5
2	*Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	65,1
3	*Vận tốc gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,5-0,8
4	*Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2-2018	56,7
5	*Tổng bụi lơ lửng	µg/m ³	TCVN 5067:1995	118
6	*NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	22
7	*SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	31,2
8	*CO	µg/m ³	MĐC-PPT/HD.K/05	<3.000
9	*NH ₃	µg/m ³	TCVN 5293:1995	47,5
10	*H ₂ S	µg/m ³	MASA 701	13,4

Ghi chú: - K1: Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khách sạn.
(Note) "*" Những chỉ tiêu được cấp VIMCERT162.
Giá trị sau dấu "<" là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 08 năm 2024
Thanh Hóa, datemonth.....year 2024
TM.NHÓM PHÂN TÍCH
On behalf of the Analysis group
PHỤ TRÁCH PHÒNG PHÂN TÍCH
In charge of the Analysis department
ĐOÀN TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
DO Group lead in charge
ĐOÀN MỎ - ĐỊA CHẤT
THANH HÓA
Hoàng Thị Hải
Lê Văn Hùng
Bùi Văn Hậu
Chú ý: - Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử;
- Các kết quả ghi trong phiếu này có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu
- Quá thời hạn lưu mẫu, đơn vị không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích
Trang/Tổng trang:
Page/Total page: 1/1

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1112/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 13 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM)
dự án: Đầu tư xây dựng Khách sạn Lam Sơn tại phường Trường Sơn,
thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số: 52/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số: 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về
việc qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi
trường; Nghị định số: 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 về sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định số: 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số: 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá
tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi
trường dự án: Đầu tư xây dựng Khách sạn Lam Sơn tại phường Trường Sơn, thị
xã Sầm Sơn của Công ty cổ phần Mía đường Lam Sơn tại Biên bản phiên họp
ngày 05/11/2010 và Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án nêu trên đã
được chỉnh sửa, bổ sung theo kết luận của Hội đồng thẩm định ngày
05/11/2010;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 803/TTr-
STNMT ngày 06/12/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự
án: Đầu tư xây dựng Khách sạn Lam Sơn tại phường Trường Sơn, thị xã Sầm
Sơn của Công ty cổ phần Mía đường Lam Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án).

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã
được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt
buộc sau đây:

2.1. Thực hiện đúng, đầy đủ, nghiêm túc các nội dung bảo vệ môi trường
nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

2.2. Chất lượng không khí phải đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam
về môi trường:

- QCVN 05 : 2009 – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không
khí xung quanh;

- QCVN 06 : 2009 – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc
hại trong không khí xung quanh;

- Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số: 3733/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

- TCVN 5949 - 1998 - Tiếng ồn ở khu vực công cộng và khu dân cư - Mức ồn tối đa cho phép;

2.3. Nước thải phải được xử lý đạt tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường:

- QCVN 14 : 2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt - Tiêu chuẩn thải, mức B.

2.4. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp về xử lý chất thải rắn và các giải pháp bảo vệ môi trường khác trong báo cáo ĐTM.

2.5. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án, cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu.

2.6. Trên cơ sở sơ đồ nguyên lý của công trình xử lý môi trường đã nêu trong báo cáo ĐTM được phê duyệt, phải tiến hành việc thiết kế chi tiết và xây lắp, các công trình xử lý theo đúng qui định hiện hành về đầu tư và xây dựng.

2.7. Sau khi thiết kế chi tiết các công trình xử lý môi trường được phê duyệt phải có văn bản báo cáo cơ quan nhà nước đã phê duyệt báo cáo ĐTM về kế hoạch xây lắp, kèm theo hồ sơ thiết kế chi tiết các công trình xử lý môi trường để theo dõi và kiểm tra.

2.8. Phải xây dựng kế hoạch vận hành thử nghiệm và thông báo cho cơ quan đã phê duyệt báo cáo ĐTM, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện và cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án để có trí kế hoạch giám sát, kiểm tra.

2.9. Sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm, phải có văn bản báo cáo và đề nghị xác nhận kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý môi trường gửi cơ quan đã phê duyệt báo cáo ĐTM để xác nhận.

2.10. Thực hiện nghiêm túc chương trình quản lý và quan trắc môi trường (các thông số, địa điểm giám sát đã được đề cập trong báo cáo đánh giá tác động môi trường), số liệu giám sát phải được cập nhật, lưu giữ tại cơ sở và gửi cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Chủ dự án phải tuân thủ nghiêm chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này theo qui định tại Nghị định số: 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số: 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 4. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 6. Ủy nhiệm Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Điều 2 của Quyết định này.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thị xã Sầm Sơn, Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Lam Sơn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, P.og NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

CHỖNG THỰC HÀNH SƠ ĐỒNG VỚI SẤY CHỨNG
Số chứng thực: 2054/06/2011

Trịnh Văn Chiến

NGÀY: 16-12-2011

UBND P. ĐIỆN BIÊN - TP. TH

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Phúc Hà